

BỘ XÂY DỰNG
VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA

BÁO CÁO TỔNG HỢP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

SỰ NGHIỆP KINH TẾ

“Xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045”.

Cơ quan chủ quản: Bộ Xây dựng

Đơn vị chủ trì: Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia (VIUP)

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS.KTS.Nguyễn Trung Dũng

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO TỔNG HỢP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

SỰ NGHIỆP KINH TẾ

“Xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045”

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Thư ký khoa học:

Thành viên chính:

1. Ths. Nguyễn Việt Dũng
2. Ths. Cao Sỹ Niêm
3. Ths. Trịnh Thị Phìn
4. Ths. Nguyễn Xuân Anh
5. KTS. Lê Anh Dũng

TS Nguyễn Trung Dũng

CN Nguyễn Thị Minh Đức

6. Ths. Lê Thị Thúy Hà

7. Ths. Trương Minh Ngọc

8. Ths. Phạm Hoàng Tú

9. CN. Phan Thanh Bích

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ
NÔNG THÔN QUỐC GIA
VIỆN TRƯỞNG**

Nguyễn Trung Dũng

**TM. HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

Hoàng Vĩnh Hưng

**TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHIỆM VỤ
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, MÔI
TRƯỜNG VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG-
BỘ XÂY DỰNG**

Nguyễn Cao Viên

DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA

STT	Tên thành viên	Nhiệm vụ
1	CN. Nguyễn Thị Minh Đức	Thư ký khoa học
2	Ths. Nguyễn Việt Dũng	Thành viên chính
3	Ths. Cao Sỹ Niêm	Thành viên chính
4	Ths. Trịnh Thị Phin	Thành viên chính
5	Ths. Nguyễn Xuân Anh	Thành viên chính
6	KTS. Lê Anh Dũng	Thành viên chính
7	Ths. Lê Thị Thúy Hà	Thành viên chính
8	Ths. Trương Minh Ngọc	Thành viên chính
9	Ths. Phạm Hoàng Tú	Thành viên chính
10	CN. Phan Thanh Bích	Thành viên chính
11	Ths. Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
12	CN. Bùi Chung Hậu	Thành viên
13	CN. Nguyễn Thị Quỳnh Lan	Thành viên
14	CN. Nguyễn Minh Tú	Thành viên
15	CN. Nguyễn Thùy Anh	Nhân viên hỗ trợ
16	CN. Nguyễn Thị Ái Dương	Nhân viên hỗ trợ
17	CN. Nguyễn Hồng Chi	Nhân viên hỗ trợ

BẢNG TỪ VIẾT TẮT

BĐKH	:	Biến đổi khí hậu
ĐTVB	:	Đô thị ven biển
ĐTTM	:	Đô thị thông minh
ĐTST	:	Đô thị sinh thái
HTĐT	:	Hệ thống đô thị
HTKT	:	Hạ tầng kỹ thuật
HTXH	:	Hạ tầng xã hội
KT-XH	:	Kinh tế - xã hội
KHCN	:	Khoa học công nghệ
NBD	:	Nước biển dâng
PTBV	:	Phát triển bền vững
PTĐT	:	Phát triển đô thị
DLBV	:	Du lịch bền vững
QHĐT	:	Quy hoạch đô thị
QHNT	:	Quy hoạch nông thôn
QHC	:	Quy hoạch chung
QLPTĐT	:	Quản lý phát triển đô thị
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
TCKT	:	Tiêu chuẩn kỹ thuật
TTX	:	Tăng trưởng xanh
TPTW	:	Thành phố trực thuộc trung ương

Mục lục

BẢNG TỪ VIẾT TẮT	4
A. PHẦN MỞ ĐẦU	8
1. Lý do sự cần thiết triển khai nhiệm vụ	8
2. Cơ sở triển khai:.....	9
3. Mục tiêu:	9
4. Phạm vi, giới hạn:	10
5. Phương pháp thực hiện:	10
6. Sản phẩm:	11
7. Các nhiệm vụ chính cần giải quyết.....	11
8. Giải thích khái niệm.....	12
B. PHẦN NỘI DUNG	14
CHƯƠNG I:.....	14
TỔNG QUAN VÀ THỰC TRẠNG QUY HOẠCH, QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VEN BIỂN VIỆT NAM.....	14
Nội dung 1. Nghiên cứu tổng quan về hệ thống đô thị ven biển Việt Nam	14
1.1. Tổng quan về hệ thống đô thị ven biển Việt Nam	14
1.2. Định hướng quy hoạch và quản lý phát triển đô thị ven biển.....	20
Nội dung 2: Khảo sát thu thập số liệu về hiện trạng và quy hoạch phát triển các đô thị, khu đô thị ven biển.....	26
2.1. Khảo sát thực địa thu thập dữ liệu về hiện trạng và quy hoạch phát triển đô thị ven biển tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ven biển đại diện cho các vùng duyên hải (Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Nam Bộ).....	26
2.2. Thu thập dữ liệu và điều tra khảo sát nhu cầu quy hoạch phát triển đô thị, khu đô thị ven biển đối với các tỉnh, thành phố TW còn lại	62
2.3. Tổng hợp kết quả.....	66
Nội dung 3: Đánh giá thực trạng, tiềm năng và nhu cầu phát triển các đô thị, khu đô thị ven biển	82
3.1. Phân tích, đánh giá tổng hợp về thực trạng, tiềm năng, nhu cầu phát triển các đô thị, khu đô thị ven biển và hải đảo	82
3.2. Xây dựng Bộ tiêu chí tổng hợp đánh giá đô thị, khu đô thị ven biển sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh, gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH tại Việt Nam.....	88
Nội dung 4: Rà soát, đánh giá các cơ chế, chính sách hiện hành về quy hoạch và phát triển đô thị, khu đô thị ven biển sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH tại Việt Nam.....	89
4.1. Rà soát, đánh giá các cơ chế, chính sách hiện hành về quy hoạch và phát triển đô thị, khu đô thị ven biển và hải đảo	89
4.2. Rà soát hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn, tiêu chí về quy hoạch đô thị sinh thái, tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH.....	92
CHƯƠNG II:	95

CƠ SỞ XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VEN BIỂN THEO MÔ HÌNH SINH THÁI, TĂNG TRƯỞNG XANH, THÔNG MINH GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU.....95

Nội dung 5: Tổng kết kinh nghiệm quốc tế và trong nước về quy hoạch và phát triển các khu đô thị, đô thị ven biển sinh thái, tăng trưởng xanh, đô thị thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH 95

5.1. Đúc kết các kinh nghiệm quốc tế trong quy hoạch và xây dựng thể chế về quản lý phát triển các đô thị ven biển thông minh, bền vững..... 95

5.2. Tổng kết kinh nghiệm phát triển các đô thị, khu đô thị ven biển sinh thái, tăng trưởng xanh, đô thị thông minh gắn với du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH tại Việt Nam..... 103

CHƯƠNG III: 108

ĐỀ XUẤT CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN MỘT SỐ ĐÔ THỊ, KHU ĐÔ THỊ VEN BIỂN THEO MÔ HÌNH SINH THÁI, TĂNG TRƯỞNG XANH, THÔNG MINH GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU 108

Nội dung 6: Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển và hải đảo..... 108

6.1. Đề xuất các căn cứ, quan điểm, mục tiêu phát triển mạng lưới đô thị ven biển và hải đảo ... 108

6.2: Đề xuất định hướng phát triển mạng lưới đô thị ven biển sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH tại Việt Nam. 120

6.3. Đề xuất các giải pháp phát huy các tiềm năng, lợi thế để thúc đẩy, tạo đột phá trong phát triển kinh tế đô thị biển, giải quyết các vấn đề tồn tại và phát sinh trong quản lý phát triển đô thị biển, phát triển cân bằng, hài hòa và bền vững hệ thống đô thị ven biển. 123

6.4. Đề xuất tích hợp các vấn đề về phát triển đô thị sinh thái, tăng trưởng xanh, đô thị thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH trong nội dung quy hoạch đô thị, khu đô thị ven biển..... 125

6.5. Đề xuất hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch đô thị ven biển sinh thái, tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH 126

6.6. Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan, tiết kiệm tài nguyên biển đảo.... 127

6.7. Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực thích ứng BĐKH của đô thị ven biển..... 128

Nội dung 7: Đề xuất hoàn thiện cơ chế chính sách và giải pháp hỗ trợ công tác quy hoạch và quản lý phát triển các đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH 130

7.1. Đề xuất các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các đô thị ven biển sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH tại Việt Nam..... 130

7.2. Đề xuất mô hình quản lý phát triển đô thị ven biển bền vững 133

7.3. Đề xuất giải pháp về pháp tăng cường huy động nguồn lực đầu tư phát triển đô thị ven biển..... 136

7.4. Đề xuất giải pháp về tăng cường hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ về đô thị ven biển thông minh, tăng trưởng xanh, thích ứng với BĐKH..... 142

7.5. Đề xuất giải pháp về tăng cường nhận thức, đào tạo nâng cao năng lực quy hoạch đô thị, quản lý phát triển đô thị ven biển bền vững..... 146

Nội dung 8: Xây dựng dự thảo Đề án “Xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045” (Xem chi tiết tại sản phẩm dự thảo Đề án).	151
<i>8.1. Xây dựng dự thảo Đề án “Xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045”.</i>	<i>151</i>
<i>8.2. Xây dựng dự thảo Tờ trình phê duyệt Đề án “Xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045”.</i>	<i>154</i>
Nội dung 9: Tổ chức Hội thảo góp ý cho dự thảo Đề án “Xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045”	154
(Phụ lục: Kỳ yếu hội thảo).	154
KẾT LUẬN-KIẾN NGHỊ.	155
TÀI LIỆU THAM KHẢO	159

A. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do sự cần thiết triển khai nhiệm vụ

Triển khai Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 tại Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 96/QĐ-BXD ngày 04/03/2022 về việc Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Xây dựng triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Xây dựng Đề án “Xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (gọi tắt là Đề án). là nhiệm vụ mà Bộ Xây dựng giao cho Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia (VIUP) phối hợp với Cục Phát triển đô thị triển khai trong Kế hoạch.

Để có các căn cứ về cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng Đề án đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ Bộ Xây dựng giao, Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia đề xuất thực hiện Nhiệm vụ sự nghiệp kinh tế mở mới năm 2024 về nội dung “*Xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn 2045*”.

Hiện nay, trên 50% dân số nước ta sinh sống tại 21 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển. Trong thời gian qua, các đô thị ven biển đều là các đô thị phát triển năng động và đóng vai trò là các cực tăng trưởng kinh tế, của các tỉnh, thành, nhiều đô thị là trung tâm phát triển của cả vùng KT-XH và đất nước. Đô thị biển Việt Nam được định hướng phát triển gắn với các khu kinh tế ven biển, khu thương mại tự do, cảng biển...là nơi diễn ra các hoạt động kinh tế sôi nổi và có đóng góp cao cho tăng trưởng của đất nước. Năm 2020, tổng sản phẩm nội địa (GDP) trên địa bàn các tỉnh, thành ven biển ước đạt 3,2 nghìn tỷ đồng (cao nhất là TP Hồ Chí Minh 1,4 nghìn tỷ đồng, Quảng Ninh 0,21 nghìn tỷ đồng và Hải Phòng 0,19 nghìn tỷ đồng), đóng góp đến 51,3% GDP cả nước [15]. Đô thị ven biển cũng

là nơi tập trung các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên được UNESCO công nhận như: vịnh Hạ Long, Huế, Hội An và cũng là các trung tâm du lịch cấp quốc gia. Du lịch là ngành kinh tế ven biển có vai trò quan trọng và đang phát triển nhanh, các tỉnh ven biển chiếm khoảng 45% doanh thu du lịch quốc gia [15].

Mặt khác, địa bàn các đô thị ven biển nước ta cũng là nơi tập trung các yếu tố nhạy cảm về mặt môi trường sinh thái, an ninh quốc phòng, chịu ảnh hưởng mạnh của BĐKH và thiên tai. Việc phát triển các đô thị ven biển theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH chính là giải pháp hiệu quả giúp tiết kiệm nguồn tài nguyên tự nhiên và phát huy các lợi thế về vị trí địa lý, cảnh quan, khí hậu, nhằm mục tiêu chung là phát triển bền vững kinh tế biển nước ta theo định hướng mà Đảng và Chính phủ đã đề ra tại Nghị quyết 36-NQ/TW và Nghị quyết 26/NQ-CP.

2. Cơ sở triển khai:

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 96/QĐ-BXD ngày 04/03/2022 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành Kế hoạch của Bộ Xây dựng triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Mục tiêu:

- Đúc kết các cơ sở khoa học, thực tiễn; xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình thực hiện nhằm phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch

bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đề xuất hoàn thiện các cơ chế chính sách, giải pháp về quy hoạch và quản lý phát triển đô thị, khu đô thị ven biển.

4. Phạm vi, giới hạn:

a. Phạm vi:

Công tác quy hoạch và quản lý phát triển đô thị, khu đô thị ven biển trên toàn quốc.

b. Đối tượng:

- Đô thị ven biển: Đô thị cấp tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương (đô thị loại II, III), đô thị thuộc các đặc khu ven bờ có ranh giới quy hoạch tiếp giáp với biển.

- Khu đô thị ven biển: Khu đô thị mới được quy hoạch đồng bộ có quy mô dân số trên 20.000 người, quy mô diện tích trên 100ha, có ranh giới quy hoạch tiếp giáp với biển.

c. Thời hạn: Đến 2030, tầm nhìn đến 2045.

5. Phương pháp thực hiện:

- Phương pháp điều tra khảo sát:

+ Khảo sát thực địa thu thập số liệu hiện trạng về quy hoạch và quản lý phát triển đô thị ven biển tại 08 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (TPTW) ven biển điển hình cho các khu vực Miền hải Bắc Bộ (Quảng Ninh, Hải Phòng), Bắc Trung Bộ (Thanh Hóa, Nghệ An) Trung Bộ (Đà Nẵng), Nam Trung Bộ (Khánh Hòa) và Đông Nam bộ (TP. Hồ Chí Minh), Nam Bộ (TP. Phú Quốc), làm cơ sở cho việc phân tích đánh giá tiềm năng phát triển các đô thị sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng BĐKH.

+ Điều tra khảo sát, đánh giá nhu cầu phát triển đô thị, khu đô thị ven biển thông qua hình thức gửi công văn, phiếu khảo sát cho Sở Xây dựng đối với các tỉnh, TPTW ven biển còn lại.

- *Phương pháp phân tích đánh giá tổng hợp:* Đánh giá tổng hợp điểm mạnh, yếu, cơ hội, thách thức đối với tiềm năng phát triển của từng đô thị nghiên cứu, tiềm năng phát triển du lịch bền vững và năng lực thích ứng với BĐKH.

- *Phương pháp chuyên gia*: Tổ chức Hội thảo lấy ý kiến chuyên gia góp ý hoàn thiện nội dung và các kết quả của nhiệm vụ, dự thảo Đề án.

- *Phương pháp kế thừa*: Kế thừa các kết quả của các nghiên cứu đã triển khai về tiêu chí đô thị thông minh, đô thị sinh thái, tăng trưởng xanh và thích ứng với BĐKH, các quy hoạch, chương trình, kế hoạch về đô thị ven biển.

6. Sản phẩm:

TT	Tên sản phẩm	Số lượng (Bộ)	Yêu cầu về nội dung
1	Báo cáo tổng hợp thực hiện nhiệm vụ	01	Thể hiện đầy đủ, chính xác và khoa học số liệu khảo sát, các kết quả triển khai của nhiệm vụ.
2	Báo cáo khảo sát thực trạng và đánh giá nhu cầu phát triển đô thị, khu đô thị ven biển.	01	Thể hiện đầy đủ các số liệu, phân tích, đánh giá về thực trạng và nhu cầu phát triển các đô thị, khu đô thị ven biển.
3	Dự thảo Đề án “Xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045”.	01	Dự thảo nội dung và tờ trình phê duyệt Đề án.

7. Các nhiệm vụ chính cần giải quyết

1) Đánh giá được thực trạng và tiềm năng phát triển các đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình đô thị sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH tại Việt Nam.

Đây là nhiệm vụ đầu tiên và quan trọng làm cơ sở cho việc triển các các nhiệm vụ tiếp theo. Trên cơ sở thu thập, phân tích số liệu hiện trạng, xây dựng khung cơ sở dữ liệu, đề xuất bộ tiêu chí đánh giá tổng hợp, nhóm nghiên cứu sẽ phân tích, đánh giá tiềm năng phát triển của các đô thị, khu đô thị ven biển nước ta để đưa ra các dự báo và kịch bản phát triển.

2) Đề xuất các giải pháp phát huy các tiềm năng, lợi thế để thúc đẩy, tạo đột phá trong phát triển kinh tế đô thị biển, giải quyết các vấn đề tồn tại và phát sinh trong quản lý phát triển đô thị biển, phát triển cân bằng, hài hòa và bền vững hệ thống đô thị biển, đảm bảo sinh kế cho người dân.

Trên cơ sở đánh giá tiềm năng và dự báo phát triển, đề đề xuất các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể về quy hoạch xây dựng, cơ chế chính sách, các giải pháp hỗ trợ, xây dựng lộ trình và các chương trình, dự án ưu tiên thực hiện.

3) Xây dựng cơ chế để triển khai thực hiện

Thế chế hóa các nội dung, kết quả của nhiệm vụ thông qua xây dựng dự thảo Đề án “*Xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn 2045*” trình Bộ Xây dựng xem xét trình Chính phủ phê duyệt để triển khai thực hiện.

8. Giải thích khái niệm

- Đô thị: là phạm vi không gian tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp; có cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; là trung tâm tổng hợp hoặc chuyên ngành; có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ (Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn sửa đổi năm 2025)

- Đô thị mới: là đô thị dự kiến hình thành trong tương lai, theo định hướng được xác định tại quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch vùng hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch chung thành phố; đô thị mới được đầu tư xây dựng từng bước đồng bộ theo các tiêu chí phân loại đô thị (Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn sửa đổi năm 2025).

- Quy hoạch đô thị và nông thôn: là quy hoạch không gian lãnh thổ, là việc xác định, tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan, tổ chức hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội, nhà ở nhằm tạo lập môi trường sống thích hợp cho người dân tại đô thị, nông thôn và khu chức năng. (Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn sửa đổi năm 2025).

- Đô thị loại II: là đô thị trung tâm tỉnh, thành phố, có vai trò, vị trí, chức năng trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành của tỉnh, thành phố hoặc vùng liên tỉnh (Nghị quyết số: 111/2025/UBTVQH15)

- Đô thị loại III là đô thị trung tâm tiểu vùng thuộc tỉnh, thành phố, có vai trò, vị trí, chức năng trung tâm tổng hợp hoặc chuyên ngành của tiểu vùng Nghị quyết số: 111/2025/UBTVQH15.

- Đô thị thông minh: Đô thị thông minh là đô thị lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực cốt lõi để quy hoạch, xây dựng, quản lý và vận hành đô thị, nhằm nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, bảo đảm môi trường sống an toàn, tiện nghi cho người dân, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả quản lý của đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới mục tiêu phát triển đô thị bền vững (NĐ 269/2025)

- Đô thị sinh thái: Đô thị sinh thái là đô thị đảm bảo sự phát triển bền vững về môi trường và bền vững về kinh tế, nhằm nâng cao chất lượng sống cho người dân đô thị, tiến tới xây dựng một xã hội bền vững về văn hóa” (Ngân hàng Thế giới (World Bank).

- Đô thị tăng trưởng xanh: là đô thị đạt được tăng trưởng và phát triển kinh tế thông qua các chính sách và hoạt động đô thị nhằm giảm những tác động có ảnh hưởng bất lợi đối với môi trường và nguồn tài nguyên thiên nhiên (Thông tư 01/2018/TT-BXD)

- Phát triển du lịch bền vững: Phát triển du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế - xã hội và môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai (khoản 14 Điều 3 Luật Du lịch 2017).

B. PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG I:

TỔNG QUAN VÀ THỰC TRẠNG QUY HOẠCH, QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VEN BIỂN VIỆT NAM

Nội dung 1. Nghiên cứu tổng quan về hệ thống đô thị ven biển Việt Nam

1.1. Tổng quan về hệ thống đô thị ven biển Việt Nam

a. Hệ thống đô thị trên đất liền ven biển

Với 3.260 km đường bờ biển, Việt Nam có trên 50% dân số sống ở 28 tỉnh, thành phố ven biển (thời điểm trước 1/7/2025) và 21 tỉnh, thành phố trung ương ven biển hiện nay. Hầu hết các đô thị lớn của nước ta tập trung ở khu vực ven biển. Các đô thị ven biển lớn của Việt Nam như Thành phố Hạ Long, Hải Phòng, Sầm Sơn, Vinh, Huế, Đà Nẵng, Hội An, Quy Nhơn, Nha Trang, Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh, Hà Tiên, ... (thống kê tại thời điểm trước 1/7/2025) ...

Theo thống kê, cả nước có:

- ☐ 28 tỉnh, thành phố TW ven biển (trước 1/7/2025); 21 tỉnh, TPTW ven biển hiện nay;
- ☐ 373 Đô thị ven biển (năm 2019);
- ☐ 13 đô thị du lịch ven biển

Bảng 1.1: Thống kê các tỉnh, TPTW ven biển (Từ Bắc xuống Nam)

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp

STT	Tỉnh, TPTW ven biển trước 1/7/2025	STT	Tỉnh, TPTW ven biển năm sau 1/7/2025
1.	Quảng Ninh	1	Quảng Ninh
2.	Hải Phòng	2	TP. Hải Phòng
3.	Thái Bình	3	Hưng Yên
4.	Nam Định	4	Ninh Bình
5.	Ninh Bình		
6.	Thanh Hóa	5	Thanh Hóa
7.	Nghệ An	6	Nghệ An
8.	Hà Tĩnh	7	Hà Tĩnh
9.	Quảng Bình	8	Quảng Trị

10.	Quảng Trị		
11.	Thừa Thiên Huế	9	TP. Huế
12.	Đà Nẵng	10	TP. Đà Nẵng
13.	Quảng Nam		
14.	Quảng Ngãi	11	Quảng Ngãi
15.	Bình Định	12	Gia Lai
16.	Phú Yên	13	Đắk Lắk
17.	Khánh Hòa	14	Khánh Hòa
18.	Ninh Thuận		
19.	Bình Thuận	15	Lâm Đồng
20.	Bà Rịa - Vũng Tàu	16	TP. Hồ Chí Minh
21.	TP. Hồ Chí Minh		
22.	Tiền Giang	17	Đồng Tháp
23.	Bến Tre	18	Vĩnh Long
24.	Trà Vinh		
25.	Sóc Trăng	19	TP. Cần Thơ
26.	Bạc Liêu	20	Cà Mau
27.	Cà Mau		
28.	Kiên Giang.	21	An Giang

❖ Phân loại đô thị ven biển

- Phân loại đô thị:

Phân loại đô thị ven biển theo phân loại chung của hệ thống đô thị quốc gia trước ngày 1/7/2025, bao gồm:

- + Đô thị loại đặc biệt: TP Hồ Chí Minh
- + Đô thị loại I: Hạ Long, Đà Nẵng, Hải Phòng, Huế, Nha Trang,...
- + Đô thị loại II: Tuy Hòa, Phan Thiết...
- + Đô thị loại III: Hội An, Hà Tiên...
- + Đô thị loại IV, V: Thị trấn Cô Tô, thị trấn Cát Bà...

- Phân loại đô thị theo Nghị quyết số: 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025, hiệu lực từ 1/1/2026:

Theo quy định của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025, hệ thống đô thị nước ta được phân theo 4 loại: Đô thị loại Đặc biệt, loại I, loại II, loại III.

Bảng 1.2: Phân loại đô thị theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15

STT	Phân loại đô thị	Định nghĩa
1	Đô thị đặc biệt	là đô thị trung tâm tổng hợp quốc gia, quốc tế, có vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt.
2	Đô thị loại I	là đô thị trung tâm quốc gia, có vai trò, vị trí, chức năng trung tâm tổng hợp của quốc gia.
3	Đô thị loại II	là đô thị trung tâm tỉnh, thành phố, có vai trò, vị trí, chức năng trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành của tỉnh, thành phố hoặc vùng liên tỉnh
4	Đô thị loại III	là đô thị trung tâm tiểu vùng thuộc tỉnh, thành phố, có vai trò, vị trí, chức năng trung tâm tổng hợp hoặc chuyên ngành của tiểu vùng.

- Phân cấp quản lý:

+ Đô thị thuộc Thành phố trực thuộc Trung ương ven biển: TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng...

+ Đô thị thuộc tỉnh ven biển.

- Phân loại theo vị trí địa lý

+ Đô thị ven biển: Các đô thị có ranh giới tiếp giáp với biển (Hạ Long, Nha Trang, Quy Nhơn...).

+ Các đô thị thuộc các đặc khu ven bờ...

- Phân loại theo hình thái địa hình đặc trưng

+ Đô thị cửa sông-biển: Hội An, Đà Nẵng

+ Đô thị núi-biển: Hạ Long

+ Đô thị đảo ven bờ

- Phân loại theo chức năng đặc thù

+ Đô thị du lịch biển (Sầm Sơn, Cửa Lò, Nha Trang...)

Các đô thị với trọng tâm phát triển kinh tế du lịch biển, được định hướng trong Chiến lược phát triển du lịch biển Việt Nam đến 2020, tầm nhìn 2030, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị hoặc có tỷ trọng đóng góp thực tế của lĩnh vực du lịch biển, đảo vào tổng thu ngân sách chung của địa phương lớn.

+ Đô thị cảng biển: Các đô thị có hoạt động kinh tế gắn bó chặt chẽ với cảng biển thuộc hệ thống cảng biển cấp vùng, quốc gia (Hải phòng...).

+ Đô thị di sản: Các đô thị được công nhận là di sản văn hóa, di sản thiên nhiên quốc tế (Huế, Hội An, Hạ Long...).

+ Đô thị công nghiệp-dịch vụ: Các đô thị thuộc khu kinh tế ven biển

+ Đô thị biển tổng hợp: TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng...

b. Hệ thống đô thị đặc khu

Vùng biển nước ta có trên 4000 hòn đảo lớn nhỏ và 2 quần đảo xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa, được phân bố khá đều theo chiều dài của bờ biển đất nước. Trong đó :

+ Vùng biển Đông Bắc có trên 3.000 đảo.

+ Bắc Trung Bộ trên 40 đảo.

+ Còn lại ở vùng biển Nam Trung Bộ, vùng biển Tây Nam và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Đặc điểm phân bố dân cư vùng biển đảo Việt Nam khá đa dạng dựa theo diện tích, địa hình và vị trí của hệ thống đảo và quần đảo. Dân cư sống tập trung đông ở các đảo gần bờ và có diện tích lớn như quần đảo Cô Tô, hệ thống đảo Phú Quốc, đảo Lý Sơn...và thưa thớt dần đến không có người ở khi càng xa với đất liền. Dân cư biển đảo Việt Nam chủ yếu tập trung phát triển và kiểm soát ngư trường, kết hợp phát triển mạnh du lịch biển và đặc biệt không thể thiếu là nhiệm vụ giữ vững chủ quyền trên biển.

Hệ thống đô thị đảo tập trung chủ yếu tại các huyện đảo và thành phố Phú Quốc trước đây với trung tâm là các thị trấn huyện lỵ và thành phố Phú Quốc.

Kể từ ngày 1/7/2025 đến nay, 13 đặc khu được thành lập trên cơ sở các huyện đảo trước đây. Các đặc khu là một đơn vị hành chính duy nhất, ngoại trừ trường hợp đặc khu Phú Quốc được phân chia thành 8 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 2 phường: An Thới, Dương Đông và 6 xã: Bãi Thơm, Cửa Cạn, Cửa Dương, Dương Tơ, Gành Dầu, Hàm Ninh, Thổ Châu.

Hiện nay, ranh giới các đô thị nói chung và đô thị thuộc đặc khu nói riêng được xác định dựa trên định hướng quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn trong Quy hoạch tỉnh, thành phố Trung ương (Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn).

Bảng 1.3: Khu vực đô thị thuộc các đặc khu

Nguồn: nhóm nghiên cứu tổng hợp

STT	Đặc khu	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Đô thị (các thành phố, thị xã, thị trấn trước 1/7/2025)	Phân loại (trước 1/7/2025)	Phân loại (sau 1/1/2026)
1	Vân Đồn (Quảng Ninh)	551,30	39.384	Thị trấn Cái Rồng	IV	III
2	Cô Tô (Quảng Ninh)	46,20	33.900	Thị trấn Cô Tô	V	III
3	Cát Hải (TP.Hải Phòng)	345,00	30.000	Thị trấn Cát Bà	V	III
4	Bạch Long Vĩ (TP.Hải Phòng)	4,00				
5	Cồn Cỏ (Quảng Trị)	2,50	400			
6	Lý Sơn (Quảng Ngãi)	9,97	20.460			
7	Hoàng Sa (TP. Đà Nẵng)	305,00				
8	Trường Sa (Khánh Hòa)	496,00	195			
9	Phú Quý (Lâm Đồng)	18,08	27.500		Tương đương loại IV	
10	Côn Đảo (TP Hồ Chí Minh)	75,15	5.000			
11	Kiên Hải (Kiên Giang)	30,00	25.000			
12	Phú Quốc (Kiên Giang)	589,23	127.709	Thành phố Phú Quốc	II	II
13	Thỏ Châu (Kiên Giang)	13,98	1.829			

❖ Phân loại đô thị đặc khu*- Phân loại theo vị trí địa lý:*

+ Đặc khu ven bờ: Cô Tô, Cát Bà, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo, Phú Quốc...

+ Đặc khu xa bờ: Hoàng Sa, Trường Sa

- Phân loại theo tính chất phát triển:

+ Hệ thống đặc khu đảo tiền tiêu có vị trí quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trên các đảo có thể lập những căn cứ kiểm soát vùng biển, vùng trời nước ta, kiểm tra hoạt động của tàu, thuyền, bảo đảm an ninh quốc phòng,

xây dựng kinh tế, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước ta. Đó là các đảo, quần đảo như: Hoàng Sa, Trường Sa, Cồn Cỏ, Cô Tô, Thổ Châu...

+ Các đặc khu đảo lớn có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế-xã hội như: Cô Tô, Cát Bà, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo, Phú Quốc.

+ Các đặc khu đảo ven bờ gần có điều kiện phát triển nghề cá, du lịch và cũng là căn cứ để bảo vệ trật tự, an ninh trên vùng biển và bờ biển nước ta như: Cát Hải, Phú Quý, Côn Đảo, Lý Sơn, Phú Quốc...

- Phân loại đô thị

Theo hệ thống phân loại đô thị nước ta (trước 1/7/2025) các thị trấn huyện lỵ của các huyện đảo Vân Đồn, Cô Tô, Cát Hải được phân loại đô thị cấp IV, V riêng thành phố Phú Quốc là đô thị loại II.

Hiện nay, phân loại đô thị thuộc đặc khu dựa trên phân loại của các đô thị đã được công nhận trước đây và được quy đổi theo quy định của Nghị quyết Ủy ban thường vụ quốc hội số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 về phân loại đô thị) và được chia thành 04 loại đô thị (thay cho 06 loại đô thị trước đây), bao gồm: Đô thị đặc biệt, đô thị loại I, II, III. Đối với các đô thị thuộc các huyện đảo trước đây và đặc khu hiện nay chủ yếu là loại IV và V được quy đổi sang đô thị loại III (Cái Rồng, Cô Tô, Cát Bà), riêng Phú Quốc vẫn là loại II theo hệ thống phân loại mới có hiệu lực kể từ 1/1/2026 (Bảng 1.2).

c. Khu đô thị mới ven biển

Khu đô thị mới được định nghĩa là Khu đô thị (KĐT) được dự kiến hình thành trong tương lai, theo định hướng được xác định tại quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch vùng hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch chung thành phố; đô thị mới được đầu tư xây dựng từng bước đồng bộ theo các tiêu chí phân loại đô thị (Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn sửa đổi năm 2025). Như vậy, khu đô thị mới ven biển được hiểu là các khu đô thị mới có ranh giới quy hoạch tiếp giáp biển.

Trong những năm qua, công tác quy hoạch phát triển các KĐT ven biển nước ta có bước phát triển mạnh mẽ để đáp ứng nhu cầu phát triển bất động sản du lịch nghỉ dưỡng và nhà ở. Các tỉnh, thành phố có hoạt động phát triển KĐT ven biển mạnh phải kể đến: Vân Đồn, Hạ Long (Quảng Ninh), Đồ Sơn, Cát Hải (Hải Phòng) Nha Trang (Khánh Hòa), Phú Quốc (An Giang)...

Các hình thức phát triển KĐT ven biển phổ biến như:

+ Tái thiết các khu vực cảng, khu công nghiệp cũ

+ Quy hoạch xây dựng mới

+ Quy hoạch lấn biển.

Đặc biệt xu hướng phát triển đô thị lấn biển đang diễn ra rất phổ biến tại rất nhiều tỉnh, thành ven biển trên cả nước (Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh...) và đã xuất hiện nhiều đại đô thị lấn biển quy mô hàng nghìn ha như: KĐT Hạ Long Xanh (Quảng Ninh), KĐT Cần Giờ (TP. Hồ Chí Minh).

Các khu đô thị ven biển phát triển theo các mô hình phổ biến như: đô thị biển sinh thái (Cần Giờ) , đô thị du lịch biển (Đồi Ròng-Đồ Sơn), đô thị sân bay (Cam Lâm-Khánh Hòa)...

1.2. Định hướng quy hoạch và quản lý phát triển đô thị ven biển

- Định hướng phát triển đô thị ven biển trong Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam (Nghị quyết 36/NQ-TW về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”)

Năm 2018, Ban Chấp hành TW Đảng (khóa XII) ban hành Nghị quyết 36/NQ-TW về “Chiến lược Phát triển bền vững (PTBV) kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Trong đó, định hướng hình thành và phát triển các trung tâm kinh tế biển mạnh, có vai trò chủ đạo trong phát triển vùng và gắn kết liên vùng. Đến Đại hội XIII (2021), định hướng phát triển đô thị (PTĐT) theo những tiêu chí mới: thông minh, xanh và có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH); ngoài ra, bên cạnh yêu cầu về phát triển cần quan tâm hài hoà với bảo tồn; chú trọng hơn đến phát triển kinh tế đô thị, xác định rõ kinh tế đô thị làm động lực phát triển từng vùng và địa phương.

Phát triển kinh tế vùng: xây dựng quy hoạch, tổ chức không gian lãnh thổ quốc gia một cách hợp lý, phát huy tốt nhất các lợi thế đặc thù của mỗi vùng, địa phương và tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng để tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tạo không gian phát triển mới; khai thác tốt hơn các thế mạnh của các vùng về kết cấu hạ tầng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa chính trị, nguồn nhân lực trong bối cảnh và yêu cầu phát triển mới; phát triển tổng thể, mang tính hữu cơ, liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong vùng thành một thể thống nhất; tập trung xây dựng quy hoạch vùng mang tính chất đột phá theo hướng tích hợp, đa ngành, hình thành chuỗi giá trị và triển khai thực hiện hiệu quả, lấy quy hoạch làm cơ sở quản lý phát triển (QLPT) vùng; phát triển hệ thống đô thị (HTĐT) trung tâm phù hợp với chức năng của từng vùng KT-XH.

Phát triển kinh tế biển: xây dựng quy hoạch không gian biển quốc gia; phấn đấu đến năm 2030, quy mô kinh tế của 28 tỉnh, thành phố ven biển bằng 65 - 70% GDP cả nước.

Phát triển đô thị: đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng ĐTH và kinh tế đô thị; xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển HTĐT hài hòa, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương; tăng tính kết nối giữa các đô thị trong nước và khu vực.

Một số chỉ tiêu quan trọng liên quan đến phát triển đô thị ven biển:

- Về kinh tế biển: Các ngành kinh tế thuần biển đóng góp khoảng 10% GDP cả nước; kinh tế của 28 tỉnh, thành phố ven biển ước đạt 65 - 70% GDP cả nước. Các ngành kinh tế biển phát triển bền vững theo các chuẩn mực quốc tế; kiểm soát khai thác tài nguyên biển trong khả năng phục hồi của hệ sinh thái biển.

- Về xã hội: Chỉ số phát triển con người (HDI) của các tỉnh, thành phố ven biển cao hơn mức trung bình của cả nước; thu nhập bình quân đầu người của các tỉnh, thành phố ven biển gấp từ 1,2 lần trở lên so với thu nhập bình quân của cả nước. Các đảo có người dân sinh sống có hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đầy đủ, đặc biệt là điện, nước ngọt, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục...

- Về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng: Đánh giá được tiềm năng, giá trị các tài nguyên biển quan trọng. Tối thiểu 50% diện tích vùng biển Việt Nam được điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển ở tỉ lệ bản đồ 1: 500.000 và điều tra tỉ lệ lớn ở một số vùng trọng điểm. Thiết lập bộ cơ sở dữ liệu số hoá về biển, đảo, bảo đảm tính tích hợp, chia sẻ và cập nhật.

Ngăn ngừa, kiểm soát và giảm đáng kể ô nhiễm môi trường biển; tiên phong trong khu vực về giảm thiểu chất thải nhựa đại dương. Ở các tỉnh, thành phố ven biển, 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường; 100% khu kinh tế, khu công nghiệp và khu đô thị ven biển được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường.

Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo; tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt tối thiểu 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia; phục hồi diện tích rừng ngập mặn ven biển tối thiểu bằng mức năm 2000.

Năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, động đất, sóng thần, quan trắc, giám sát môi trường biển, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bao gồm cả thông qua việc ứng dụng công nghệ vũ trụ và trí tuệ nhân tạo, đạt trình độ ngang tầm với các nước tiên

tiền trong khu vực. Có biện pháp phòng, tránh, ngăn chặn, hạn chế tác động của triều cường, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển.

- *Định hướng phát triển bền vững đô thị ven biển trong Chiến lược quy hoạch, phát triển bền vững đô thị Việt Nam (Nghị quyết số 06-NQ/TW Ngày 24 tháng 01 năm 2022 về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050).*

Nghị quyết số 06-NQ/TW khẳng định, sau 35 năm đổi mới, nhất là trong 10 năm vừa qua, công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị ở nước ta đã đạt được nhiều kết quả rất quan trọng. Đến cuối năm 2020, hệ thống đô thị nước ta đã có 862 đô thị các loại, phân bố tương đối đồng đều trong cả nước. Tỷ lệ đô thị hoá xác định theo địa bàn có chức năng đô thị đã tăng từ 30,5% năm 2010 lên gần 40% năm 2020. Không gian đô thị được mở rộng; hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư theo hướng ngày càng đồng bộ và hiệu quả hơn; chất lượng sống của cư dân đô thị từng bước được nâng cao...Tuy nhiên PTĐT nước ta còn bộc lộ nhiều điểm yếu trong công tác quy hoạch và quản lý phát triển.

Một số chỉ tiêu quan trọng liên quan đến đô thị ven biển:

- Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2025 đạt tối thiểu 45%, đến năm 2030 đạt trên 50%. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1,5-1,9% vào năm 2025, đến năm 2030 đạt khoảng 1,9 - 2,3%.

- Số lượng đô thị toàn quốc đến năm 2025 khoảng 950 - 1.000 đô thị, đến năm 2030 khoảng 1.000 - 1.200 đô thị. Đến năm 2025, 100% các đô thị hiện có và đô thị mới có quy hoạch tổng thể, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị; bảo đảm tối thiểu 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hoá cấp đô thị. Đến năm 2030, hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đạt các chỉ tiêu về y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa cấp đô thị tương đương mức bình quân của các đô thị thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN.

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 11 - 16% vào năm 2025, 16 - 26% vào năm 2030. Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 6-8 m² vào năm 2025, khoảng 8 - 10 m² vào năm 2030...

- Kinh tế khu vực đô thị đóng góp vào GDP cả nước khoảng 75% vào năm 2025 và khoảng 85% vào năm 2030. Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của các đô thị trực thuộc Trung ương đạt bình quân 25 - 30% vào năm 2025, 35 - 40% vào năm 2030. *Xây dựng được mạng lưới đô thị thông minh trung tâm cấp quốc gia và*

cấp vùng kết nối quốc tế và 3 - 5 đô thị có thương hiệu được công nhận tầm khu vực và quốc tế vào năm 2030.

- Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

+ Về kinh tế biển: Góp phần để các ngành kinh tế tuần hoàn biển đóng góp khoảng 10% GDP cả nước; kinh tế của 28 tỉnh, TPTW (trước 1/7/2025) có biển đạt từ 65% đến 70% GDP cả nước; thu nhập bình quân đầu người của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển gấp từ 1,2 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người của cả nước; mở rộng đảo ở những nơi có điều kiện phù hợp; phát triển hệ thống đô thị ven biển, trong đó ưu tiên phát triển đô thị tại các khu vực cửa sông ven biển, khu vực đảo gắn với phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; phân bố đồng bộ, hài hòa, hợp lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hiện đại theo mô hình kinh tế xanh, đô thị sinh thái, đô thị thông minh; xây dựng và nhân rộng các khu kinh tế, khu công nghiệp sinh thái ven biển theo hướng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp và có khả năng chống chịu cao, gắn với hình thành và phát triển các trung tâm kinh tế biển mạnh, thúc đẩy liên kết vùng;

+ Định hướng đối với các đảo, các quần đảo:

Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên các đảo, các quần đảo và vùng nước ven đảo; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch hiện đại tại một số đảo trọng điểm về kinh tế, tạo sự bứt phá mạnh mẽ về phát triển kinh tế biển, đảo của cả nước gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; có chính sách phù hợp đưa người ra sinh sống tại các đảo hiện chưa có hoặc có ít người; phát triển các đảo nhỏ, hoang sơ, có vị trí quan trọng và nhiều tiềm năng.

Khuyến khích phát triển du lịch đảo, cảng cá, khu tránh trú bão cho tàu, thuyền; phát triển những đảo tiềm năng trở thành trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, khu du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử, tâm linh chất lượng cao, đặc sắc có tầm cỡ khu vực và quốc tế với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, hiện đại; phát triển một số ngành kinh tế có lợi thế gắn với bảo tồn thiên nhiên tại các đảo.

- Định hướng phát triển hệ thống đô thị biển trong Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Một số định hướng phát triển hệ thống đô thị biển:

+ Phát triển hệ thống đô thị, nông thôn dựa trên đặc điểm lãnh thổ tự nhiên trên đất liền, biển, hải đảo; đặc điểm lịch sử, văn hóa, định cư và hiện trạng phân bố dân cư.

+ Phát triển hệ thống đô thị bền vững theo mạng lưới; phân bố hợp lý, đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng... Chú trọng phát triển các đô thị nhỏ, vùng ven đô để hỗ trợ phát triển nông thôn thông qua các mối liên kết đô thị, nông thôn. Phát triển các mô hình đô thị đặc thù như đô thị chuyên ngành là trung tâm quốc gia hoặc cấp vùng về văn hoá, di sản, du lịch, đại học, sáng tạo, khoa học, kinh tế cửa khẩu; đô thị biên giới, biển đảo.

+ Phát triển đô thị có chức năng tổng hợp theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; kết hợp phòng, chống thiên tai, dịch bệnh Hình thành mạng lưới đô thị thông minh kết nối với khu vực và thế giới. Phát triển hệ thống đô thị ven biển và hải đảo theo hướng bền vững, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên.

+ Phát triển hệ thống đô thị ven biển, trên các đảo gắn với chiến lược phát triển kinh tế biển và đảm bảo quốc phòng, an ninh Mạng lưới đô thị ven biển, nhất là các đô thị trung tâm quốc gia, trung tâm vùng và trung tâm tỉnh (tỉnh lỵ), huyện lỵ ven biển, thúc đẩy các ngành kinh tế biển, nhất là các ngành du lịch, dịch vụ biển; kinh tế hàng hải; khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. Hình thành các chức năng trong đô thị nhằm đẩy mạnh nghiên cứu lĩnh vực hải dương học, nghiên cứu ở các vùng biển sâu khi có điều kiện. Kết nối mạng lưới thành chuỗi đô thị biển bằng hành lang giao thông đường bộ ven biển, cảng, kết cấu hạ tầng phát triển các hoạt động kinh tế biển.

+ Vùng ven biển phía Bắc: Ngoài các đô thị lớn cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh hình thành các chuỗi đô thị liên kết gắn kết với phát triển các ngành kinh tế biển tại Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình;

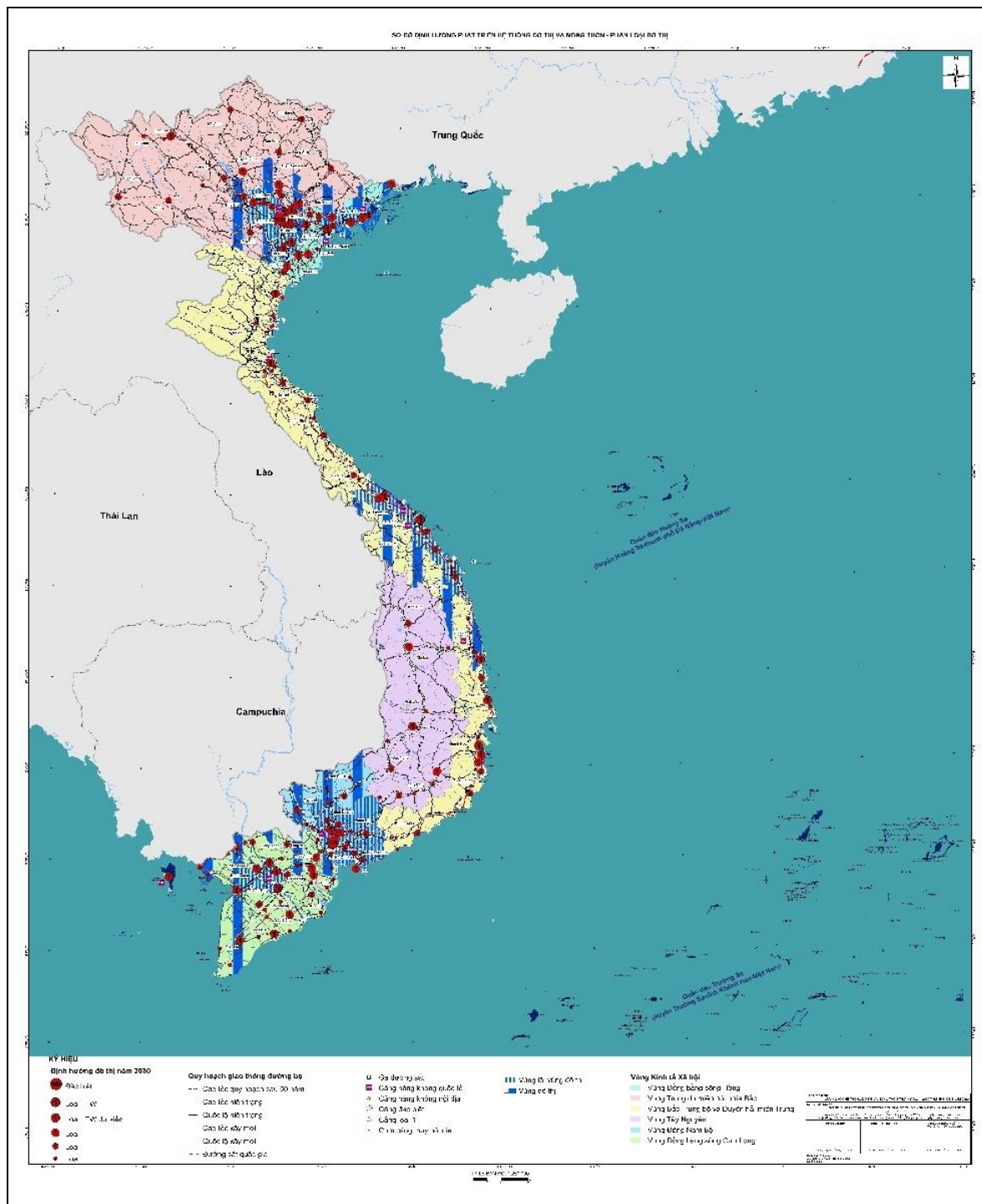
+ Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ: Ngoài các đô thị lớn cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh ven biển tập trung xây dựng và phát triển đô thị công nghiệp công nghệ cao, trung tâm logistics quốc tế gắn với các khu cảng biển Vũng Áng - Cửa Lò - Hòn La...; hình thành và phát triển hệ thống đô thị trung tâm, du lịch biển, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng biển tại khu vực Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An, Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh và Quảng Bình.

+ Vùng Trung Trung Bộ: Tập trung xây dựng và phát triển đô thị gắn với phát triển cảng biển container trung chuyển trong nước, quốc tế và cảng biển du lịch, vận tải biển quốc tế, trong nước và các dịch vụ tại các khu vực Liên Chiểu - Tiên Sa - Chân Mây; phát triển đô thị gắn với phát triển công nghiệp thép, công nghiệp sản xuất lắp ráp ô tô, công nghiệp hóa dầu, hóa chất ở Nam Quảng Nam - Bắc Quảng Ngãi; phát triển đô thị gắn với phát triển công nghiệp khí ở Quảng Trị - Đà Nẵng - Thừa Thiên Huế; công nghiệp năng lượng tái tạo ở ven biển Quảng Trị,

Quảng Ngãi; phát triển thành phố Nha Trang, thành phố Quy Nhơn, thành phố Phan Thiết thành các đô thị du lịch biển tầm quốc tế cao ở châu Á - Thái Bình Dương.

Hình 1.1: Hệ thống đô thị ven biển trong quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia

Nguồn: Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050.



+ Vùng Đông Nam Bộ: Ngoài các đô thị lớn cấp quốc gia, cấp vùng, cấp 17 tỉnh phát triển hệ thống đô thị của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành trung tâm kinh tế biển quốc gia, là trung tâm cảng biển (cả trung chuyển và du lịch); phát triển công nghiệp đóng tàu biển, công nghiệp lọc hóa dầu, chế biến sản phẩm từ dầu khí, công nghiệp hóa chất, công nghiệp năng lượng tái tạo; nuôi trồng thủy sản giá trị hàng hóa cao gắn kết với dịch vụ thương mại nghề cá và chế biến xuất khẩu tập trung; phát triển các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hoá, thể thao, các dịch vụ vui chơi giải trí chất lượng cao.

+ Vùng Tây Nam Bộ: Xây dựng và phát triển một đô thị gắn với phát triển trung tâm dịch vụ logistics liên vùng, quốc tế tại khu kinh tế Định An; phát triển khu cảng biển quốc tế thuộc Sóc Trăng (cảng Trần Đề) và cảng Cần Thơ. Vùng biển Tây của Việt Nam: Tăng cường xây dựng phát triển chuỗi đô thị gắn với phát triển các cảng biển du lịch, cảng biển xuất nhập khẩu hàng hóa, trung chuyển trong nước, quốc tế và dịch vụ tại các khu vực Rạch Giá - Hòn Chông và Năm Căn - Ông Đốc; phát triển thành phố Phú Quốc, Hà Tiên thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái chất lượng cao, du lịch biển, đảo tầm cỡ quốc gia và quốc tế, kết nối với các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực và thế giới.

Nội dung 2: Khảo sát thu thập số liệu về hiện trạng và quy hoạch phát triển các đô thị, khu đô thị ven biển

2.1. Khảo sát thực địa thu thập dữ liệu về hiện trạng và quy hoạch phát triển đô thị ven biển tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ven biển đại diện cho các vùng duyên hải (Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Nam Bộ)

a) Phạm vi, đối tượng và phương pháp khảo sát

- Tiêu chí lựa chọn các tỉnh, TPTW ven biển để tiến hành khảo sát:

+ Các tỉnh, TPTW đại diện các vùng KT-XH ven biển: Vùng Đồng bằng Sông Hồng, Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung, Vùng Đông Nam Bộ và Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.

+ Các tỉnh, TPTW ven biển có các mô hình phát triển đặc trưng: Du lịch, công nghiệp dịch vụ, cảng biển, các vấn đề đặc thù về ảnh hưởng của BĐKH...

- Phạm vi khảo sát: Tiến hành khảo sát công tác quy hoạch, phát triển đô thị ven biển tại 08 tỉnh, TPTW có nhiều tiềm năng phát triển sau: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng, Khánh Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Kiên Giang.

STT	Tỉnh, Thành phố TW ven biển	Vùng KT-XH ven biển	Mô hình phát triển đặc trưng	Ảnh hưởng của BĐKH
1	Quảng Ninh	Vùng Đồng bằng Sông Hồng	Du lịch sinh thái	Nước biển dâng
2	Hải Phòng	Vùng Đồng bằng Sông Hồng	Cảng biển	Nước biển dâng
3	Thanh Hóa	Vùng Bắc Trung bộ và Diên hải Miền Trung	Du lịch sinh thái	Nước biển dâng, bão lũ
4	Nghệ An	Vùng Bắc Trung bộ và Diên hải Miền Trung	Du lịch văn hóa	Nước biển dâng, bão lũ
5	Đà Nẵng	Vùng Bắc Trung bộ và Diên hải Miền Trung	Kinh tế tổng hợp	Xói lở bờ biển
6	Khánh Hòa	Vùng Bắc Trung bộ và Diên hải Miền Trung	Du lịch tổng hợp	Ảnh hưởng đa dạng sinh học
7	TP.Hồ Chí Minh	Đông Nam Bộ	Tổng hợp	Nước biển dâng
8	Phú Quốc	ĐB Sông Cửu Long	Du lịch biển đảo	Ô nhiễm môi trường biển

- Các số liệu cần thu thập:

+ Các quy hoạch chung đô thị, đô thị mới ven biển, các số liệu về tình hình phát triển đô thị, kinh tế, xã hội, du lịch, các dự án, đề án xây dựng đô thị thông minh, tăng trưởng xanh, chuyển đổi số, ảnh hưởng của BĐKH và giải pháp thích ứng với BĐKH của địa phương.

+ Khảo sát, làm việc với các Sở Xây dựng địa phương về nhu cầu phát triển các đô thị, khu đô thị ven biển theo mô hình đề xuất của nhiệm vụ.

+ Tổng hợp nhu cầu phát triển các đô thị và khu đô thị ven biển của địa phương.

b) Tóm tắt kết quả khảo sát thực địa thu thập dữ liệu về hiện trạng và quy hoạch phát triển đô thị ven biển tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ven biển đại diện cho các vùng diên hải (Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Nam Bộ).

1. Tỉnh Quảng Ninh

❖ Thực trạng quy hoạch và phát triển đô thị ven biển

Đến 1/7/2025, tỉnh Quảng Ninh có 13 đơn vị hành chính với 13 đô thị, trong đó có 9 đô thị ven biển, bao gồm:

- 01 đô thị loại I (thành phố Hạ Long, là thành phố trung tâm tỉnh);
- 02 đô thị loại II (thành phố: Móng Cái, Cẩm Phả);
- 01 đô thị loại III (thị xã Quảng Yên);

- 03 đô thị loại IV (thị trấn Tiên Yên, thị trấn Quảng Hà, đô thị Vân Đồn);
- 02 đô thị loại V là thị trấn huyện lỵ (thị trấn Đầm Hà và Cô Tô).

Bảng 2.1: Hệ thống đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh

TT	Đô thị	Loại đô thị		Ghi chú
		Trước 1/7/ 2025	2026	
I	Đô thị ven biển			
1	Hạ Long	I	II	Trước 1/7/2025 là Thành phố tỉnh lỵ, đô thị loại I
2	Móng Cái	II	III	Trước 1/7/2025 là Thành phố thuộc tỉnh, là đô thị loại II (Hải Hà, Móng Cái dự kiến phát triển trở thành một đơn vị hành chính thống nhất đến 2030)
3	Quảng Hà	IV	III	
4	Cẩm Phả	II	III	Trước 1/7/2025 là Thành phố thuộc tỉnh, đô thị loại II
5	Quảng Yên	III	III	Trước 1/7/2025 là Thành phố thuộc tỉnh trước năm 2025; là đô thị loại III; tiêu chuẩn về chất lượng hạ tầng kinh tế - xã hội; hạ tầng kỹ thuật đạt đô thị loại II
6	Vân Đồn	IV	III	Đô thị thuộc tỉnh; tiêu chuẩn về chất lượng hạ tầng kinh tế - xã hội; hạ tầng kỹ thuật đạt loại III
7	Tiên Yên	IV	III	Là đô thị thuộc tỉnh
8	Đầm Hà	V	III	Là đô thị thuộc tỉnh
9	Cô Tô	V	III	Là đô thị trung tâm Đặc khu Cô Tô
II	Tỷ lệ đô thị hóa (%)	68,5	70-75	

Chất lượng đô thị được xây dựng theo hướng phát triển đô thị xanh, thông minh, bền vững, thích ứng với BĐKH và NBD trên cơ sở đạt và đạt cao các tiêu chuẩn, tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi.

❖ *Thực trạng tác động của biến đổi khí hậu*

Khu vực ven biển tỉnh Quảng Ninh chịu tác động ngày càng rõ nét của BĐKH, thể hiện ở xu hướng NBD, xói lở bờ biển cục bộ và tần suất bão mạnh gia tăng. Một số khu vực như Cẩm Phả, Vân Đồn, Móng Cái ghi nhận tình trạng triều cường dâng cao vào mùa mưa, gây ngập úng ở các khu dân cư thấp trũng.

Các hệ sinh thái đặc trưng: rừng ngập mặn, thảm cỏ biển, vùng triều, suy giảm về diện tích do áp lực tự nhiên kết hợp với san nền, phát triển các khu đô thị, khu du lịch và hạ tầng ven biển. Chất lượng môi trường nước có dấu hiệu ô nhiễm cục bộ tại các vùng sát bờ và trong các vịnh kín, ảnh hưởng đến đa dạng sinh học. Những tác động này làm giảm khả năng chống chịu tự nhiên và đòi hỏi các giải pháp quy hoạch thích ứng, phòng hộ ven biển và bảo vệ hệ sinh thái.

❖ *Các giải pháp thích ứng BĐKH*

Tỉnh Quảng Ninh đã tích hợp đồng bộ trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 các nội dung bảo vệ di sản thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng biến đổi khí hậu.

Từ năm 2022 đến nay, Quảng Ninh đã thu hút 5 dự án lớn về bảo vệ môi trường với tổng vốn đầu tư hơn 48.000 tỷ đồng từ khu vực tư nhân, đồng thời tiếp nhận nhiều dự án tài trợ quốc tế có ý nghĩa như dự án xử lý nước thải tại khu vực hang Đầu Gỗ, dự án SATREPS về quản lý phế thải xây dựng, hay các sáng kiến giảm thiểu rác thải nhựa.

Địa phương ban hành nhiều văn bản, quyết định nhằm bảo vệ môi trường thiên nhiên như Nghị quyết số 10-NQ/TU (ngày 26/9/2022) của Tỉnh ủy, đưa công tác bảo vệ môi trường và ứng phó BĐKH trở thành trụ cột quan trọng trong phát triển bền vững.

Triển khai Nghị quyết số 10-NQ/TU, các địa phương, đơn vị trong tỉnh đã xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, phân công rõ trách nhiệm cho từng cấp, ngành. Các cấp ủy, chính quyền đã đưa nội dung Nghị quyết vào chương trình công tác trọng tâm hàng năm, lồng ghép trong chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và địa phương.

Việc chú trọng kiểm soát hoạt động trong khai thác khoáng sản, xử lý chất thải, giảm phát thải khí nhà kính và chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn cho thấy tầm nhìn dài hạn của tỉnh. Cùng với đó, các chương trình truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành thói quen sống xanh, tiêu dùng bền vững trong nhân dân. Ngoài ra, việc đầu

tư cho hạ tầng phòng chống thiên tai và xây dựng các vùng sinh thái an toàn là nền tảng giúp Quảng Ninh nâng cao khả năng chống chịu trước BĐKH (21).

❖ *Thực trạng phát triển du lịch*

Du lịch biển Quảng Ninh đang tăng trưởng nhanh với trung tâm là Vịnh Hạ Long, Bãi Cháy và các tuyến đảo Vân Đồn – Cô Tô. Lượng khách tăng liên tục tạo động lực kinh tế nhưng cũng gây áp lực lớn lên môi trường, hạ tầng tiếp nhận và các điểm tham quan. Tình trạng quá tải mùa cao điểm, ô nhiễm rác thải từ tàu du lịch, xây dựng resort dày đặc, một số dự án đô thị lấn biển tại một số khu vực ven biển đang làm suy giảm chất lượng cảnh quan và trải nghiệm du khách.

Bên cạnh đó, du lịch vẫn chủ yếu tập trung vào mô hình ngắm cảnh và nghỉ dưỡng ngắn ngày, trong khi các sản phẩm du lịch xanh, du lịch sinh thái – giáo dục chưa được phát triển tương xứng. Sự lệ thuộc quá lớn vào Vịnh Hạ Long khiến chưa hình thành được mạng lưới điểm đến phân tán, giảm áp lực lên lõi di sản.

❖ *Đánh giá tiềm năng phát triển đô thị ven biển*

Quảng Ninh sở hữu đường bờ biển dài, địa hình đa dạng với các vịnh, đảo, bán đảo có giá trị cảnh quan, du lịch cao, nên rất thuận lợi hình thành chuỗi đô thị biển hiện đại. Hệ thống kết nối vùng—cao tốc Hà Nội – Hạ Long – Móng Cái, sân bay Vân Đồn, cảng biển quốc tế được đầu tư đồng bộ là lợi thế cạnh tranh đặc biệt so với nhiều tỉnh ven biển khác.

Nền tảng kinh tế mạnh, chuyển dịch sang dịch vụ – công nghiệp sạch và xu hướng phát triển kinh tế biển mở ra tiềm năng lớn cho các đô thị mới, trung tâm dịch vụ, logistics và đô thị du lịch.

Hệ thống đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh được quy hoạch, xây dựng hiện đại. Tuy nhiên, để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững bền vững, phát triển đô thị cần đồng thời bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và văn hóa đặc trưng của tỉnh hướng tới mục tiêu là nâng cao chất lượng sống cho người dân, phát triển kinh tế – xã hội, du lịch và dịch vụ, đồng thời đảm bảo hạ tầng đô thị đồng bộ, thân thiện với môi trường.

3.2. Thành phố Hải Phòng

❖ *Thực trạng quy hoạch và phát triển đô thị ven biển*

Trước 1/7/2025: Thành phố Hải Phòng có 15 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc, bao gồm 8 quận, 1 thành phố, 6 huyện với 167 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 79 phường, 7 thị trấn và 81 xã.

Bảng 2.2: Đô thị ven biển thành phố Hải Phòng

Tên	Trước 1/7/2025			Năm 2026
	Diện tích (km²)	Dân số (người)	Mật độ (người/km²)	
Quận (2025)				
An Dương	78,84	167.134	2.119	
Dương Kinh	46,78	61.645	1.317	
Đồ Sơn	46,32	54.175	1.169	
Hải An	97,72	138.869	1.421	
Hồng Bàng	39,85	171.470	4.302	
Kiến An	29,63	113.076	3.816	
Lê Chân	11,9	261.854	22.004	
Ngô Quyền	11,33	186.683	16.476	
Thành phố (2025)				
Thủy Nguyên	269,10	382.103	1.419	Phường Thủy Nguyên
Huyện đảo (2025)				
Bạch Long Vĩ	3,16	619	195	Đặc khu
Cát Hải (thị trấn Cát Bà)	286,98	37.142	129	

Sau 1/7/2025: Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở cấp cơ sở, thành phố Hải Phòng đã tiến hành sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã theo quy định tại các nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Kết quả, địa bàn thành phố hiện nay gồm 114 đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn, với nhiều thay đổi về ranh giới, tên gọi và địa giới hành chính.

Trong quy hoạch phát triển không gian đô thị, Hải Phòng tập trung xây dựng các mô hình đô thị ven biển hiện đại gồm đô thị cảng biển quốc tế, đô thị dịch vụ – logistics, đô thị du lịch biển và đô thị sinh thái ven biển nhằm tạo ra hệ thống đô thị biển tích hợp đa ngành.

Các khu vực ven biển được xác định giữ vai trò chủ đạo trong việc mở rộng không gian đô thị của thành phố, đặc biệt là khu vực Hải An, Dương Kinh, Đồ Sơn, Kiến Thụy và Cát Hải. Mỗi khu vực được định hướng với chức năng riêng, tạo nên chuỗi đô thị ven biển liên kết, đồng bộ và hiện đại.

Khu vực Đặc khu Cát Hải được định hướng phát triển theo mô hình đô thị dịch vụ cảng biển – logistics và đô thị du lịch biển quốc tế, gắn với cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện và không gian du lịch sinh thái biển đảo.

Khu vực Đồ Sơn được xác định là đô thị du lịch biển quốc tế, phát triển các khu đô thị nghỉ dưỡng cao cấp, vui chơi giải trí và đô thị du lịch biển chất lượng cao. Khu vực Hải An và Dương Kinh phát triển theo hướng đô thị mới ven biển, kết hợp dịch vụ đô thị, logistics và dân cư, gắn liền với hành lang kinh tế ven biển Đình Vũ. Trong khi đó, Nam Đình Vũ – Đình Vũ và hành lang ven biển phía Đông phát triển mạnh mô hình đô thị công nghiệp – logistics và đô thị dịch vụ cảng.

Riêng khu vực Kiến Thụy - Văn Úc - Nam Đồ Sơn hướng đến hình thành một đô thị ven biển mới có tính kết nối, vừa đáp ứng nhu cầu dân cư, vừa mở rộng đô thị ra hướng biển.

Đặc khu Bạch Long Vĩ: nằm cách đất liền khoảng 110 km, có vai trò chiến lược về chủ quyền và phát triển kinh tế biển xa bờ. Đảo hiện được định hướng phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, nghiên cứu biển, năng lượng tái tạo và du lịch sinh thái.

Giai đoạn đến năm 2030, thành phố tập trung mở rộng đô thị ra biển, hình thành các khu đô thị mới ven biển gắn với dịch vụ cảng, logistics và du lịch, tỷ lệ đô thị hóa dự kiến đạt khoảng 74–76%. Đến năm 2040, thành phố phát triển đô thị biển quốc tế và mở rộng không gian đô thị ra khu vực Cát Hải và các đảo ven biển.

Tầm nhìn đến năm 2050, Hải Phòng trở thành đô thị biển quốc tế hàng đầu khu vực châu Á, đóng vai trò tiên phong trong phát triển kinh tế biển, dịch vụ logistics, công nghiệp công nghệ cao và đô thị thông minh, thích ứng BĐKH.

❖ *Thực trạng tác động của BĐKH*

Quá trình phát triển đô thị ven biển đặt ra nhiều vấn đề như xung đột không gian giữa hoạt động cảng, công nghiệp với không gian cư trú, du lịch và sinh thái; áp lực lên hạ tầng đô thị, giao thông và môi trường ven biển; gia tăng nguy cơ ô nhiễm, mất rừng ngập mặn và suy giảm hệ sinh thái ven bờ do lấn biển và mở rộng cảng. Đồng thời, khu vực ven biển chịu rủi ro cao từ biến đổi khí hậu, nước biển dâng và bão mạnh, ảnh hưởng trực tiếp đến dân cư và hệ thống hạ tầng. Điều này đòi hỏi quy hoạch đô thị ven biển phải gắn với các mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng khí hậu và quản lý tổng hợp không gian biển.

Biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động du lịch: Mùa bão và mưa kéo dài làm gián đoạn dịch vụ, tăng chi phí vận hành, ảnh hưởng an toàn của tàu thuyền và các hoạt động tắm biển, nghỉ dưỡng.

❖ *Giải pháp thích ứng BĐKH*

Nhằm triển khai nâng cao năng lực quản lý, giám sát biến đổi khí hậu (BĐKH) và tăng cường khả năng ứng phó với BĐKH; tận dụng các cơ hội của BĐKH mang lại, phòng tránh và giảm thiểu những tác động tiêu cực của BĐKH, đảm bảo sự phát triển bền vững của thành phố; góp phần thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH và cam kết của Việt Nam trong đóng góp do quốc gia tự quyết định nhằm bảo vệ khí hậu trái đất theo Thỏa thuận Paris về BĐKH, UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 565/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án Xây dựng, cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đề án nêu rõ đến năm 2050, tiếp tục tăng cường năng lực thích ứng với BĐKH của con người, cơ sở hạ tầng và các hệ thống tự nhiên, nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới, an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên trong bối cảnh BĐKH và an toàn trước thiên tai. Tiếp tục thực hiện chương trình, dự án liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện của từng ngành, từng lĩnh vực trên địa bàn thành phố Hải Phòng nhằm phát triển nền kinh tế các-bon thấp và tăng trưởng xanh. Tăng cường công tác hợp tác quốc tế BĐKH, khẳng định sự chủ động, nỗ lực của thành phố Hải Phòng trong ứng phó với biến đổi khí hậu; tích cực vận động hỗ trợ về năng lực, tài chính, công nghệ để ứng phó hiệu quả với các tác động của BĐKH. Thực hiện lồng ghép các yếu tố về BĐKH trong tất cả các hoạt động kinh tế – xã hội nhằm chủ động ứng phó với BĐKH và tận dụng cơ hội từ BĐKH để phát triển kinh tế – xã hội, gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao đời sống nhân dân, hướng tới bảo đảm mục tiêu bền vững và tăng trưởng xanh của thành phố.

UBND thành phố giao Ban Chỉ đạo Chương trình hành động ứng phó với BĐKH thành phố Hải Phòng tham mưu, giúp UBND thành phố trong việc chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án trong Kế hoạch, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế, vận động hỗ trợ tài chính quốc tế cho các hoạt động về BĐKH và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án quốc tế về BĐKH; Các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan trên địa bàn thành phố nghiêm túc thực hiện Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của UBND thành phố Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn và BĐKH trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Các giải pháp phòng tránh, thích ứng, giảm thiểu thiệt hại mà thành phố đã, đang và dự kiến triển khai, bao gồm: phê duyệt kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; xây dựng kịch bản về biến đổi khí hậu và nước

biển dâng của thành phố Hải Phòng đến năm 2025; xây dựng kịch bản các-bon thấp cho thành phố Hải Phòng; ban hành kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về ứng phó với biến đổi khí hậu tại Hải Phòng; triển khai nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp thành phố về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện các đề án, dự án; tổ chức các hội nghị tuyên truyền nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu (22).

❖ *Thực trạng phát triển du lịch*

Hải Phòng là thành phố có nhiều lợi thế được thiên nhiên ban tặng, hội tụ đầy đủ những điều kiện chung và điều kiện khác mang tính đặc thù để phát triển du lịch biển. Vùng biển Hải Phòng có diện tích khoảng 4.000 km², gấp 2,6 lần diện tích đất đai của thành phố, bờ biển dài khoảng 125 km, có 6 cửa sông chính đổ ra biển. Với 8/15 quận, huyện tiếp giáp với biển và 2 huyện đảo Cát Hải và Bạch Long Vĩ, tài nguyên du lịch biển tập trung chủ yếu ở Cát Bà, Đồ Sơn, một phần tại Bạch Long Vĩ.

Phát triển du lịch biển góp phần thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành kinh tế khác, tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội và góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường biển. Tuy nhiên, việc khai thác những tài nguyên du lịch biển tại Hải Phòng. Thời gian qua chưa hiệu quả, trình độ khai thác tài nguyên du lịch biển còn lạc hậu, sản phẩm du lịch biển chưa phong phú ở trình độ thấp, thiếu tính hệ thống, còn dàn trải, manh mún, chưa tập trung,... một số chỉ tiêu phát triển du lịch biển của Hải Phòng còn hạn chế, chưa phát huy được những tiềm năng và thế mạnh trong phát triển du lịch biển.

❖ *Đánh giá tiềm năng phát triển đô thị ven biển*

Thành phố đang từng bước khẳng định vai trò trung tâm cảng biển, dịch vụ logistics hiện đại mang tầm quốc gia và quốc tế, đồng thời mở rộng không gian đô thị về phía Nam thành phố.

Hải Phòng cũng là cửa ngõ mở ra biển của hai hành lang, một vành đai kinh tế Việt Nam – Trung Quốc; đồng thời là cực tăng trưởng quan trọng trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Năm 2024, Hải Phòng đã thành lập Khu kinh tế ven biển phía Nam thành phố, có diện tích hơn 20.000 ha.

Để đảm bảo tính bền vững, thành phố cần phát triển chuỗi mô hình đô thị ven biển tích hợp gồm đô thị cảng biển, đô thị logistics, đô thị công nghiệp ven biển, đô thị du lịch biển, đô thị sinh thái ven biển – đảo và đô thị dịch vụ biển. Các mô hình này được lồng ghép yếu tố công nghệ số, đô thị thông minh, tăng trưởng

xanh và quản lý tổng hợp đới bờ nhằm đáp ứng yêu cầu chống chịu thiên tai, bảo tồn môi trường và phát triển bền vững.

Tổng thể, hệ thống đô thị ven biển của Hải Phòng đang chuyển mạnh từ phát triển đơn ngành sang mô hình đô thị tích hợp, gắn kết chặt chẽ giữa phát triển cảng biển, công nghiệp, dịch vụ và du lịch biển, tạo nên động lực lan tỏa cho vùng duyên hải Bắc Bộ và cả nước. Trong tương lai, phát triển đô thị ven biển không chỉ quyết định hình thái không gian đô thị mà còn xác lập vị thế Hải Phòng như một đô thị biển quốc tế hàng đầu, có ảnh hưởng ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương vào giai đoạn 2040-2050.

3.3. Tỉnh Thanh Hóa

❖ *Thực trạng quy hoạch và phát triển đô thị ven biển*

Thanh Hóa là tỉnh ven biển lớn với các động lực phát triển mạnh như Khu kinh tế ven biển Nghi Sơn, hệ thống cảng biển, các dự án năng lượng và chuỗi đô thị - du lịch ven biển (Sầm Sơn, Hải Tiến, Hải Hòa). Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021- 2030 xác định phát triển kinh tế biển-công nghiệp - đô thị là trục chiến lược, hướng đến hình thành cực tăng trưởng lớn của Bắc Trung Bộ. Tuy nhiên, tỉnh đang đối mặt nhiều thách thức song hành: xói lở bờ biển (đặc biệt tại cửa sông Mã), áp lực đô thị hóa-du lịch ở Sầm Sơn, nhu cầu đầu tư lớn vào hạ tầng cảng và rủi ro tích tụ ô nhiễm từ KKT Nghi Sơn.

Hệ thống đô thị ven biển hiện nay bao gồm đô thị Sầm Sơn, Nghi Sơn đóng vai trò là chuỗi đô thị - du lịch - công nghiệp quan trọng của tỉnh.

Bảng 2.3: Hệ thống đô thị ven biển tỉnh Thanh Hóa.

(Nguồn: Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023 của TTg Chính phủ)

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Năm 2020		Trước 1/7/ 2025		Sau 1/1/ 2026	
		Tên đô thị	Loại đô thị	Tên đô thị	Loại đô thị	Tên đô thị	Loại đô thị
Đô thị ven biển							
1	Sầm Sơn	TP. Sầm Sơn	III	TP. Sầm Sơn	III	Đô thị Sầm Sơn	III
2	Nghi Sơn	Thị xã Nghi Sơn	IV	Thị xã Nghi Sơn		Đô thị Nghi Sơn	III
Huyện ven biển							
3	Huyện Quảng Xương	TT. Tân Phong	V	TT. Tân Phong	V	Tân Phong Tiên Trang	III III
				TT. Tiên Trang	V		
4	Huyện Hoằng Hóa	TT. Bút Sơn	V	TT. Bút Sơn	V	Bút Sơn	III
				TT. Hải Tiến	V	Hải Tiến	V

				TT. Kiêu	V	Kiêu	III
				TT. Yên Lâm	V	Yên Lâm	III
				TT. Quý Lộc	V	Quý Lộc	III
5	Huyện Nga Sơn	TT. Nga Sơn	V	TT. Nga Sơn	V	Nga Sơn	III
6	Huyện Hậu Lộc	TT. Hậu Lộc	V	TT. Hậu Lộc	V	Hậu Lộc	III

❖ *Thực trạng tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH)*

Thanh Hóa là tỉnh có dải ven biển dài gần 102 km, gồm các khu vực trọng điểm: Nga Sơn – Hậu Lộc – Hoằng Hóa – Sầm Sơn – Quảng Xương – Tĩnh Gia (Nghị Sơn). Ảnh hưởng mạnh của BĐKH biểu hiện trên nhiều khía cạnh:

- Nước biển dâng và nguy cơ ngập lụt: Theo các kịch bản khí hậu quốc gia, mực nước biển tại vùng Thanh Hóa dự báo sẽ tăng 14–17 cm vào năm 2030 và 28–33 cm vào năm 2050. Một số xã ven biển như Đa Lộc, Ngư Lộc (Hậu Lộc), Hoằng Trường, Quảng Nham thường xuyên bị ngập sâu 0,3–0,8 m khi triều cường kết hợp mưa lớn.

- Xói lở và biến động đường bờ: Nhiều đoạn bờ biển đang bị xói lở nghiêm trọng, đặc biệt tại Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Quảng Xương, với tốc độ 0,5–2 m/năm, có nơi mất 5–10 ha đất trong 10–15 năm gần đây. Sự suy giảm rừng ngập mặn và phá vỡ hệ tự nhiên làm tăng nguy cơ thiệt hại.

- Bão mạnh, mưa lớn và triều cường: Thanh Hóa hằng năm chịu ảnh hưởng 2–3 cơn bão lớn; từng ghi nhận gió giật cấp 12–13 làm sập nhà, hư hại tàu thuyền và công trình ven biển. Lượng mưa trong các đợt cực đoan đạt 350–450 mm/48 giờ, gây ngập đô thị Sầm Sơn và khu vực Nghi Sơn.

- Ảnh hưởng sinh kế và hệ sinh thái: Tăng nhiệt độ nước biển, thay đổi dòng chảy dẫn tới giảm sản lượng một số loài hải sản ven bờ. Rừng ngập mặn tại Hậu Lộc, Hoằng Hóa bị thu hẹp từ hơn 1.000 ha xuống còn khoảng 300–400 ha trong 20 năm qua.

❖ *Giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu*

Nhằm xác định những nhiệm vụ, giải pháp tăng cường khả năng ứng phó với BĐKH; phòng, tránh và giảm thiểu hiểm họa do BĐKH đem lại. UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành quyết định phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với

biến đổi khí hậu (BĐKH) tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050,

Giai đoạn 2021-2025 các sở, ngành, địa phương hoàn thành xây dựng kế hoạch hành động ứng phó cụ thể với BĐKH của ngành, địa phương mình trên cơ sở “Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”; Nâng cao năng lực ứng phó với BĐKH của các ngành, các cấp và cộng đồng để ứng phó kịp thời, hiệu quả trước BĐKH; Xây dựng được một hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh về khí tượng thủy văn và BĐKH, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh.

Giai đoạn 2026-2030 tiếp tục đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, dự án liên quan thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho từng ngành, lĩnh vực cụ thể một cách hiệu quả; Ứng dụng hiệu quả khoa học - công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến để hướng tới nền công nghiệp, nông nghiệp hiện đại, thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; Thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư từ cộng đồng quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, tư nhân cho ứng phó với BĐKH. (23)

UBND tỉnh Thanh Hóa cũng đã phối hợp với Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) triển khai kế hoạch tái tạo rừng ngập mặn. Đây là một trong những giải pháp hiệu quả nhất để tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của cộng đồng ven biển

❖ *Thực trạng phát triển du lịch của Thanh Hóa*

Du lịch biển là thế mạnh hàng đầu của tỉnh, đặc biệt với Sầm Sơn, Hải Tiến, Hải Hòa. Sự phát triển nhanh của du lịch đóng góp cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh nhưng cũng tồn tại nhiều vấn đề:

- Tăng trưởng lượng khách và doanh thu: Năm 2023 Thanh Hóa đón khoảng 12,2 triệu lượt khách, trong đó du lịch biển chiếm gần 70% tổng lượng khách. Doanh thu du lịch đạt khoảng 24.000 tỷ đồng, tập trung ở Sầm Sơn, Hải Tiến và khu vực TP Thanh Hóa.

- Mở rộng hạ tầng và dịch vụ du lịch: Hệ thống khách sạn, khu nghỉ dưỡng, resort ven biển tăng nhanh: riêng Sầm Sơn có hơn 700 cơ sở lưu trú, trong đó nhiều dự án 4-5 sao. Tuyến ven biển từ Sầm Sơn – Hải Tiến – Hải Hòa thúc đẩy hình thành chuỗi đô thị – du lịch liên kết.

- Áp lực môi trường và hạ tầng: Tình trạng quá tải vào mùa cao điểm gây kẹt xe, thiếu chỗ lưu trú, áp lực rác thải. Nước thải du lịch chưa được xử lý triệt để làm giảm chất lượng nước biển ở một số thời điểm.

- Sản phẩm du lịch còn đơn điệu: Du lịch Thanh Hóa chủ yếu dựa vào biển và nghỉ dưỡng, ít sản phẩm trải nghiệm, sinh thái, văn hóa – lịch sử. Các khu du lịch Hải Tiến, Hải Hòa vẫn phát triển theo mô hình truyền thống, chưa tạo sự khác biệt lớn.

- Ảnh hưởng của BĐKH tới hoạt động du lịch: Bão, áp thấp và triều cường làm gián đoạn hoạt động tắm biển, ảnh hưởng 30–40 ngày/năm. Một số bãi tắm có hiện tượng xói lở, buộc phải chỉnh trị bờ biển.

❖ *Đánh giá tiềm năng phát triển đô thị ven biển*

Thanh Hóa có vị trí chiến lược phía Bắc miền Trung, hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển đô thị ven biển. Nằm trên trục Bắc – Nam, có biển, có biên giới, có cảng biển nước sâu Nghi Sơn, sân bay Thọ Xuân, đường ven biển dài 102 km giúp kết nối hiệu quả chuỗi đô thị biển.

Đô thị du lịch Sầm Sơn: Hướng tới đô thị du lịch quốc gia với quy mô dân số dự báo 150.000–200.000 người. Tiềm năng mở rộng về phía Đông Bắc và liên kết với TP Thanh Hóa thành đô thị lớn.

Chuỗi Hải Tiến – Hải Hòa: Không gian biển thoáng, quỹ đất rộng, thích hợp hình thành đô thị nghỉ dưỡng chất lượng cao. Tiềm năng phát triển thành đô thị dịch vụ – du lịch liên vùng.

- Tiềm năng kinh tế biển mạnh: Hải sản, logistics, năng lượng tái tạo, cảng biển nước sâu, công nghiệp ven biển đều là những ngành có khả năng tạo việc làm lớn. Thanh Hóa đang hướng tới mô hình kinh tế biển đa ngành, hiện đại. Khu kinh tế Nghi Sơn là động lực phát triển kinh tế biển, logistics, công nghiệp nặng và đô thị cảng.

- Thách thức: Nguy cơ ngập lụt và xói lở do BĐKH làm tăng chi phí đầu tư hạ tầng. Thiếu không gian xanh công cộng ven biển; mật độ xây dựng ở một số điểm du lịch còn cao. Đô thị hóa còn phân tán, thiếu bản sắc và thiếu sự kết nối không gian.

Thanh Hóa có tiềm năng rất lớn để phát triển chuỗi đô thị ven biển theo mô hình “đô thị du lịch - đô thị sinh thái”, tuy nhiên, phát triển chỉ bền vững khi quy hoạch đô thị ven biển được triển khai thực hiện đồng bộ, quản lý tổng hợp vùng ven biển và bảo đảm khả năng chống chịu trước BĐKH và thiên tai.

3.4. Tỉnh Nghệ An

❖ *Thực trạng quy hoạch và phát triển đô thị ven biển*

Nghệ An có đường bờ biển dài khoảng 82 km, trải dài qua các địa phương: thị xã Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc, thành phố Vinh và thị xã Cửa Lò.

Trong những năm qua, quy hoạch và phát triển đô thị ven biển đã có nhiều chuyển biến tích cực, song vẫn tồn tại không ít hạn chế. Tỉnh đã ban hành các đồ án quy hoạch chung và quy hoạch phân khu cho các đô thị ven biển như Cửa Lò, Hoàng Mai, Vinh mở rộng, gắn với tuyến đường ven biển Bắc Trung Bộ. Định hướng phát triển đô thị ven biển bước đầu được xác lập theo mô hình đô thị du lịch – dịch vụ – công nghiệp (Hoàng Mai), đô thị du lịch biển (Cửa Lò) và đô thị trung tâm tổng hợp (Vinh).

Tuy nhiên, thực trạng phát triển đô thị ven biển còn thiếu tính liên kết không gian, các đô thị phát triển rời rạc, chưa hình thành được chuỗi đô thị biển thống nhất. Một số khu vực ven biển phát triển tự phát, mật độ xây dựng cao, thiếu không gian công cộng và hành lang xanh ven biển. Công tác quản lý xây dựng, kiểm soát san lấp mặt nước, bảo vệ cảnh quan biển ở một số nơi chưa chặt chẽ, tiềm ẩn nguy cơ xung đột giữa phát triển đô thị, du lịch và bảo vệ môi trường.

Bảng 2.4: Hệ thống đô thị ven biển tỉnh Nghệ An

TT	Trước 1/7/2025		Sau 1/1/2026	
	Tên đô thị	Phân loại	Tên đô thị	Phân loại
1	Thành phố Vinh	I	Vinh	II
2	Thị xã Cửa Lò	III		
3	Thị xã Hoàng Mai	III	Hoàng Mai	III
4	Thị trấn Quán Hành	V	Quán Hành	III
5	Thị trấn Cầu Giát	V	Cầu Giát	III
6	Đô thị Sơn Hải	V	Sơn Hải	III
7	Thị trấn Diễn Châu	V	Diễn Châu	III

❖ *Thực trạng tác động của biến đổi khí hậu*

Khu vực ven biển Nghệ An đang chịu tác động ngày càng rõ rệt của BĐKH, đặc biệt là nước biển dâng, xói lở bờ biển, bão mạnh và mưa lớn cực đoan.

Nước biển dâng kết hợp triều cường gây ngập cục bộ tại nhiều khu dân cư ven biển thuộc Diễn Châu, Quỳnh Lưu và Nghi Lộc, nhất là trong mùa mưa bão. Một số khu vực có cao độ tự nhiên thấp, hệ thống thoát nước chưa đồng bộ nên khả năng tiêu thoát kém, ảnh hưởng đến sinh hoạt và hạ tầng đô thị.

Hiện tượng xói lở bờ biển xảy ra tại nhiều đoạn bờ ở Quỳnh Lưu, Diễn Châu và Cửa Lò, làm thu hẹp bãi biển, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động du lịch và nuôi trồng thủy sản. Bên cạnh đó, tần suất và cường độ bão mạnh có xu hướng gia tăng, gây hư hại công trình ven biển, tàu thuyền và hạ tầng du lịch.

Hệ sinh thái ven biển như rừng ngập mặn, bãi triều, đầm phá đang suy giảm do tác động kép của BĐKH và hoạt động nhân sinh, làm giảm khả năng phòng hộ tự nhiên và sức chống chịu của vùng ven bờ.

❖ *Giải pháp thích ứng BĐKH*

UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành văn bản số 5500/UBND-NN Ngày 21/7/2022 về việc triển khai hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) cấp quốc gia; văn bản số 4470/UBND-NN ngày 20/6/2022 về việc thực hiện KHHĐ ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về BĐKH.

Hoàn thiện Đề án "Xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Nghệ An phục vụ công tác quản lý" để đảm bảo lưu trữ các thông tin thống nhất, đồng bộ, phục vụ cho hoạt động dự báo, cảnh báo thiên tai, tăng cường khả năng ứng phó với BĐKH; đã ban hành kế hoạch theo Quyết định số 344/QĐ-UBND, ngày 22/6/2021 phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; mục tiêu tăng cường mạng lưới quan trắc, góp phần dự báo, cảnh báo sớm các hiện tượng thiên tai nguy hiểm nhằm tăng cường năng lực ứng phó với thiên tai và các thảm họa. Tiếp tục sử dụng tài liệu "Đánh giá khí hậu tỉnh Nghệ An" để cung cấp các thông tin về khí hậu của tỉnh trong thời kỳ 2009-2019, làm cơ sở cho việc sử dụng các thông tin về BĐKH trong các dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch của tỉnh khi có yêu cầu.

Nội dung phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh đều được UBND tỉnh tích hợp vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hàng năm; căn cứ khả năng cân đối vốn để bố trí vốn cho các dự án phòng,

chống thiên tai và ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh trong kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm. UBND tỉnh đang chỉ đạo thành phố Vinh triển khai dự án Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 17/TTg-QHQT ngày 08/01/2021; với tổng mức đầu tư 194,49 triệu USD từ nguồn vốn đối ứng và vốn vay IBRD, được triển khai từ năm 2022-2028.

Để công tác ứng phó với BĐKH đạt hiệu quả cao hơn, thời gian tới tỉnh Nghệ An tập trung thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức ngành tài nguyên và môi trường từ tỉnh đến cơ sở; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về ứng phó với BĐKH.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, hình thành ý thức chủ động ứng phó BĐKH.

- Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, chủ động ứng phó với BĐKH, hướng đến phát triển bền vững.

- Tích cực huy động mọi nguồn lực, kêu gọi sự hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức quốc tế trong công tác khắc phục hậu quả thiên tai, nâng cao năng lực trong phòng chống và giảm thiểu rủi ro thiên tai, ứng phó với BĐKH.

- Khẩn trương rà soát, cập nhật và thực hiện có hiệu quả kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

- Tăng cường hệ thống quan trắc, theo dõi cảnh báo sớm các hiện tượng khí hậu cực đoan, bao gồm cả hệ thống thông tin trên cơ sở trang thiết bị hiện đại và trình độ kỹ thuật, nghiệp vụ của cán bộ chuyên môn được nâng lên.(24)

❖ *Thực trạng phát triển du lịch ven biển*

Du lịch biển là một trong những ngành kinh tế quan trọng của Nghệ An, với trọng tâm là Cửa Lò, cùng các điểm đến mới nổi như Quỳnh Bảng, Quỳnh Phương, Quỳnh Nghĩa, Diễn Thành, Cửa Hội.

Những năm gần đây, lượng khách du lịch biển tăng tương đối ổn định, đặc biệt vào mùa hè. Hệ thống hạ tầng du lịch tại Cửa Lò được đầu tư nâng cấp với các khách sạn, khu nghỉ dưỡng, quảng trường biển và không gian công cộng ven biển. Sự phát triển du lịch vẫn mang tính mùa vụ rõ rệt, tập trung chủ yếu trong 3-4 tháng cao điểm, gây áp lực lớn lên môi trường và dịch vụ đô thị.

Chất lượng sản phẩm du lịch biển còn hạn chế, chủ yếu dựa vào tắm biển và nghỉ dưỡng ngắn ngày, thiếu các sản phẩm du lịch trải nghiệm, sinh thái, văn hóa - lịch sử để kéo dài thời gian lưu trú. Tình trạng ô nhiễm rác thải, nước thải du lịch ở một số khu vực ven biển chưa được xử lý triệt để.

❖ *Đánh giá tiềm năng phát triển đô thị ven biển tỉnh Nghệ An*

Nghệ An có tiềm năng lớn để phát triển đô thị ven biển nhờ vị trí chiến lược của vùng Bắc Trung Bộ, quỹ đất ven biển còn tương đối rộng và hệ thống kết nối ngày càng hoàn thiện.

Tuyến đường ven biển và các trục kết nối Đông – Tây (từ biển lên miền núi) tạo điều kiện thuận lợi để hình thành chuỗi đô thị ven biển gắn với phát triển du lịch, dịch vụ, logistics và công nghiệp sạch. TP. Vinh với vai trò đô thị trung tâm vùng là đầu mối quan trọng kết nối các đô thị biển như Cửa Lò, Nghi Lộc và Hoàng Mai.

Cửa Lò có tiềm năng phát triển thành đô thị du lịch biển chất lượng cao, trong khi Hoàng Mai có lợi thế phát triển đô thị công nghiệp – dịch vụ – cảng biển. Các khu vực ven biển Diễn Châu, Quỳnh Lưu có điều kiện để hình thành các đô thị dịch vụ, du lịch sinh thái và khu dân cư mới gắn với kinh tế biển.

Tuy nhiên, để khai thác hiệu quả tiềm năng này, Nghệ An cần định hướng phát triển đô thị ven biển theo mô hình xanh - thích ứng biến đổi khí hậu, kiểm soát mật độ xây dựng, bảo vệ hành lang bờ biển và hệ sinh thái ven bờ, đồng thời nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật và xã hội.

Nhận xét: Đô thị ven biển Nghệ An đang trong giai đoạn chuyển mình, có nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng đối mặt với thách thức lớn từ BĐKH, áp lực môi trường và hạn chế trong quản lý quy hoạch. Việc xây dựng chiến lược phát triển đô thị ven biển đồng bộ, bền vững và thích ứng khí hậu sẽ là chìa khóa để phát huy lợi thế biển, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh trong dài hạn.

3.5. Thành phố Đà Nẵng

❖ *Thực trạng quy hoạch và phát triển đô thị ven biển*

Trong hơn một thập kỷ qua, Thành phố Đà Nẵng là địa phương phát triển đô thị ven biển năng động nhất cả nước, gắn chặt với bất động sản du lịch, dịch vụ và công nghệ cao. Nhiều khu đô thị ven biển quy mô lớn đã hình thành, tiêu biểu như Khu đô thị mới Thuận Phước (trên 97 ha, bán đảo Sơn Trà), Marina Complex ven sông Hàn (11,7 ha), các khu đô thị Nam sông Hàn và Green Bay với quy mô lớn ở khu Đông Nam thành phố, gần biển Non Nước. Các dự án này tập trung phát triển căn hộ cao cấp, biệt thự, shophouse, thương mại – dịch vụ và không gian cảnh quan, góp phần định hình diện mạo đô thị biển hiện đại.

Song song với phát triển đô thị ven biển, Khu Công nghệ cao Đà Nẵng tại Hòa Vang với quy mô trên 1.000 ha (định hướng mở rộng đến 1.500 ha) được xác định là trung tâm công nghệ cao cấp quốc gia, tập trung vào CNTT, điện tử, tự động hóa, R&D và chuyển giao công nghệ. Sau giai đoạn xây dựng hạ tầng cơ bản (2009–2020), khu vực này tiếp tục được hoàn thiện và thu hút các nhà đầu tư lớn trong giai đoạn từ 2021 đến nay, tạo động lực chuyển dịch cơ cấu kinh tế đô thị theo hướng công nghệ và tri thức.

Về hạ tầng kỹ thuật chiến lược, Đà Nẵng đang triển khai Cảng Liên Chiểu (quy hoạch khoảng 500 ha) theo lộ trình nhiều giai đoạn, hướng tới trở thành cảng biển đa năng, hiện đại của miền Trung, chia sẻ tải cho cảng Tiên Sa. Sân bay quốc tế Đà Nẵng được mở rộng, nâng cấp, đạt năng lực phục vụ khoảng 10 triệu lượt khách/năm, đồng thời tăng cường kết nối với Hội An, Huế và khu vực lân cận. Mạng lưới cao tốc Bắc - Nam và liên vùng (Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Đà Nẵng - Quảng Trị, Đà Nẵng - Tam Kỳ...) giúp rút ngắn thời gian di chuyển, thúc đẩy logistics, du lịch và liên kết vùng.

Đà Nẵng cũng là địa phương tiên phong trong phát triển đô thị thông minh và đô thị xanh, với việc triển khai Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC), ứng dụng công nghệ số vào quản lý giao thông, môi trường, an ninh và dịch vụ công. Song song, thành phố chú trọng phát triển các khu đô thị sinh thái, không gian xanh, công viên trung tâm, hồ điều hòa và hệ thống quản lý nước mưa – nước thải nhằm giảm ngập, giảm ô nhiễm và nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Bảng 2.5: Hệ thống đô thị ven biển TP. Đà Nẵng

(Quyết định số 1287/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

STT	Tên huyện, thành phố, thị xã	Trước 1/7/2025		Sau 1/1/2026	
		Tên đô thị	Cấp đô thị	Tên đô thị	Cấp đô thị
1	Huyện Hòa Vang	Thị xã Hòa Vang (định hướng)	IV	Hòa Vang (định hướng)	III
2	Huyện Hoàng Sa			Đặc khu	

❖ *Thực trạng tác động của biến đổi khí hậu*

Thành phố Đà Nẵng có địa hình ven biển thấp, hẹp, phía Tây và Bắc là đồi núi, khiến đô thị đặc biệt nhạy cảm trước tác động của BĐKH, thiên tai. Các hiện tượng chính bao gồm ngập lụt đô thị, nước biển dâng, xói lở bờ biển, bão mạnh và mưa lớn cực đoan.

Tình trạng ngập cục bộ thường xuyên xảy ra tại các khu vực ven biển và hạ lưu sông Hàn, sông Cẩm Lệ, sông Cu Đê khi mưa lớn trùng với triều cường, do cao độ nền thấp và hệ thống thoát nước quá tải. Một số đoạn bờ biển như Mỹ Khê, Non Nước, Nam Ô, Cửa Đại xuất hiện xói lở theo mùa, làm thu hẹp bãi cát và ảnh hưởng đến không gian công cộng ven biển cũng như hoạt động du lịch. Việc xây dựng công trình với mật độ cao sát bờ biển làm suy giảm khả năng tự cân bằng tự nhiên của bờ biển.

Bên cạnh đó, tần suất và cường độ bão mạnh có xu hướng gia tăng, gây thiệt hại cho hạ tầng đô thị, cây xanh và công trình ven biển. Các hệ sinh thái ven biển và cửa sông, đặc biệt khu vực bán đảo Sơn Trà, chịu sức ép từ BĐKH kết hợp với đô thị hóa và du lịch, làm giảm khả năng phòng hộ tự nhiên của thành phố.

BĐKH đang đặt ra thách thức lớn đối với phát triển bền vững của thành phố Đà Nẵng, đòi hỏi phải tích hợp chặt chẽ các giải pháp thích ứng khí hậu, kiểm soát phát triển ven biển và nâng cấp hạ tầng chống ngập trong công tác quy hoạch.

❖ *Giải pháp thích ứng BĐKH*

Thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định Số: 2609/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2021, ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 xây dựng chiến lược ứng phó với thiên tai gắn với thích ứng biến đổi khí hậu. Thành phố chuyển từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa, sử dụng hiệu quả tài nguyên, ngăn chặn suy giảm, suy thoái tài nguyên; phát triển nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ, phát triển rừng và các hệ sinh thái; phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kiên cố.

Đà Nẵng triển khai các giải pháp tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, các điều kiện biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, xâm nhập mặn.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Quảng Nam tích hợp, triển khai nhiều dự án kỳ vọng hạn chế tác động xấu của thiên tai và biến đổi khí hậu. Tiêu biểu là dự án chống xói lở và bảo vệ bền vững bờ biển Hội An với tổng mức đầu tư khoảng

982 tỷ đồng từ nguồn vốn ODA của Quỹ phát triển Pháp, vốn viện trợ không hoàn lại của Ủy ban châu Âu, vốn đối ứng ngân sách, dự kiến hoàn thành vào năm 2026. Dự án phù hợp với quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với biến đổi khí hậu của thành phố Đà Nẵng, bảo vệ bờ biển, nhà cửa của người dân, các cơ sở du lịch, nghỉ dưỡng khu vực ven biển.

Đẩy mạnh thực hiện các chương trình tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, nghiên cứu, ứng dụng đổi mới công nghệ trong các ngành, lĩnh vực, đời sống dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội (*tích hợp theo Quyết định số 4929/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng*).

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, dự án về phát triển, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sinh học, năng lượng mới (*tích hợp theo Quyết định số 1737/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng*)

- Hình thành hệ thống kiểm soát, hạn chế lũ, lụt, ngập úng trong đô thị: Hình thành các hồ chứa điều tiết ngập lụt, khai thông, nạo vét, cải tạo, gia cố, nắn dòng cho các đường thoát nước đô thị; xây dựng đê, kè, tường chắn lũ, phân dòng lũ, công trình chứa nước ngầm hiện đại, quy mô lớn (*tích hợp theo Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng*).

❖ *Thực trạng phát triển du lịch*

Du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của Đà Nẵng, trong đó du lịch biển giữ vai trò chủ đạo với các bãi biển Mỹ Khê, Bắc Mỹ An, Non Nước, Cửa Đại và hệ thống khu nghỉ dưỡng cao cấp ven biển.

Trong những năm qua, quy mô du lịch tăng trưởng nhanh, kéo theo sự phát triển mạnh mẽ của hạ tầng lưu trú và dịch vụ ven biển, đặc biệt dọc các trục Võ Nguyên Giáp – Trường Sa. Mật độ xây dựng cao góp phần nâng cao năng lực đón khách nhưng đồng thời gây áp lực lớn lên hạ tầng kỹ thuật, môi trường và không gian công cộng ven biển.

Hoạt động du lịch tập trung theo mùa cao điểm gây quá tải cục bộ về giao thông, cấp thoát nước và thu gom rác thải. Một số đoạn bờ biển bị hạn chế khả năng tiếp cận cộng đồng do các dự án du lịch chiếm dụng không gian ven biển.

Du lịch biển Đà Nẵng chịu ảnh hưởng rõ rệt của mùa mưa bão, làm gián đoạn hoạt động du lịch và gia tăng chi phí vận hành. Trước những thách thức đó, thành phố đang từng bước chuyển hướng sang mô hình du lịch chất lượng cao, du lịch xanh và bền vững, gắn với bảo vệ môi trường biển và hệ sinh thái tự nhiên.

❖ *Đánh giá tiềm năng phát triển đô thị ven biển*

Thành phố Đà Nẵng có nhiều điểm mạnh nổi bật, trước hết là vị trí cửa ngõ miền Trung và trung tâm của hành lang kinh tế Đông-Tây, đồng thời sở hữu cảnh quan tự nhiên đa dạng với biển-núi-bán đảo, tạo nền tảng cho phát triển du lịch và đô thị ven biển. Thành phố có truyền thống văn hóa biển và lịch sử đô thị cảng lâu đời, cùng hệ thống hạ tầng giao thông tương đối đồng bộ từ cảng biển, sân bay quốc tế đến mạng lưới cao tốc tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đô thị.

Tuy nhiên, điểm yếu là quỹ đất ven biển hạn chế trong khi áp lực phát triển ngày càng lớn, dẫn đến rủi ro khai thác quá mức. Công tác quản lý không gian biển còn thiếu đồng bộ, tiềm ẩn xung đột giữa bảo tồn cảnh quan và phát triển đô thị.

+ Cơ hội phát triển khá rõ nét nhờ quá trình hội nhập quốc tế, tăng trưởng du lịch biển và MICE, cũng như các cơ chế ưu tiên từ Trung ương và khả năng thu hút các nhà đầu tư chiến lược trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ và công nghệ cao.

+ Thách thức lớn đến từ biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bão lũ, cùng áp lực cạnh tranh với các đô thị ven biển khác. Nếu phát triển nóng, Đà Nẵng dễ đối mặt với tình trạng quá tải hạ tầng, suy giảm tài nguyên và mất bản sắc, ảnh hưởng đến phát triển bền vững lâu dài.

Động lực tăng trưởng kinh tế, du lịch, dịch vụ chất lượng cao; Hạt nhân hình thành các “cụm đô thị ven biển” gắn với Bà Nà – Núi Chúa (phía Tây), Sơn Trà (phía Đông), Hải Vân (phía Bắc), Ngũ Hành Sơn, Hội An (phía Nam); Mô hình đô thị biển đáng sống, tích hợp thông minh – xanh – thích ứng BĐKH, đáp ứng xu hướng sống gần biển, chất lượng cao của cư dân và nhà đầu tư trong tương lai.

3.6. Tỉnh Khánh Hòa

❖ *Thực trạng quy hoạch và phát triển đô thị ven biển*

Tỉnh Khánh Hòa hiện có 09 đô thị hiện hữu và 02 khu vực đạt tiêu chí đô thị loại V chưa thành lập đơn vị hành chính. Trong hệ thống đô thị này, TP Nha Trang là đô thị loại I giữ vai trò trung tâm; TP Cam Ranh là đô thị loại III; các đô thị loại IV gồm Ninh Hòa (Ninh Hiệp), Vạn Giã và Diên Khánh; các đô thị loại V gồm Cam Đức, Tô Hạp, Khánh Vĩnh, Trường Sa; hai khu vực Đại Lãnh (Vạn Ninh) và Suối Tân (Cam Lâm) đã đạt tiêu chí đô thị loại V. Cấu trúc này cho thấy mạng lưới đô thị ven biển Khánh Hòa đã hình thành tương đối đầy đủ, phân bố đa dạng từ ven biển đến miền núi và hải đảo.

Về công tác quy hoạch, 8/9 đô thị đã được lập quy hoạch chung, ngoại trừ Trường Sa do đặc thù đảo xa. Công tác quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được triển khai tương đối đồng đều, song mức độ phủ kín còn chênh lệch giữa các khu vực. TP Nha Trang đạt tỷ lệ cao nhất với trên 97%, tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho

phát triển đô thị và thu hút đầu tư. Các đô thị Cam Ranh, Ninh Hòa, Diên Khánh, Vạn Giã có tỷ lệ phủ kín từ 45–53%.

Các đô thị ven biển chủ lực đang được điều chỉnh quy hoạch theo tầm nhìn dài hạn. TP Nha Trang đã lập điều chỉnh quy hoạch chung đến năm 2040 nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị du lịch biển chất lượng cao. TP Cam Ranh định hướng phát triển dựa trên sân bay quốc tế, du lịch biển, công nghiệp sạch và logistics. Cam Lâm được xác định là đô thị mới loại I trong tương lai, với quỹ đất sinh thái nông nghiệp lớn. Ninh Hòa và Vạn Ninh giữ vai trò quan trọng trong trục phát triển Khu kinh tế Vân Phong, hướng tới công nghiệp – cảng biển – dịch vụ. Diên Khánh là đô thị cận Nha Trang, phát triển theo hướng du lịch sinh thái nông nghiệp và công nghiệp chế biến công nghệ cao.

Về không gian phát triển, hệ thống đô thị tỉnh Khánh Hòa được tổ chức thành 7 vùng chức năng, gồm: vùng đô thị trung tâm Nha Trang; vùng Vạn Ninh – Bắc Vân Phong; vùng Ninh Hòa – Nam Vân Phong; vùng Diên Khánh; vùng Cam Ranh - Cam Lâm; vùng Khánh Vĩnh – Khánh Sơn; và vùng đô thị Trường Sa.

Hệ thống đô thị ven biển Khánh Hòa đã có nền tảng quy hoạch khá đầy đủ, cấu trúc không gian rõ ràng và tiềm năng phát triển lớn. Tuy nhiên, mức độ phủ kín quy hoạch phân khu chưa đồng đều, đặc biệt tại các đô thị mới và khu vực miền núi, đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện quy hoạch, nâng cao chất lượng quản lý phát triển đô thị và tăng cường liên kết không gian trong toàn tỉnh.

Bảng 2.6: Hệ thống đô thị ven biển tỉnh Khánh Hòa
(Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Trước 1/7/2025		Sau 1/1/2026	
	Tên đô thị	Phân loại	Tên đô thị	Phân loại
1	Thành phố Nha Trang	I	Nha Trang	II
2	Thành phố Cam Ranh	II	Cam Ranh	II
3	Thị xã Ninh Hòa	IV	Ninh Hòa	III
4	TT Cam Lâm	IV	Cam Lâm	III
5	TT Vạn Ninh	IV	Vạn Ninh	III

❖ *Thực trạng tác động của biến đổi khí hậu*

Khánh Hòa là tỉnh ven biển Nam Trung Bộ có đường bờ biển dài khoảng 385 km, với nhiều vịnh kín như Nha Trang, Cam Ranh, Vân Phong, cùng hệ thống đảo, bán đảo và đầm phá. Đặc điểm địa hình này khiến khu vực ven biển Khánh

Hòa chịu tác động rõ rệt của BĐKH, đặc biệt là NBD, bão mạnh, mưa lớn cục đoạn và xói lở bờ biển.

Hiện tượng nước biển dâng và triều cường làm gia tăng nguy cơ ngập tại các khu vực thấp ven biển Nha Trang, Cam Ranh, Ninh Hòa, nhất là tại cửa sông, đầm phá và các khu đô thị mở rộng ven bờ. Một số khu dân cư và hạ tầng ven biển có cao độ nền thấp, hệ thống thoát nước chưa đồng bộ, nên dễ xảy ra ngập cục bộ trong mùa mưa bão.

Xói lở bờ biển xuất hiện tại nhiều khu vực như phía Bắc Nha Trang, Cam Hải Đông – Cam Ranh và một số bãi biển tại Vạn Ninh, ảnh hưởng trực tiếp đến không gian bãi tắm, công trình du lịch và sinh kế người dân. Việc xây dựng công trình du lịch với mật độ cao sát bờ biển, kết hợp với suy giảm rừng ngập mặn và thảm cỏ biển, làm giảm khả năng tự bảo vệ của bờ biển trước tác động khí hậu.

Bên cạnh đó, tần suất và cường độ bão, áp thấp nhiệt đới có xu hướng gia tăng, gây thiệt hại cho hạ tầng giao thông, công trình ven biển và hoạt động nuôi trồng thủy sản. Các hệ sinh thái ven biển, rạn san hô và vùng đầm phá chịu sức ép kép từ BĐKH và hoạt động kinh tế – du lịch, làm suy giảm chức năng phòng hộ tự nhiên và đa dạng sinh học.

BĐKH đang làm gia tăng tính dễ tổn thương của các đô thị và không gian kinh tế ven biển Khánh Hòa, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải lồng ghép các giải pháp thích ứng khí hậu trong quy hoạch và phát triển.

❖ *Giải pháp thích ứng BĐKH*

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số: 5625/KH-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 về triển khai Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19/11/2024 của Thủ tướng chính phủ về ban hành kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với BĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 (cập nhật) trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Với mục tiêu:

- Giảm thiểu mức độ dễ bị tổn thương và rủi ro trước những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu thông qua nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu, thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch của tỉnh Khánh Hòa.

Xây dựng tỉnh Khánh Hòa là một tỉnh ven biển xanh, sạch, đẹp, nền kinh tế phát triển bền vững dựa trên các ngành công nghiệp xanh, du lịch sinh thái và nông nghiệp công nghệ cao có khả năng chống chịu cao với BĐKH, bảo tồn và phát huy

các giá trị tự nhiên, văn hóa, lịch sử. Người dân có cuộc sống an toàn, thịnh vượng và hài hòa với môi trường thiên nhiên.

Mục tiêu cụ thể:

- Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững của tỉnh; nâng cao năng lực và nhận thức trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa để sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu.

- Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng, góp phần giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Hoàn thiện thể chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực nhằm thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch của tỉnh Khánh Hòa.

- Đề xuất các giải pháp cụ thể cho từng lĩnh vực: Nông Nghiệp; Giao thông vận tải; Văn hóa thể thao và du lịch; Năng lượng; y tế và sức khỏe cộng đồng; Giáo dục; Tài nguyên đất; Tài nguyên nước và cho từng lĩnh vực cụ thể: Khu vực đồng bằng ven biển và Khu vực miền núi:

Các giải pháp đối với Khu vực đồng bằng ven biển:

- Xây dựng hệ thống tưới tiêu trong nông nghiệp hiện đại, hiệu quả và tiết kiệm.

- Có các giải pháp lưu trữ nguồn nước sạch, tiết kiệm nước, ưu tiên cho hoạt động dân sinh.

- Chống ngập úng tại khu vực đô thị. Nâng cấp hạ tầng giao thông và cấp thoát nước.

- Tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng trong sinh hoạt, sản xuất.

- Tuyên truyền giáo dục cộng đồng và nâng cao năng lực cộng đồng trong ứng phó với BĐKH.

- Xây dựng hành lang, khu vực kinh tế ven biển và quy hoạch các ngành nghề có tính đến BĐKH và nước biển dâng.

- Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các cảng cá, khu tránh, trú bão cho tàu thuyền.

- Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống đê, kè ven sông, ven biển; bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, đảm bảo an toàn dân cư.

❖ *Thực trạng phát triển du lịch*

Du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của Khánh Hòa, với trung tâm là thành phố Nha Trang, cùng các khu vực Cam Ranh, Vân Phong và hệ thống đảo ven bờ. Du lịch biển – đảo chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế du lịch của tỉnh.

Trong những năm qua, quy mô du lịch tăng trưởng nhanh, kéo theo sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống khách sạn, resort, condotel và dịch vụ ven biển, đặc biệt dọc bờ biển Nha Trang và bán đảo Cam Ranh. Nhiều dự án nghỉ dưỡng cao cấp góp phần nâng cao năng lực đón khách, tăng nguồn thu và tạo việc làm cho địa phương.

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh cũng làm gia tăng áp lực lên hạ tầng đô thị và môi trường biển. Một số khu vực ven biển Nha Trang đối mặt với tình trạng mật độ xây dựng cao, thiếu không gian công cộng ven biển và quá tải hạ tầng vào mùa cao điểm. Rác thải du lịch, nước thải chưa xử lý triệt để và hoạt động tàu thuyền du lịch gây ô nhiễm cục bộ tại các vịnh kín.

Hoạt động du lịch biển chịu ảnh hưởng rõ rệt của tính mùa vụ và thời tiết cực đoan, đặc biệt trong mùa mưa bão, làm gián đoạn hoạt động du lịch và gia tăng chi phí vận hành. Bên cạnh đó, sản phẩm du lịch của tỉnh vẫn chủ yếu dựa vào nghỉ dưỡng và tắm biển, trong khi du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, trải nghiệm cộng đồng và du lịch bền vững chưa phát triển tương xứng với tiềm năng.

Du lịch Khánh Hòa phát triển mạnh nhưng đang bộc lộ những hạn chế về quản lý không gian và bảo vệ môi trường, đòi hỏi phải tái cấu trúc theo hướng du lịch chất lượng cao và thân thiện với hệ sinh thái biển.

❖ *Đánh giá tiềm năng phát triển đô thị ven biển*

Khánh Hòa có tiềm năng lớn để phát triển đô thị ven biển nhờ vị trí chiến lược tại Nam Trung Bộ, hệ thống vịnh kín hiếm có và quỹ đất ven biển còn tương đối rộng tại nhiều khu vực.

Nha Trang có điều kiện phát triển thành đô thị du lịch biển quốc tế, trung tâm dịch vụ – thương mại và kinh tế tri thức của tỉnh. Cam Ranh có lợi thế về cảng biển, sân bay quốc tế và quỹ đất bán đảo, phù hợp phát triển đô thị cảng – du lịch – logistics. Khu kinh tế Vân Phong được xác định là động lực tăng trưởng mới, có tiềm năng phát triển đô thị công nghiệp – dịch vụ – cảng biển quy mô lớn.

Hệ thống hạ tầng kết nối ngày càng hoàn thiện, gồm cao tốc Bắc – Nam, sân bay quốc tế Cam Ranh, cảng biển và tuyến ven biển, tạo điều kiện liên kết vùng và thu hút đầu tư. Bên cạnh đó, kinh tế biển đa ngành (du lịch, logistics, thủy sản, năng lượng) tạo nền tảng vững chắc cho phát triển đô thị ven biển.

Tuy nhiên, thách thức lớn là nguy cơ đô thị hóa dàn trải, xung đột giữa phát triển và bảo tồn, cũng như tác động ngày càng mạnh của BĐKH. Việc phát triển đô thị ven biển cần kiểm soát chặt chẽ mật độ xây dựng, bảo vệ hành lang bờ biển và hệ sinh thái, đồng thời tích hợp các giải pháp đô thị xanh, thông minh và thích ứng khí hậu.

Khánh Hòa có đầy đủ điều kiện để hình thành chuỗi đô thị ven biển hiện đại, đa chức năng và có sức cạnh tranh quốc tế. Tuy nhiên, để phát triển bền vững, cần định hướng quy hoạch tích hợp, gắn phát triển đô thị với bảo vệ môi trường biển và thích ứng với BĐKH trong dài hạn.

Tuy vậy, Khánh Hòa cũng đối mặt với cạnh tranh mạnh từ các đô thị biển trong vùng, áp lực bảo vệ môi trường và rủi ro BĐKH và NBD. Yêu cầu về quản lý đô thị hiện đại, phát triển bền vững và sử dụng hiệu quả quỹ đất ven biển đặt ra thách thức lớn đối với quy hoạch đô thị và thu hút đầu tư trong giai đoạn mới.

3.7. Thành phố Hồ Chí Minh

❖ Thực trạng quy hoạch và phát triển đô thị

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt nằm ở trung tâm Nam Bộ, giữ vai trò đầu mối giao thông-hàng hải quốc tế của khu vực Đông Nam Á với hệ thống cảng biển và sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất. Quy mô dân số hiện trên 10 triệu người, với cơ cấu kinh tế dịch vụ chiếm 70,3%.

Thành phố Hồ Chí Minh có lịch sử quy hoạch đô thị lâu dài từ thời Pháp thuộc, với cấu trúc đô thị hình thành theo mô hình trung tâm hành chính – quân sự. Sau năm 1975 và đặc biệt từ thời kỳ đổi mới, thành phố liên tục điều chỉnh quy hoạch, với các mốc quan trọng năm 1993, 1998, 2010 và định hướng đến năm 2040, tầm nhìn 2060 theo mô hình đô thị đa trung tâm. Không gian đô thị hiện nay phát triển lan tỏa theo các hướng Đông (Thủ Đức), Nam (quận 7-Nhà Bè), Tây và Tây Nam (Bình Tân – Bình Chánh), song vẫn tồn tại tình trạng phát triển tự phát.

Trong hệ thống đô thị quốc gia, TP. Hồ Chí Minh được xác định là đô thị đặc biệt, hạt nhân phát triển của vùng Đông Nam Bộ và cửa ngõ giao thương quốc tế của Việt Nam. Tầm nhìn dài hạn của thành phố là trở thành đô thị toàn cầu, có khả năng kết nối tài chính, thương mại, dịch vụ và công nghệ với các trung tâm quốc tế, dựa trên lợi thế cảng biển, sân bay, nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới sáng tạo và vị trí trung tâm trong tam giác tăng trưởng TP. Hồ Chí Minh – Đồng Nai – Bà Rịa – Vũng Tàu.

Thành phố Thủ Đức-Thành phố trực thuộc TP Hồ Chí Minh là thành phố đầu tiên của cả nước phát triển theo mô hình thành phố trong thành phố TW.

Không gian ven biển Cần Giờ được xác định là hướng phát triển mới mang tính đột phá, với định hướng hình thành đô thị sinh thái biển, đô thị thông minh và trung tâm du lịch – dịch vụ ven biển, gắn với hành lang kinh tế biển và hệ thống logistics – cảng biển với trọng tâm là siêu đô thị lấn biển Vinhomes Green Paradise.

Quy hoạch và phát triển đô thị TP. Hồ Chí Minh đang chuyển từ mô hình đô thị đơn lõi sang đô thị đa trung tâm, tích hợp ven biển – cửa sông, gắn tăng trưởng kinh tế với thích ứng biến đổi khí hậu. Đây là định hướng mang tính chiến lược nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế và phát triển bền vững thành phố đến năm 2060.

Bảng 2.7: Hệ thống đô thị ven biển Thành phố Hồ Chí Minh

Nguồn: Quy hoạch TP Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030

STT	2025		2026	
	Tên đô thị	Phân loại	Tên đô thị	Phân loại
1	TP. Hồ Chí Minh		TP. Hồ Chí Minh	Đô thị đặc biệt
2	TP .Thủ Đức		Thủ Đức	Đô thị loại II
3	TT Củ Chi		Củ Chi	III
4	TT Hóc Môn		Hóc Môn	
5	TT Bình Chánh		Bình Chánh	
6	TT Nhà Bè		Nhà Bè	
7	TT Cần Giờ		Cần Giờ	

❖ *Thực trạng tác động của biến đổi khí hậu*

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, nằm ở hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai - Sài Gòn, có khu vực ven biển Cần Giờ và mạng lưới sông, kênh rạch dày đặc. Với địa hình thấp, cao độ trung bình chỉ khoảng 0,5-1,5 m so với mực nước biển, thành phố là một trong những khu vực chịu tác động nặng nề nhất của biến đổi khí hậu tại Việt Nam.

Biểu hiện rõ nhất của BĐKH là ngập lụt đô thị gia tăng, do mưa lớn kết hợp triều cường và nước biển dâng. Các khu vực thấp trũng như quận 7, Nhà Bè, Bình Thạnh, Thủ Đức và đặc biệt là huyện Cần Giờ thường xuyên bị ngập, ảnh hưởng đến giao thông, sinh hoạt và hoạt động kinh tế. Hệ thống thoát nước và đê bao đã được đầu tư nhưng chưa theo kịp tốc độ đô thị hóa và cường độ thời tiết cực đoan.

Nước biển dâng và xâm nhập mặn tác động trực tiếp đến khu vực ven biển và cửa sông, đặc biệt tại Cần Giờ, Nhà Bè và phía Nam thành phố. Tình trạng xâm

nhập mặn làm suy giảm chất lượng nguồn nước, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và cấp nước sinh hoạt.

Bên cạnh đó, sạt lở bờ sông, bờ biển và kênh rạch diễn ra tại nhiều khu vực, gây nguy cơ mất đất, ảnh hưởng đến nhà ở và hạ tầng. Các hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là rừng ngập mặn Cần Giờ- khu dự trữ sinh quyển thế giới – chịu sức ép kép từ BĐKH và các hoạt động phát triển đô thị, giao thông, du lịch.

BĐKH đang là thách thức lớn nhất đối với phát triển bền vững của TP.Hồ Chí Minh, đòi hỏi phải tái cấu trúc không gian đô thị theo hướng thích ứng, kiểm soát phát triển vùng trũng thấp và bảo vệ hệ sinh thái ven biển - cửa sông.

❖ *Giải pháp thích ứng BĐKH*

UBND thành phố đã ban hành Quyết định Số: 3273/QĐ-UBND, ngày 8/9/2021 về ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

Mục tiêu tổng quát:

- Tăng cường khả năng chống chịu với BĐKH đối với các rủi ro liên quan đến khí hậu của Thành phố Hồ Chí Minh (hạn hán, nắng nóng, mưa lớn, nước biển dâng), phòng chống rủi ro thiên tai, bảo tồn đa dạng sinh học, an ninh lương thực, an sinh xã hội, cộng đồng lành mạnh và phát triển bền vững.

- Mục tiêu giảm 10% phát thải vào năm 2030 và tiến tới nền kinh tế các-bon thấp, phát triển bền vững hoặc giảm phát thải 30% nếu có sự hỗ trợ của quốc tế.

- Lồng ghép các hành động ưu tiên thích ứng và giảm thiểu vào quy hoạch ngành và Thành phố, tích cực thực hiện cam kết của Việt Nam cùng cộng đồng quốc tế ứng phó với BĐKH, hợp tác quốc tế và kêu gọi hỗ trợ, đầu tư.

Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn 2021 - 2025

- Tập trung hoàn thiện cơ chế chính sách về ứng phó với BĐKH; kế thừa và triển khai thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ, dự án ưu tiên nhằm nâng cao năng lực ứng phó với BĐKH, giảm thiểu thiệt hại do BĐKH gây ra.

- Nâng cao hiệu quả thích ứng với BĐKH thông qua việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về BĐKH, thúc đẩy lồng ghép thích ứng BĐKH vào quy hoạch, kế hoạch của Thành phố.

- Tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, nâng cao nhận thức để sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu.

- Triển khai các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tận dụng các cơ hội của BĐKH để phát triển nền kinh tế theo hướng các-bon thấp.

b) Giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến 2050

- Tiếp tục tăng cường phối hợp, lồng ghép các hoạt động trong triển khai các giải pháp, nhiệm vụ nhằm nâng cao năng lực của các ngành, lĩnh vực, các thành phần kinh tế, cộng đồng và hệ sinh thái để tăng khả năng chống chịu trước BĐKH và sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu.

- Nâng cao năng lực chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng, khả năng thích ứng của hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của BĐKH.

- Thúc đẩy các hành động thích ứng mang lại đồng lợi ích trong giảm nhẹ các rủi ro do BĐKH và hiệu quả về các mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

- Triển khai các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tận dụng các cơ hội của BĐKH để phát triển nền kinh tế theo hướng các-bon thấp.

Nhận thức rõ thách thức đó và thực hiện cam kết của tại hội nghị COP26, TP. Hồ Chí Minh đã ban hành kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về BĐKH trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, giai đoạn 2020 - 2030, TP. Hồ Chí Minh sẽ triển khai 56 chương trình, dự án để thực hiện 3 nhóm nhiệm vụ chính: Giảm phát thải khí nhà kính; thích ứng với BĐKH và chuẩn bị nguồn nhân lực.

Bên cạnh đó, TP. Hồ Chí Minh đã ban hành “Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về BĐKH trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh”. Một trong những giải pháp được đặt ra trong thỏa thuận này là cần phải tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế để tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ. Theo đó, thành phố sẽ tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tham gia thương mại và xúc tiến đầu tư với các nước trên thế giới trong chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực cho các dự án giảm phát thải khí nhà kính, thu hồi khí thải và các dự án hỗ trợ tăng cường năng lực thích nghi với tác động của BĐKH. Thông qua Kế hoạch, TP. Hồ Chí Minh cũng tăng cường hợp tác trong và ngoài nước, hợp tác công - tư (PPP) nhằm huy động mạnh mẽ và hiệu quả hơn mọi nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh hóa.

Một số công trình thích ứng đang được xây dựng như: dự án chống ngập tổng mức đầu tư 10 nghìn tỷ đồng tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự án công trình thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn (Nam-Bắc rạch Tra); Dự án kênh Tham Lương-Bến Cát-rạch Nước Lên; Dự án 5 cống ngăn triều trên địa bàn quận Thủ Đức; Dự án cống Nhiêu Lộc-Thị Nghè; Dự án nâng cấp công trình thủy lợi An Phú-Phú Mỹ Hưng và Dự án đê bao sông Sài Gòn từ cầu Bến Súc đến rạch Thai Thai, xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi.

Hình 2.1. Dự án chống ngập do triều tại TP. Hồ Chí Minh có tính đến yếu tố BĐKH



❖ *Thực trạng phát triển du lịch thành phố Hồ Chí Minh*

Du lịch là một trong những ngành kinh tế quan trọng của TP.HCM, giữ vai trò trung tâm trung chuyển, dịch vụ và điểm đến đô thị đặc thù. Tuy nhiên, du lịch biển và ven biển của thành phố hiện mới ở giai đoạn khai thác ban đầu, tập trung chủ yếu tại huyện Cần Giờ.

Du lịch Cần Giờ phát triển dựa trên lợi thế rừng ngập mặn, biển, sinh thái và du lịch cộng đồng, với các điểm đến như Lâm viên Cần Giờ, đảo Khỉ, biển 30/4. Quy mô du lịch còn nhỏ, hạ tầng dịch vụ hạn chế, thời gian lưu trú ngắn, chủ yếu là khách nội địa đi về trong ngày. Điều này cho thấy dư địa phát triển lớn nhưng chưa được khai thác hiệu quả.

Du lịch đô thị TP.HCM phát triển mạnh ở khu vực trung tâm với các loại hình du lịch văn hóa – lịch sử, mua sắm, ẩm thực, MICE. Tuy nhiên, sự liên kết

giữa du lịch đô thị trung tâm và du lịch sinh thái – biển Cần Giờ còn yếu, chưa hình thành chuỗi sản phẩm du lịch hoàn chỉnh từ trung tâm ra vùng ven biển.

Hoạt động du lịch cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ BĐKH, đặc biệt là ngập lụt, triều cường và thời tiết cực đoan, làm gián đoạn giao thông, giảm chất lượng trải nghiệm và gia tăng chi phí vận hành. Áp lực môi trường, rác thải và nguy cơ suy giảm hệ sinh thái rừng ngập mặn đặt ra yêu cầu quản lý du lịch theo hướng bền vững, hạn chế khai thác quá mức.

Du lịch ven biển TP.HCM có tiềm năng lớn nhưng phát triển chậm, thiếu đầu tư đồng bộ và chưa gắn kết chặt chẽ với không gian đô thị trung tâm; cần định hướng phát triển theo mô hình sinh thái – trải nghiệm – giáo dục môi trường.

❖ *Đánh giá tiềm năng phát triển đô thị ven biển*

Mặc dù không có đường bờ biển dài như các tỉnh ven biển khác, TP.HCM vẫn sở hữu tiềm năng đặc biệt để phát triển đô thị ven biển và cửa sông, tập trung tại Cần Giờ – Nhà Bè – khu Nam Sài Gòn.

Cần Giờ có vị trí chiến lược, tiếp giáp biển Đông, gắn với hệ sinh thái rừng ngập mặn quy mô lớn. Đây là khu vực có thể phát triển đô thị sinh thái ven biển, trung tâm du lịch sinh thái, nghiên cứu môi trường và kinh tế biển xanh, với điều kiện kiểm soát chặt chẽ mật độ xây dựng và bảo tồn hệ sinh thái.

Khu vực Nam Sài Gòn – Nhà Bè – Cần Giờ nằm trên trục kết nối cảng biển, logistics và giao thông thủy, có tiềm năng hình thành chuỗi đô thị – cảng – dịch vụ hiện đại. Các dự án hạ tầng lớn như mở rộng hệ thống cảng, đường và cầu kết nối Cần Giờ sẽ tạo động lực mạnh cho phát triển không gian ven biển.

Tuy nhiên, tiềm năng này đi kèm thách thức lớn từ ngập lụt, nước biển dâng và xâm nhập mặn. Do đó, phát triển đô thị ven biển TP.HCM cần ưu tiên mô hình đô thị thích ứng BĐKH, hạ tầng chống ngập đa tầng, sử dụng đất linh hoạt và bảo tồn nghiêm ngặt rừng ngập mặn.

TP.Hồ Chí Minh có tiềm năng đặc thù để phát triển đô thị ven biển theo mô hình sinh thái – cửa sông – kinh tế biển xanh. Việc khai thác tiềm năng này cần đặt trong chiến lược dài hạn, coi thích ứng BĐKH và bảo vệ hệ sinh thái là nền tảng cho phát triển bền vững.

3.8. Tại Phú Quốc

❖ *Thực trạng quy hoạch và phát triển đô thị ven biển*

Quá trình phát triển đô thị Phú Quốc trong những năm gần đây cho thấy sự lệch pha rõ rệt về cơ cấu sử dụng đất, trong đó đất du lịch, thương mại và dịch vụ

nghi dưỡng chiếm tỷ trọng rất lớn, khoảng 3.200 ha, tương đương trên 63,4% quỹ đất xây dựng đô thị. Trong khi đó, các chức năng đô thị cơ bản như nhà ở lâu dài, dịch vụ công cộng, hạ tầng xã hội và kỹ thuật phát triển chậm, thiếu cân đối, chưa đáp ứng yêu cầu của một đô thị hoàn chỉnh.

Cùng với chính sách thu hút đầu tư mạnh mẽ, Phú Quốc đã tiếp nhận gần 300 dự án với tổng vốn đăng ký khoảng 18 tỷ USD, chủ yếu tập trung vào bất động sản du lịch và các tổ hợp quy mô lớn ven biển. Sự phát triển nhanh này đã thúc đẩy quá trình đô thị hóa mạnh tại Dương Đông và An Thới, song cũng làm gia tăng mật độ xây dựng ven biển. Nhiều dự án có quy mô lớn nhưng triển khai chậm hoặc dừng lại ở giai đoạn đầu, gây lãng phí đất đai, làm gián đoạn cấu trúc không gian đô thị và tạo nên các khu vực đô thị hóa dở dang.

Trong quá trình phát triển, Phú Quốc đang đối mặt với nhiều hạn chế và thách thức, nổi bật là sự mất cân đối giữa phát triển du lịch và đầu tư hạ tầng xã hội. Hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ đô thị chưa theo kịp tốc độ gia tăng dân số và lượng khách du lịch, dẫn đến quá tải về y tế, giáo dục, giao thông và môi trường. Quy mô bất động sản du lịch lớn trong khi dân số thường trú còn thấp khiến đô thị thiếu nền tảng cộng đồng ổn định, khó hình thành hệ thống đô thị đầy đủ chức năng.

Công tác quản lý quy hoạch và đầu tư còn bất cập, với việc quy hoạch chung phải điều chỉnh nhiều lần và chấp thuận một số dự án chưa đủ năng lực thực hiện, dẫn đến tình trạng dự án treo kéo dài. Đồng thời, vấn đề môi trường ven biển ngày càng nổi cộm do hệ thống xử lý rác thải, nước thải chưa đáp ứng yêu cầu. Nhiều dự án nghỉ dưỡng khép kín làm hạn chế tiếp cận không gian biển công cộng, phá vỡ cảnh quan và làm suy giảm giá trị sinh thái tự nhiên của đảo.

Trước thực trạng đó, định hướng phát triển đô thị Phú Quốc trong giai đoạn tới được xác định theo mô hình chuỗi đô thị biển đa trung tâm, gắn kết giữa sân bay quốc tế, cảng biển và trục giao thông Bắc – Nam, nhằm tăng cường kết nối không gian toàn đảo. Thành phố định hướng phát triển đô thị thông minh đến năm 2030, tập trung vào các khu vực động lực như Dương Đông, An Thới, Bãi Trường và Bãi Dài, với trọng tâm là hạ tầng số, quản lý giao thông, cấp – thoát nước và xử lý chất thải.

Bảng 2.8: Đánh giá tiềm năng phát triển đô thị ven biển Phú Quốc

Nguồn: Báo cáo của Sở Xây dựng Kiên Giang, tháng 6. 2025

TT	Tên đô thị	Phân loại đô thị	Quy mô hiện trạng		Có tiềm năng phát triển trở thành		
			Diện tích (ha)	Dân số (nghìn người)	Đô thị thông minh	Đô thị sinh thái gắn với TCX	Đô thị gắn với phát triển du lịch bền vững
1	Thành phố Phú Quốc	Đô thị loại 1	58.927 ha	180.000 – 200.000	x	x	x
1	Khu đô thị Meyhomes Capital Phú Quốc		~300 ha	~15.000 - 20.000		x	X
2	Vinpearl Quốc	Phú	~200 ha	~8.000 - 10.000	x	x	x
3	Phú Quốc Marina (BIM Group)		~130 ha	~7.000 - 9.000	x	x	x
4	Meyhomes Capital Phú Quốc - Phase 2		~150 ha	~10.000	x	x	x

❖ *Thực trạng tác động của biến đổi khí hậu*

Phú Quốc là thành phố đảo lớn nhất Việt Nam, nằm trong vịnh Thái Lan, có địa hình thấp ven biển, hệ sinh thái đa dạng gồm rừng nguyên sinh, rạn san hô,

thảm cỏ biển và hệ thống bãi triều. Đặc điểm này khiến Phú Quốc đặc biệt nhạy cảm trước tác động của biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng, xói lở bờ biển, mưa lớn cực đoan và suy thoái hệ sinh thái.

Hiện tượng nước biển dâng và triều cường gây ngập cục bộ tại nhiều khu vực ven biển thấp như Dương Đông, An Thới và các khu dân cư ven bờ phía Tây. Một số khu vực có cao độ nền thấp, hạ tầng thoát nước chưa đồng bộ, dẫn đến ngập úng sau mưa lớn, ảnh hưởng đến sinh hoạt và hoạt động du lịch.

Xói lở bờ biển diễn ra tại nhiều bãi biển phía Tây và Nam đảo, đặc biệt trong mùa gió Tây Nam, làm thu hẹp bãi cát, ảnh hưởng đến công trình du lịch và không gian công cộng ven biển. Việc san lấp mặt nước, xây dựng công trình sát bờ và suy giảm thảm thực vật ven biển làm gia tăng mức độ tổn thương của đường bờ trước tác động khí hậu.

Bên cạnh đó, mưa lớn với cường suất cao trong thời gian ngắn gây quá tải hệ thống thoát nước, làm gia tăng nguy cơ sạt lở đất tại các khu vực đồi dốc và ảnh hưởng đến chất lượng môi trường nước. Các hệ sinh thái biển – ven biển, đặc biệt là rạn san hô và thảm cỏ biển, chịu sức ép từ BĐKH kết hợp với hoạt động du lịch và đô thị hóa, làm suy giảm khả năng phòng hộ tự nhiên của đảo.

BĐKH đang làm gia tăng tính dễ tổn thương của Phú Quốc, đặt ra yêu cầu cấp thiết về quy hoạch thích ứng, bảo vệ hành lang bờ biển và hệ sinh thái tự nhiên.

❖ *Thực trạng phát triển du lịch*

Du lịch là ngành kinh tế chủ đạo của Phú Quốc, giữ vai trò động lực chính trong phát triển kinh tế – xã hội của thành phố. Trong những năm gần đây, Phú Quốc phát triển nhanh trở thành trung tâm du lịch biển – đảo tầm quốc gia và quốc tế. Hệ thống khu nghỉ dưỡng, khách sạn, tổ hợp vui chơi giải trí phát triển mạnh dọc các bờ biển phía Tây, Nam và Bắc đảo, góp phần nâng cao năng lực đón khách và đa dạng hóa sản phẩm du lịch. Hạ tầng giao thông, sân bay quốc tế Phú Quốc và cảng biển được đầu tư, tạo điều kiện kết nối thuận lợi với các trung tâm trong nước và quốc tế.

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh cũng tạo ra áp lực lớn lên môi trường và hạ tầng đô thị. Tình trạng xây dựng dày đặc ven biển, thiếu không gian công cộng tiếp cận biển, ô nhiễm rác thải và nước thải du lịch tại một số khu vực đang làm suy giảm chất lượng cảnh quan và môi trường sinh thái. Du lịch mang tính mùa vụ, phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, khiến hoạt động du lịch dễ bị gián đoạn trong mùa mưa bão.

Bên cạnh đó, liên kết giữa du lịch với cộng đồng địa phương còn hạn chế; các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch văn hóa bản địa và du lịch trải nghiệm chưa phát triển tương xứng với tiềm năng của đảo.

Du lịch Phú Quốc tăng trưởng nhanh nhưng chưa thực sự bền vững, cần chuyển mạnh sang mô hình du lịch chất lượng cao, sinh thái và thân thiện môi trường.

❖ *Giải pháp thích ứng BĐKH*

UBND tỉnh Kiên Giang đã có quyết định Số: 202/KH-UBND, ngày 20 tháng 9 năm 2022, về việc triển khai Đề án “Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Mục tiêu chung:

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên trong cải tạo nâng cấp và phát triển đô thị (PTĐT), góp phần từng bước kiểm soát và giảm mức độ ô nhiễm không khí, nước, đất theo các tiêu chuẩn quốc tế; rà soát, bổ sung và hoàn thiện quy hoạch, quản lý đầu tư phát triển đô thị (PTĐT) trong bối cảnh gia tăng nguy cơ rủi ro từ BĐKH; nâng cao nhận thức, tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ngành và huyện, thành phố trong điều hành, quản lý PTĐT ứng phó với BĐKH.

Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch điều tra, đánh giá mức độ tác động của BĐKH đến hệ thống đô thị được cảnh báo có nguy cơ rủi ro cao.

- Xây dựng khung nhiệm vụ và giải pháp ứng phó thích nghi với BĐKH và nước biển dâng, hạn chế, giảm thiểu rủi ro trong xây dựng, PTĐT toàn tỉnh.

- Đề xuất các chương trình, dự án thí điểm, dự kiến kinh phí và phân công các Sở, ban ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố phối hợp thực hiện.

- Định hướng PTĐT tập trung nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ môi trường, quy hoạch tổng thể thích ứng thiên tai, BĐKH.

Các nhiệm vụ và giải pháp:

- Điều tra, đánh giá mức độ tác động của BĐKH đến phát triển hệ thống đô thị hiện có và đô thị dự kiến hình thành mới trong giai đoạn 2021 - 2030; khoanh vùng khu vực có nguy cơ chịu tác động cao của BĐKH; tính toán khả năng và mức

độ tự thích nghi, đề xuất giải pháp ứng phó; hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống bản đồ cảnh báo rủi ro BĐKH tại đô thị (gọi tắt là Atlas đô thị và khí hậu).

- Tích hợp nội dung ứng phó BĐKH vào quy hoạch và chương trình, kế hoạch PTĐT; cảnh báo các rủi ro tại các khu vực PTĐT có khả năng chịu tác động từ BĐKH.

- Rà soát, áp dụng bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, các quy định liên quan đến phân loại đô thị, quy hoạch, quản lý đầu tư phát triển đô thị, nhà ở, hạ tầng kỹ thuật trong bối cảnh gia tăng nguy cơ rủi ro từ BĐKH.

- Hình thành hệ thống kiểm soát, hạn chế lũ, lụt, ngập úng trong đô thị. Hình thành hồ chứa điều tiết ngập lụt, khai thông, nạo vét, cải tạo, gia cố, nắn dòng cho các đường thoát nước đô thị. Xây dựng đê, kè, tường chắn lũ, phân dòng lũ, công trình chứa nước ngầm hiện đại quy mô lớn. Khoanh vùng bảo vệ và có giải pháp tái định cư và di dời dân trong vùng cảnh báo rủi ro. Phát triển nhà ở vượt lũ, nhà ở có khả năng chống chịu cao với gió bão.

- Nâng cao năng lực cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên môn các cấp về quản lý, PTĐT ứng phó với BĐKH. Thông tin truyền thông về ảnh hưởng của BĐKH tới người dân, tăng cường phối hợp cộng đồng và các bên liên quan trong triển khai thực hiện.

- Thực hiện các chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học - công nghệ, thực hiện các dự án thí điểm PTĐT tăng trưởng xanh, thông minh, kiến trúc xanh, sinh thái ứng phó với BĐKH; xây dựng công trình tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải; phát triển vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường, tái sử dụng, tái chế.

Bên cạnh đó, Thành phố cũng ban hành một số văn bản khác như:

- + Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học biển đến năm 2030, tầm nhìn 2050 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Quyết định Số: 54/KH-UBND, ngày 1/3/2023).

- + Kế hoạch số 182/KH-UBND về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

❖ *Đánh giá tiềm năng phát triển đô thị ven biển*

Hệ thống đô thị ven biển tỉnh Kiên Giang nói chung và TP Phú Quốc nói riêng hội tụ đầy đủ điều kiện để phát triển thành chuỗi đô thị biển hiện đại, xanh và thông minh, trung tâm du lịch – thương mại ven biển tầm khu vực, hướng tới

mô hình đô thị biển đảo kiểu mẫu của Việt Nam và ASEAN. Để hiện thực hóa tiềm năng này, TP Phú Quốc cần chuyển trọng tâm từ tăng trưởng dựa trên bất động sản du lịch sang mô hình phát triển đô thị cân bằng, kiểm soát chặt khai thác đất ven biển theo sức chịu tải môi trường, tăng quỹ đất công cộng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật – xã hội và nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, nhằm bảo đảm phát triển bền vững cho đô thị đảo trong dài hạn.

Phú Quốc có tiềm năng lớn để phát triển đô thị đảo lớn nhất cả nước nhờ vị trí chiến lược trong vịnh Thái Lan, cảnh quan biển – đảo độc đáo và vai trò cửa ngõ du lịch quốc tế của vùng Tây Nam Bộ.

Các khu vực Dương Đông, An Thới và Bắc đảo có điều kiện thuận lợi để hình thành các đô thị ven biển đa chức năng, kết hợp du lịch, dịch vụ, thương mại và kinh tế biển. Hệ thống sân bay quốc tế, cảng biển, cùng chính sách phát triển đặc thù tạo lợi thế thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

Phú Quốc có thể phát triển theo mô hình đô thị biển đảo sinh thái, đô thị du lịch thông minh, gắn với bảo tồn rừng nguyên sinh, rạn san hô và thảm cỏ biển. Việc kiểm soát mật độ xây dựng, bảo vệ hành lang bờ biển và tổ chức không gian công cộng ven biển là yếu tố then chốt để đảm bảo phát triển bền vững.

Tuy nhiên, thách thức lớn là giới hạn không gian đảo, nguy cơ quá tải hạ tầng, suy thoái môi trường và tác động ngày càng mạnh của BĐKH. Do đó, phát triển đô thị ven biển Phú Quốc cần ưu tiên thích ứng khí hậu, sử dụng đất tiết kiệm, hạ tầng xanh và quản lý phát triển chặt chẽ.

Phú Quốc có đầy đủ điều kiện để trở thành đô thị biển – đảo hiện đại, trung tâm du lịch quốc tế của Việt Nam. Tuy nhiên, việc khai thác tiềm năng này cần gắn chặt với bảo vệ hệ sinh thái và thích ứng biến đổi khí hậu để đảm bảo sự phát triển bền vững lâu dài.

2.2. Thu thập dữ liệu và điều tra khảo sát nhu cầu quy hoạch phát triển đô thị, khu đô thị ven biển đối với các tỉnh, thành phố TW còn lại

a) Phạm vi khảo sát

+ Số lượng tỉnh, TPTW ven biển thu thập dữ liệu và điều tra khảo sát: 20 tỉnh, TPTW (xem chi tiết phụ lục 1b).

+ Xây dựng mẫu và gửi phiếu khảo sát nhu cầu phát triển đô thị, khu đô thị ven biển tới các chính quyền tỉnh, TPTW ven biển.

+ Thu thập dữ liệu thứ cấp đối với các tỉnh, thành phố ven biển.

Các số liệu cần thu thập: Các đồ án QHC đô thị, đô thị mới ven biển, các số liệu về tình hình phát triển đô thị, kinh tế, xã hội, du lịch, các dự án, đề án xây dựng đô thị thông minh, chuyển đổi số, ảnh hưởng của BĐKH và giải pháp thích ứng với BĐKH.

Mẫu phiếu khảo sát:

Mẫu 1: Phiếu khảo sát gửi kèm công văn gửi 28 tỉnh, TPTW ven biển (Phối hợp với Cục Phát triển đô thị)

Mẫu 2: Phiếu khảo sát ý kiến của VIUP tại 08 tỉnh, thành khảo sát thực địa (Xem chi tiết tại Báo cáo khảo sát thực trạng và đánh giá nhu cầu phát triển đô thị, khu đô thị ven biển.).

b) Tóm tắt kết quả thu thập dữ liệu và điều tra khảo sát nhu cầu quy hoạch phát triển đô thị, khu đô thị ven biển đối với các tỉnh, thành phố TW còn lại

Bảng 2.9: Các tỉnh, thành phố TW ven biển phân theo các vùng kinh tế-xã hội

Vùng Đồng bằng sông Hồng	Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung	Vùng Đông Nam Bộ	Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long
1. Nam Định	3. Hà Tĩnh	13. Bà Rịa - Vũng Tàu	14. Tiền Giang
2. Ninh Bình	4. Quảng Bình		13. Bến Tre
	5. Quảng Trị		16. Trà Vinh
	6. Thừa Thiên Huế		17. Sóc Trăng
	7. Quảng Nam		18. Bạc Liêu
	8. Quảng Ngãi		19. Cà Mau
	9. Bình Định		
	10. Phú Yên		
	11. Ninh Thuận		
	12. Bình Thuận		

❖ *Thực trạng quy hoạch hệ thống đô thị ven biển vùng Đồng bằng sông Hồng (Nam Định – Ninh Bình)*

- *Phát triển đô thị ven biển*: Không gian đô thị ven biển vùng Đồng bằng sông Hồng được định hướng trong Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến 2050, Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng, và Quy hoạch không gian biển quốc gia. Trong đó, trục ven biển Ninh Bình – Nam Định – Thái Bình – Hải Phòng – Quảng Ninh được xác định là vành đai phát triển tổng hợp, kết hợp phòng chống thiên tai, bảo tồn sinh thái và phát triển kinh tế biển.

Tuy nhiên, quy mô đô thị ven biển còn nhỏ, phân tán; Thiếu các đô thị hạt nhân ven biển đủ mạnh để dẫn dắt phát triển vùng; việc tích hợp kịch bản biến đổi khí hậu vào cấu trúc đô thị còn chưa đồng bộ giữa hai tỉnh.

- *Phát triển đô thị thông minh*: Phát triển đô thị thông minh vùng Đồng bằng sông Hồng được triển khai theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia và các Đề án chuyển đổi số cấp tỉnh. Trong đó tập trung phát triển đô thị thông minh tại đô thị Nam Định và Ninh Bình.

Việc ứng dụng công nghệ thông minh còn ở mức thử nghiệm; Chưa hình thành hệ thống giám sát thông minh liên vùng về môi trường biển, đề điều, xói lở bờ biển; Thiếu các nền tảng dữ liệu dùng chung phục vụ quản lý đô thị ven biển vùng Đồng bằng sông Hồng.

- *Tăng trưởng xanh*: Tăng trưởng xanh và đô thị sinh thái được đề cao để duy trì sức cạnh tranh du lịch, bảo tồn cảnh quan và hệ sinh thái, đô thị du lịch mới duy trì được giá trị thương hiệu dài hạn cho các trung tâm du lịch trong Vùng.

- *Tác động Biến đổi khí hậu*: Vùng ven biển Đồng bằng sông Hồng, đặc biệt là Nam Định và Ninh Bình, chịu tác động mạnh của: Nước biển dâng, xâm nhập mặn; Xói lở bờ biển và suy giảm rừng ngập mặn; Gia tăng cường độ bão và mưa lớn. Các tỉnh đã triển khai nhiều giải pháp theo: Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu; Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu cấp tỉnh; Các dự án nâng cấp, kiên cố hóa hệ thống đê biển. Tuy vậy, các giải pháp hiện nay vẫn mang tính phòng thủ, công trình là chủ yếu, chưa kết hợp đầy đủ các giải pháp dựa vào thiên nhiên và quy hoạch đô thị thích ứng.

- *Phát triển du lịch bền vững*: Ninh Bình là các đô thị đầu tàu phát triển du lịch di sản và môi trường với nhiều mô hình du lịch môi trường, du lịch tâm linh, sinh thái phong phú. Nam Định phát triển các loại hình du lịch văn hóa lịch sử.

❖ *Các đô thị ven biển miền Trung gồm các tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận.*

- *Phát triển đô thị ven biển*: Các đô thị ven biển vùng duyên hải miền Trung đều giữ vai trò là động lực tăng trưởng kinh tế vùng, song đồng thời là không gian nhạy cảm về sinh thái, cảnh quan và rủi ro thiên tai. Phát triển thiếu kiểm soát sẽ làm suy giảm chính nền tảng tài nguyên tạo nên sức hấp dẫn du lịch.

- *Phát triển đô thị thông minh*: Phát triển đô thị thông minh tại các tỉnh thành ven biển trên còn khá hạn chế, ngoại trừ điểm sáng tại Thành phố Huế

- *Tăng trưởng xanh*: Tăng trưởng xanh và đô thị sinh thái được đề cao để duy trì sức cạnh tranh du lịch, kiểm soát phát thải, bảo tồn cảnh quan và hệ sinh thái, đô thị du lịch mới duy trì được giá trị thương hiệu dài hạn cho các đô thị ven biển trong Vùng.

- *Tác động Biến đổi khí hậu*: Biến đổi khí hậu là thách thức trung tâm định hình tương lai đô thị du lịch ven biển Vùng duyên hải Trung bộ: Xói lở bờ biển, nước biển dâng và thiên tai cực đoan đang trực tiếp đe dọa không gian du lịch ven biển.

- *Phát triển du lịch bền vững*: Du lịch ven biển đang tăng trưởng mạnh với số lượng khách du lịch lớn, chất lượng trải nghiệm, giá trị gia tăng và mức độ tham gia của cộng đồng địa phương, gây áp lực lên môi trường và hạ tầng.

❖ *Các đô thị ven biển vùng Đông Nam Bộ (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

- *Phát triển đô thị ven biển*: Thành phố Vũng Tàu là đô thị ven biển đa chức năng hiếm có ở quy mô quốc gia: hội tụ đồng thời đô thị – cảng biển nước sâu – công nghiệp – du lịch, giữ vai trò cửa ngõ biển quốc gia và động lực phát triển của vùng Đông Nam Bộ. Đây là lợi thế chiến lược nhưng cũng là nguồn gốc của nhiều xung đột phát triển. Xung đột không gian là thách thức trung tâm của phát triển đô thị ven biển: Sự chòng lỉnh giữa cảng biển – KCN – đô thị – du lịch – sinh thái đang tạo áp lực lớn lên bờ biển, hạ tầng và môi trường.

- *Phát triển đô thị thông minh*: Chuyển đổi số và đô thị thông minh cần vượt khỏi quản lý hành chính: Đô thị thông minh tại Bà Rịa – Vũng Tàu cần được định vị là công cụ điều hành tổng hợp đa lĩnh vực (đô thị – cảng biển – logistics – du lịch – môi trường), lấy dữ liệu làm hạ tầng cốt lõi, thay vì chỉ dừng ở chính quyền điện tử.

- *Tăng trưởng xanh*: không còn là lựa chọn mà là yêu cầu bắt buộc: Với cường độ công nghiệp và logistics cao, tăng trưởng xanh và giảm phát thải là điều kiện sống còn để Bà Rịa – Vũng Tàu duy trì sức cạnh tranh dài hạn, bảo đảm chất lượng môi trường và hình ảnh đô thị biển.

- *Đô thị sinh thái và tăng trưởng xanh*: là “vùng đệm chiến lược” bảo vệ cấu trúc phát triển: Không gian sinh thái ven biển, rừng ngập mặn và cảnh quan tự nhiên không chỉ có giá trị môi trường mà còn đóng vai trò vùng đệm bảo vệ đô thị và hạ tầng cảng trước tác động của biến đổi khí hậu.

- *Tác động Biến đổi khí hậu*: đây là rủi ro chiến lược định hình tương lai của đô thị Vũng Tàu: Nước biển dâng, triều cường và xói lở bờ biển đặt ra yêu cầu

tích hợp thích ứng BĐKH ngay từ khâu quy hoạch và đầu tư hạ tầng, thay vì xử lý bị động bằng các giải pháp công trình cục bộ.

❖ *Các đô thị vùng đồng bằng Sông Cửu long (Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Bạc Liêu, Cà Mau)*

-*Phát triển đô thị ven biển*: đô thị ven biển vùng ĐBSCL mang bản sắc sinh thái – cửa sông đặc thù: Không giống đô thị du lịch biển miền Trung hay Đông Nam Bộ, đô thị du lịch biển ĐBSCL hình thành trên nền tảng cửa sông – bãi bồi – rừng ngập mặn, với cảnh quan “biển – sông – rừng” đan xen. Đây là lợi thế khác biệt nhưng cũng là nền tảng rất nhạy cảm. Phát triển quy mô nhỏ, phân tán là đặc điểm hiện hữu và cũng là hạn chế lớn: Hiện nay, các đô thị du lịch biển trong vùng phát triển quy mô nhỏ, thiếu đô thị hạt nhân, sản phẩm du lịch phân tán, liên kết yếu. Nếu không tái cấu trúc, mô hình này khó tạo sức bật và khó cạnh tranh trong dài hạn.

- *Tăng trưởng xanh và phát thải thấp*: là lợi thế cạnh tranh tự nhiên của vùng: Với nền tảng du lịch sinh thái, cộng đồng và trải nghiệm, đô thị du lịch biển ĐBSCL có lợi thế phát triển phát thải thấp, nếu biết tận dụng để hình thành thương hiệu “du lịch biển xanh – thích ứng khí hậu”.

- *Phát triển du lịch bền vững*: Phát triển du lịch trong vùng không chạy theo số lượng khách, mà cần nâng cao chất lượng trải nghiệm, kéo dài thời gian lưu trú và tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương, giảm áp lực môi trường.

- *Phát triển đô thị thông minh*:: Đối với ĐBSCL, đô thị thông minh không cần phức tạp, mà cần thiết thực: quản lý điểm đến, giám sát môi trường, cảnh báo ngập – xâm nhập mặn, hỗ trợ du khách và cộng đồng.

-*Thích ứng với biến đổi khí hậu*: được xác định là điều kiện tiên quyết của mọi chiến lược phát triển: ĐBSCL là vùng chịu tác động mạnh nhất của nước biển dâng, sụt lún, xâm nhập mặn và triều cường. Vì vậy, thích ứng BĐKH không phải là nội dung bổ trợ mà là trục xuyên suốt định hình tương lai đô thị du lịch biển của vùng.

2.3. Tổng hợp kết quả

a. Thực trạng phát triển hệ thống đô thị ven biển

❖ *Đô thị ven biển*

Trên cơ sở tổng hợp các số liệu phân loại đô thị, số liệu hiện trạng của thuyết minh đồ án Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp thống kê danh sách các đô thị, đơn vị hành

chính tương đương đô thị ven biển tại 28 tỉnh, TPTW ven biển tại thời điểm trước ngày 1/7/2025 theo bảng 1.11 dưới đây.

Bảng 2.10: Thống kê các đô thị ven biển Việt Nam

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp

STT	Tỉnh	STT	KKT ven biển	Đơn vị hành chính ven biển (Trước 1/7/2025)	Đô thị ven biển sau 1/1/2026	
					Trước 1/7/2025	Sau 1/1/2026
1	Quảng Nam	1		Huyện Điện Bàn	IV	
		2		TP Hội An	III	Hội An (TP Đà Nẵng) III
		3		Huyện Duy Xuyên	V	
		4		Huyện Thăng Bình	V	
		5		TP Tam Kỳ	III	Tam Kỳ (TP Đà Nẵng) III
		6		Huyện Núi Thành	V	
2	Quảng Ngãi	7		Huyện Bình Sơn	V	
		8		TP Quảng Ngãi	III	III
		9		Huyện Tư Nghĩa	V	
		10		Huyện Mộ Đức		
		11		TX Đức Phổ	IV	III
		12		Huyện đảo Lý Sơn	V	
3	Bình Định	13		Hoài Nhơn	IV	
		14		Phú Mỹ		
		15		Phù Cát		
		16		TP. Quy Nhơn	I	Quy Nhơn (Gia Lai) II
4	Phú Yên	17		TX.Sông Cầu	III	Sông Cầu (Đắc Lắc) III
		18		Tuy An	V	
		19		TX.Đông Hòa	IV	Đông Hòa (Đắc Lắc) III
		20		TP.Tuy Hòa	II	Tuy Hòa (Đắc Lắc) II
5	Đà Nẵng	21		Quận Sơn Trà		
		22		Quận Ngũ Hành Sơn		
		23		Quận Liên Chiểu		
		24		Quận Thanh Khê		
		25		Huyện đảo Hoàng Sa		
		26		Quận Hải Châu		

6	Quảng Ninh	27		TP.Móng Cái	II	Móng Cái II
		28		Hải Hà	V	
		29		Đầm Hà	V	
		30		Tiên Yên	IV	
		31	KKT vãn Đồn	Huyện đảo Vân Đồn	IV	Đặc khu Vân Đồn
		32		TP.Cẩm Phả	II	Cẩm Phả II
		33		TP.Hạ Long	I	Hạ Long II
		34		Huyện đảo Cô Tô	V	
		35	KKT Quảng Yên	TX. Quảng Yên	III	Quảng Yên III
7	Hải Phòng	36		Quận Hải An		
		37		Quận Dương Kinh		
		38		Quận Đồ Sơn	I	
		39		Kiến Thụy	V	
		40		Tiên Lãng	V	
		41		Huyện đảo Bạch Long Vĩ		
		42	KKT Đình Vũ Cát hải	Huyện đảo Cát Hải	V	Đặc Khu Cát Hải
8	Thái Bình	43	KKT Thái Bình	Thái Thụy		
		44		Tiền Hải	V	
9	Nam Định	45	KKT Ninh Cơ	Hải Hậu	IV	
		46		Nghĩa Hưng	V	
		47		Giao Thủy	V	
10	Ninh Bình	48		Kim Sơn		
11	Thanh Hóa	49		Nga Sơn	V	
		50		Hậu Lộc	V	
		51		Hoảng Hóa	V	
		52		TP.Sầm Sơn	III	Sầm Sơn II
		53		Quảng Xương	V	
		54	KKT Nghi Sơn	TX Nghi Sơn	IV	Nghi Sơn III
12	Nghệ An	55		Quỳnh Lưu		
		56	KKT Đông Nam Nghệ An	Diễn Châu	V	
		57		Nghi Lộc		
		58		TX.Cửa Lò	III	Vinh II
		59		TX.Hoàng Mai	IV	Hoàng Mai III
13	Hà Tĩnh	60		Nghi Xuân	V	
		61		Lộc Hà	V	

		62		Thạch Hà	V	
		63		Cầm Xuyên	V	
		64	KKT Vũng Ang	TX. Kỳ Anh	III	Kỳ Anh III
		65		Huyện Kỳ Anh		
14	Quảng Bình	66	KKT Hòn La	Huyện Quảng Trạch		
		67		TX. Ba Đồn	IV	Ba Đồn (Quảng Trị) III
		68		Huyện Bố Trạch	V	
		69		Đồng Hới	II	Đồng Hới (Quảng Trị) III
		70		Huyện Quảng Ninh		
		71		Huyện Lệ Thủy		
15	Quảng Trị	72		Vĩnh Linh	V	
		73	KKT Đông Nam Quảng Trị	Gio Linh	V	
		74		Triệu Phong	V	
		75		Hải Lăng	V	
		76		Huyện đảo Cồn Cỏ	V	Đặc khu Cồn Cỏ
16	Thừa Thiên Huế	77		Phong Điền	V	
		78		Quảng Điền		
		79		Hương Trà	IV	
		80		Phú Vang		
		81	KKT Chân Mây Lăng Cô	Phú Lộc	V	
17	Khánh Hòa	82		Vạn Ninh	V	
		83		TX.Ninh Hòa	IV	Ninh Hòa III
		84		TP.Nha Trang	I	Nha Trang II
		85		Cam Lâm	V	
		86		TP.Cam Ranh	III	Cam Ranh III
		87		Huyện đảo Trường Sa		Đặc khu Trường Sa
18	Ninh Thuận	88	KKT Vân Phong	Ninh Hải		
		89		Thuận Bắc		
		90		Thuận Nam		
		91		TP.Phan Rang	II	Phan Rang

						(Khánh Hòa) II
		92		Ninh Phước	V	
19	Bình Thuận	93		Tuy Phong	V	
		94		Bắc Bình		
		95		TP.Phan Thiết	II	Phan Thiết (Lâm Đồng) II
		96		TX.La Gi	III	La Gi (Lâm Đồng) III
		97		Hàm Thuận Nam		
		98		Hàm Tân		
		99		Phú Quý		
20	BRVT	100		Xuyên Mộc		
		101		Đất Đỏ		
		102		Long Điền	V	
		103		TP.Vũng Tàu	I	Vũng Tàu (TP Hồ Chí Minh) II
		104		TX.Phú Mỹ	III	Phú Mỹ (TP Hồ Chí Minh) III
		105		Huyện đảo Côn Đảo	V	Đặc khu Côn Đảo
21	HCM	106		Cần Giờ	ĐB	ĐB
22	Tiền Giang	107		Gò Công Đông	V	
		108		Tân Phú Đông		
23	Bến Tre	109		Bình Đại	IV	
		110		Ba Tri	IV	
		111		Thạch Phú	V	
24	Trà Vinh	112		Châu Thành		
		113		Cầu Ngang	V	
		114		Huyện Diên Hải		
		115	KKT Định An	TX. Duyên Hải	IV	Duyên Hải (Vĩnh Long) III
25	Sóc Trăng	116		Cù Lao Dung	V	
		117		Trần Đề	V	
		118		Vĩnh Châu	IV	

26	Bạc Liêu	119		TP.Bạc Liêu	II	Bạc Liêu (Cà Mau) II
		120		Hòa Bình	V	
		121		Đông Hải	V	
27	Cà Mau	122		Đầm Dơi	V	
		123	KKT Năm Căn	Năm Căn	IV	
		124		Ngọc Hiển		
		125		Phú Tân	V	
		126		Trần Văn Thời	IV	
		127		U Minh	V	
28	Kiên Giang	128		An Minh	V	
		129		An Biên	V	
		130		Châu Thành	V	
		131		TP.Rạch Giá	II	Rạch Giá (An Giang) II
		132		Hòn Đất	V	
		133		Kiên Lương	IV	
		134		TP.Hà Tiên	II	Hà Tiên (An Giang) II
		135	KKT Phú Quốc	Huyện đảo Kiên Hải		Đặc khu Kiên Hải (An Giang)
		136		TP.Phú Quốc	II	Phú Quốc (An Giang) II

Bảng 2.11: Thống kê theo phân loại đô thị ven biển

Nguồn: nhóm nghiên cứu tổng hợp

Trước 1/7/2025						Sau 1/1/2026			
Đặc biệt	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Loại V	Đặc biệt	Loại I	Loại II	Loại III
1	7	10	11	19	52	1	4	15	17

+ Số lượng đô thị ven biển từ loại III đến Đặc biệt chiếm: 29,0%

+ Số lượng đô thị ven biển loại IV, V chiếm: 71,0%

+ Tỷ trọng đô thị trên đơn vị hành chính ven biển: 73,5%

❖ *Đánh giá chung:*

Theo kết quả thống kê tại Bảng 1.11 và Bảng 1.12 cho thấy:

- Mặc dù số lượng đô thị ven biển lớn nhưng đại đa số các đô thị ven biển nước ta có quy mô nhỏ (loại IV, V);
- Số lượng đơn vị hành chính ven biển chưa phải đô thị còn khá nhiều
- Số lượng các đặc khu chưa có trung tâm đô thị được xếp loại chiếm tỷ trọng lớn (9/13 đặc khu).

Những yếu tố trên cho thấy tiềm năng phát triển đô thị ven biển, đô thị đảo của nước ta còn rất lớn, cả về số lượng và chất lượng đô thị.

❖ *Khu đô thị ven biển*

Trên cơ sở số liệu báo cáo của Sở Xây dựng các tỉnh, TPTW ven biển gửi Cục Phát triển đô thị theo đề nghị của Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp tại bảng 4 dưới đây.

Các số liệu bao gồm:

- + Tên dự án khu đô thị, địa điểm
- + Quy mô diện tích quy hoạch
- + Hiện trạng đầu tư xây dựng
- + Đánh giá về tiềm năng phát triển theo các tiêu chí của Nhiệm vụ (đô thị thông minh, đô thị sinh thái, đô thị tăng trưởng xanh, đô thị phát triển du lịch bền vững, đô thị thích ứng BĐKH).

Bảng 2.12: Thống kê và đánh giá tiềm năng phát triển các khu đô thị ven biển dựa trên định hướng quy hoạch (trước ngày 1/7/2025)

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của các Sở Xây dựng tỉnh, TPTW ven biển

TT	Tên khu đô thị ven biển	Quy mô diện tích (ha)	Đã có chủ trương đầu tư (C) /Đang dự kiến thu hút đầu tư (T)	Đánh giá tiềm năng phát triển				
				ĐT thông minh	ĐT sinh thái	ĐT tăng trưởng xanh	ĐT phát triển du lịch bền vững	ĐT thích ứng BĐKH

Quảng Ninh								
1	Khu phức hợp đô thị Hạ Long Xanh	3.186	C	x	x		x	x
2	KĐT Thông minh Hà An - Tiên An	192	T	x				x
3	KĐT Sông Chanh riverside	84	T	x				x
4	KĐT sinh thái Hoàng Tân, thị xã Quảng Yên	343	T		x			
5	KĐT hỗn hợp tại phường Quảng Hanh, thành phố Cẩm Phả	132	T	x			x	
6	Khu đô thị phức hợp tại phường Quang Hanh (khu B, C, D) thành phố Cẩm Phả	134	T	x			x	
7	KĐT tại PK 1,2 tại KĐT Cái Rồng		T	x				
8	Tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng - giải trí cao cấp, sân golf và khu dân cư Monbay Vân Đồn	300	T	x	x		x	x
9	KĐT Hải Đăng, Vân Đồn	148	T	x				x
10	Khu tổ hợp nghỉ dưỡng Sonasea Vân Đồn Harbor City - giai đoạn tiếp theo	120	T					
11	KĐT Đông Ngũ, Đông Hải		T	x				x
12	KĐT Quảng Thành, huyện Hải Hà	700	T	x				x
13	KĐT Quảng Trung - Phú Hải, huyện Hải Hà	280	T	x				x
14	KĐT thương mại dịch vụ - thể dục thể thao tại phường Hải Hoà, thành phố Móng Cái	173	T	x		x		x
Nam Định								

1	KĐT du lịch, sinh thái nghỉ dưỡng Giao Thủy (tổ hợp nhà ở, thương mại, DV nghỉ dưỡng, du lịch, thể thao, sân golf)	270	T					
2	Khu du lịch sinh thái biển Rạng Đông	775.9	C					
3	Khu du lịch sinh thái Cửa Đáy	153	C					
4	Khu phức hợp du lịch xanh kết hợp đô thị biển thông minh Thành Nam (Hải Hậu)	28000-30000	C					
5	Khu đô thị biển Nghĩa Hưng	3000	C					
Thái Bình								
1	KDL sinh thái nghỉ dưỡng Cồn Vành, xã Nam Phú, huyện Tiền Hải	251	T		x		x	
2	Khu phố biển Đồng Châu, xã Đông Minh, huyện Tiền Hải	837	T				x	
Ninh Bình								
0								
Thanh Hóa								
1	Khu đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cao cấp và du lịch biển Sầm Sơn, TP Sầm Sơn	1260	C		x			x
2	KĐT sinh thái Tân Dân, TX Nghi Sơn	117	T		x			x
3	KĐT sinh thái biển Tiên Trang, xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương	101	C		x			x
4	Dự án FLC Samson Golf Links và KĐT sinh thái FLC Sầm Sơn	200	C		x			x

Nghệ An								
1	Khu đô thị tại phường Mai Hùng và xã Quỳnh Liên, thị xã Hoàng Mai	116	T		x		x	
2	Khu đô thị, du lịch nghỉ dưỡng và thể thao phía Nam Đường N2 tại huyện Diễn Châu thuộc Khu kinh tế Đông Nam nghệ An - Giai đoạn 1	175	T		x		x	
Hà Tĩnh								
0								
Quảng Trị								
0								
Quảng Nam								
1	Khu đô thị hỗn hợp phía Nam trục Nguyễn Tất Thành tại phường An Phú và các xã Tam Phú, Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ	296	T		x		x	x
2	Khu đô thị Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành	188	T			x		x
3	Khu đô thị hỗn hợp phía Bắc trục Nguyễn Tất Thành	244	T		x		x	x
4	Khu đô thị dịch vụ hỗn hợp Điện Dương, phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn	221	T		x	x		
5	Khu đô thị ESG giải trí, thể thao, sáng tạo, công nghệ xanh tại khu vực Nam Hội An tại các xã: Bình Minh, Bình Đào và	200	T	x		x		x

	Bình Triều, huyện Thăng Bình							
6	Khu đô thị sinh thái sông Thu Bồn, xã Duy Vinh, Duy Phước, huyện Duy Xuyên	217	T		x			
Quảng Ngãi								
1	Khu đô thị mới Đông Nam Dung Quất – phía Bắc	1446	T	x				x
2	Khu đô thị mới Đông Nam Dung Quất – phía Nam	1518	T	x				x
3	Công viên Quảng trường biển, kết hợp khu đô thị - dịch vụ sinh thái thành phố Quảng Ngãi	229	T	x	x			x
4	Khu đô thị mới Lý Sơn	760	T	x			x	x
5	Khu đô thị mới Gành Yến Ocean view City	101	T	x				x
6	Khu đô thị sinh thái Đông Quảng Ngãi	104	T	x	x		x	x
Ninh Thuận								
1	Khu đô thị Đông Văn Sơn – Bắc Bình Sơn	201	T		x		x	
Phú Yên								
1	Khu đô thị Lệ Uyên, thị xã Sông Cầu	331	T	x	x	x	x	x
2	Khu đô thị Hòa Hiệp Nam	496	T	x	x	x	x	x
3	Khu đô thị dịch vụ ven biển phường Hòa Hiệp Bắc, Hòa Hiệp Trung thuộc Khu kinh tế Nam Phú Yên	284	T	x	x	x	x	x
Bình Định								
1	Khu đô thị, dịch vụ du lịch nổi Nam đầm	225	T				x	

	Đề Gi (phân khu số 16.1) tại huyện Phù Cát							
2	Khu đô thị, dịch vụ du lịch nổi Trung tâm đầm Đề Gi (phân khu số 16.2) tại huyện Phù Mỹ	187	T				x	
3	Khu đô thị, dịch vụ du lịch nổi Bắc đầm Đề Gi (phân khu số 16.3) tại huyện Phù Mỹ	160	T				x	
4	Khu Đô thị - Du lịch - Văn hoá - Thể thao Hồ Phú Hoà	286	T	x				
5	Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, huyện Tuy Phước	130	C		x			
Bà Rịa-Vũng Tàu								
1	Khu đô thị Cù Lao, Bến Đình, thành phố Vũng Tàu	111	T				x	x
2	Khu đảo Gò Găng, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu	1389	T				x	x
Sóc Trăng								
1	Khu đô thị mới Đường 30 tháng 4, thị xã Vĩnh Châu	117	C	x		x	x	x
2	Khu đô thị mới Đường Thanh Niên, thị xã Vĩnh Châu	147	T	x		x	x	x

Đánh giá:

- Số lượng: Theo thống kê của 16 Sở Xây dựng các tỉnh, TPTW ven biển gửi Cục Phát triển đô thị tại thời điểm 30/6/2025, có 51 khu đô thị ven biển có quy mô diện tích trên 100 ha. Trong đó phần lớn là các KĐT VB có quy mô nhỏ và vừa dưới 300ha, cá biệt có một số khu đô thị có quy mô trên 10000ha, chủ yếu là các KĐT kết hợp quy hoạch phát triển khu du lịch sinh thái.

- Tình trạng xây dựng: Phần lớn các KĐT VB đang trong tình trạng kêu gọi đầu tư, các dự án KĐT VB có chủ trương đầu tư còn chiếm tỉ lệ thấp, dưới 30% tổng dự án.

- Chức năng chủ đạo: Chức năng chủ đạo là nhà ở, bất động sản du lịch, sinh thái nghỉ dưỡng.

b. Thực trạng công tác lập quy hoạch:

Công tác lập quy hoạch luôn được Chính phủ và chính quyền các địa phương coi trọng và ưu tiên thực hiện đi trước một bước, làm cơ sở cho công tác đầu tư xây dựng và quản lý phát triển đô thị trên địa bàn. Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 là cơ sở định hướng phát triển toàn bộ hệ thống đô thị trên toàn quốc trong đó có các đô thị ven biển.

28 tỉnh và TPTW ven biển (trước 1/7/2025) đã hoàn thành lập quy hoạch tỉnh, TPTW để định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn, trong đó có các đô thị, khu đô thị ven biển. Tuy nhiên, do sáp nhập địa giới hành chính và đổi tên gọi, số lượng các tỉnh, TPTW ven biển nước ta hiện nay là 21. Các tỉnh, TPTW có sự thay đổi lớn về địa giới hành chính nên cần được sớm tiến hành công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh để làm căn cứ điều chỉnh định hướng phát triển hệ thống đô thị nói chung và đô thị ven biển trên địa bàn.

Toàn bộ các thành phố, thị xã, thị trấn ven biển trước đây đều đã được lập hoặc điều chỉnh quy hoạch chung đô thị và các quy hoạch cấp dưới để định hướng phát triển không gian, đầu tư xây dựng hạ tầng và quản lý đô thị. Sau khi hệ thống tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp chính thức đi vào hoạt động từ 1/7/2025, chính quyền các đô thị cấp huyện đã chấp dứt hoạt động, ranh giới hành chính các đô thị trước đây (TP, TX, TT) đã không còn tồn tại, do vậy cần sớm tiến hành rà soát, điều chỉnh luật Quy hoạch đô thị và nông thôn để làm căn cứ điều chỉnh các quy hoạch đô thị ven biển trước đây để phù hợp với bối cảnh phát triển mới.

Các khu đô thị ven biển đa phần được lập quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết và triển khai xây dựng dưới dạng các dự án và giao cho các chủ đầu tư tư nhân thực hiện. Mô hình quy hoạch các khu đô thị ven biển cũng khá đa dạng với các hình thức như khu nhà ở, bất động sản kết hợp du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái: KĐT Cần Giờ (TP.HCM), Đồi Rồng (Hải Phòng), Hạ Long Xanh (Quảng Ninh) hoặc các khu đô thị được quy hoạch và xây dựng nằm trong ranh giới của các khu kinh tế ven biển, có chức năng phát triển kinh tế, thương mại, dịch vụ và thu hút đầu tư. Ví dụ điển hình gồm các khu đô thị nằm trong Khu kinh tế Vân Đồn, Quảng Yên (Quảng Ninh), Khu kinh tế Phú Quốc (An Giang) hoặc Khu kinh tế Dung Quất (Quảng Ngãi)...

c. Thực trạng công tác quản lý phát triển đô thị

Các thành phố, thị xã, thị trấn ven biển trước đây được phân loại theo hệ thống phân loại đô thị chung toàn quốc bao gồm 06 cấp đô thị từ đặc biệt cho đến đô thị loại V. Tuy nhiên, do việc tổ chức lại các đơn vị hành chính địa phương theo mô hình 2 cấp, loại bỏ các đơn vị hành chính cấp huyện (thành phố, thị xã) và các thị trấn nên việc xác định ranh giới và phân loại các đô thị hiện nay còn chưa có hướng dẫn mới. Công tác quản lý quy hoạch và phát triển đô thị vẫn dựa vào danh giới lập quy hoạch chung và tiêu chí phân loại các đô thị trước đây.

Các tỉnh, TPTW ven biển đều đã xây dựng chương trình phát triển đô thị làm cơ sở cho công tác quản lý phát triển đô thị trên địa bàn.

d. Các vấn đề ảnh hưởng BĐKH tại các khu vực đô thị ven biển

❖ Tình trạng xói mòn bãi biển

Xói mòn bãi biển Việt Nam được ghi nhận từ những năm nửa đầu thế kỷ 20 và ngày càng gia tăng, cả về số lượng cũng như cường độ. Hiện tượng này cũng rất khác nhau giữa các địa phương, tùy thuộc vào địa hình và đặc điểm địa chất vùng ven bờ. Một số nơi có lịch sử xói mòn từ rất lâu và kéo dài tới nhiều chục năm, thậm chí tới hơn 100 năm, như tại huyện Hải Hậu (Ninh Bình), huyện Ngọc Hiển, Cà Mau. Nhiều bãi biển có biểu hiện xói lở trong mấy năm qua, nhưng chỉ được phát hiện khi so sánh các ảnh viễn thám và bản đồ địa hình trong những khoảng thời gian khác nhau, như tại Quảng Bình, Quảng Trị, Khánh Hòa.

Trong hai thập niên qua, cùng với sự phát triển kinh tế biển dưới nhiều hình thức, các bãi biển ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam của Việt Nam đều ghi nhận xói mòn gia tăng cả ở quy mô và mức độ. Nhiều đoạn bờ mới xuất hiện xói mòn gần đây, liên quan đến sự phát triển kinh tế biển địa phương, trong đó mạnh nhất tập trung tại các tỉnh, thành: Đà Nẵng, Quảng Ngãi và Phú Yên [18].

❖ Bão lũ, triều cường gây ngập úng và xâm nhập mặn

21 tỉnh thành ven biển của Việt Nam được phân loại trong 5/8 vùng bão với cao điểm bão từ tháng 7 đến tháng 12, tần số bão từ 0,5 đến 2 cơn/năm với lượng mưa trung bình từ 50 đến 200 mm trong thời kỳ 1961 - 2014 và 5/8 vùng nguy cơ gió mạnh, mưa lớn khi bão mạnh và siêu bão đổ bộ tương ứng. Dải ven biển Việt Nam cũng đối mặt với nguy cơ nước dâng do bão, đặc biệt cao trên các vùng ven biển Quảng Ninh đến Thanh Hóa và Nghệ An đến Thừa Thiên Huế; tình trạng ngập lụt, xâm nhập mặn, triều cường ngày càng rõ nét ở các tỉnh thành phía Nam. Đến năm 2025, vùng ven biển Việt Nam đón 13 cơn bão từ Biển Đông. Hạn hán

và xâm nhập mặn tại Đồng bằng sông Cửu Long cũng gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân [18].

b. Các tác động của BĐKH đến đô thị ven biển

❖ *Tác động đến cơ sở hạ tầng:*

Hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông và năng lượng đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của các đô thị ven biển cũng bị ảnh hưởng nặng nề do lũ ven biển và tác động của bão. Trong đó các tỉnh Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Trà Vinh, Bạc Liêu và Cà Mau (trước 1/7/2025) bị ảnh hưởng 100% số lượng nhà máy điện. Hệ thống giao thông công cộng tại các tỉnh ven biển bị tổn thất nặng nề do thiên tai, trong đó ảnh hưởng nặng nhất từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế đến Quảng Nam, và TP. HCM, ước tính trung bình năm lên đến 3-12 nghìn USD; các tỉnh Quảng Ninh, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Định ước tính khoảng 1,8-3 nghìn USD trung bình hàng năm. Các tỉnh ven biển đồng bằng sông Cửu Long và Phú Yên bị ảnh hưởng ít nhất, trung bình hàng năm khoảng dưới 0,5 nghìn USD [15].

Ngoài ra, thiên tai và BĐKH cũng tạo ra sức ép đối với nguồn cung và mức độ thiếu nước tại các lưu vực sông trong mùa khô. Ô nhiễm môi trường nước từ các hoạt động công nghiệp, nông nghiệp ở mức độ cao cùng với ảnh hưởng của xâm nhập mặn làm suy giảm chất lượng nước. Bên cạnh đó, thiên tai còn tác động đến nguồn nước và làm hư hại hệ thống thủy lợi và xử lý nước. Sự phát triển kinh tế xã hội và gia tăng dân số dẫn đến nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng ở các khu vực đô thị, kết hợp với các ảnh hưởng khác làm trầm trọng thêm tình trạng căng thẳng về nguồn nước ở hầu hết các tỉnh thành và các đô thị ven biển.

❖ *Tác động đến các hoạt động kinh tế:*

Du lịch là ngành kinh tế có vai trò quan trọng nhất đối với các đô thị ven biển và đang phát triển nhanh, các tỉnh ven biển đóng góp khoảng 45% doanh thu du lịch quốc gia. Trong đó, các bờ biển Việt Nam là một trong những điểm thu hút khách du lịch trong và ngoài nước, đặc biệt các bãi biển nguyên sơ và hệ sinh thái tự nhiên là điểm hấp dẫn thu hút khách du lịch đến với các đô thị ven biển. Tuy nhiên, khu vực này đang chịu tác động mạnh mẽ của các hiện tượng thời tiết cực đoan và chịu rủi ro cao từ các hiện tượng này. Thiên tai và BĐKH không chỉ ảnh hưởng tới tài nguyên du lịch ven biển (bãi biển, di tích văn hóa lịch sử,...), sức hấp dẫn của bờ biển đối với du khách, sự di chuyển của khách du lịch tới các điểm du lịch mà còn làm suy giảm chất lượng sản phẩm du lịch và hủy hoại cơ sở lưu trú. Các trung tâm du lịch ven biển tại miền Bắc như Quảng Ninh, Hải Phòng, Ninh

Bình có tới 80-100% số lượng khách sạn, nhà nghỉ bị ảnh hưởng bởi sự sạt lở bờ biển do lũ ven biển chu kỳ 500 năm [15]..

Công nghiệp là khu vực tăng trưởng động lực của các tỉnh thành ven biển tại Việt Nam trong những năm qua, tốc độ tăng trưởng cao nhất tại vùng duyên hải Bắc Trung Bộ. Thiên tai đã có tác động tiêu cực đến các khu công nghiệp ven biển (có khoảng 34% tổng số các khu công nghiệp trên toàn quốc phân bố ở khu vực ven biển). Trong đó, khoảng 50% trong số tất cả các khu công nghiệp của các tỉnh ven biển phải đối mặt trực tiếp với mối đe dọa của lũ sông hoặc lũ ven biển chu kỳ xuất hiện 100 năm và khoảng 88% phải chịu rủi ro lũ lụt có chu kỳ 500 năm. Giá trị sản xuất công nghiệp trung bình hàng năm chịu ảnh hưởng của lũ ven biển lên đến 77,6 triệu USD và ảnh hưởng đến 569.999 việc làm công nghiệp trong dự báo chu kỳ 500 năm. Các tỉnh thành ven biển miền Bắc từ Quảng Ninh đến Ninh Bình, Hà Tĩnh và các tỉnh từ Tiền Giang đến Cà Mau (trừ Trà Vinh) là những địa phương có tỷ lệ số khu công nghiệp bị ảnh hưởng cao nhất, lên đến trên 80% [15].

Bảng 2.13. Ảnh hưởng của lũ ven biển tới một số ngành kinh tế

Nguồn: [16]

STT	Lĩnh vực	Giá trị kinh tế trung bình năm (tỷ USD)	Tần suất 500 năm
Tỷ lệ ảnh hưởng	Giá trị kinh tế (tỷ USD)		
1	Sản xuất nông nghiệp	0,0473	38% tổng diện tích đất nông nghiệp 1,6
2	Du lịch	0,1792	37% tổng số khách sạn 3,6
3	Công nghiệp	0,0776	51% tổng số khu công nghiệp, 1,3
4	Giao thông	0,0255	26% tổng km đường bộ ven biển, 0,462
5	Năng lượng	0,0630	40% tổng số trạm điện, 23% tổng số nhà máy điện

❖ *Tác động đến đời sống và an sinh xã hội*

Đời sống và an sinh xã hội tại các tỉnh thành ven biển cũng chịu tác động của thiên tai và BĐKH thể hiện ở sự thiệt hại đến các cơ sở y tế và giáo dục. Theo tính toán của Rentschler và các cộng sự (2020) [16], có khoảng 26-50% số cơ sở y tế tại các tỉnh ven biển chịu ảnh hưởng của lũ lụt.

Ngoài phá hủy các cơ sở vật chất, thiên tai và BĐKH còn làm gián đoạn các hoạt động của các cơ sở y tế bởi tác động đến sự an nguy của các nhân viên y tế khi làm công tác chuyên môn, cơ sở hạ tầng bị phá hủy làm ảnh hưởng đến cung cấp các dịch vụ y tế. Kết quả phân tích cũng cho thấy, trường học tại các tỉnh ven biển có mức độ rủi ro trước thiên tai đang gia tăng mạnh mẽ, ước tính khoảng 16% tổng số trường học đối mặt rủi ro lũ ven biển và 84% số trường học đối mặt với rủi ro lũ sông theo chu kỳ xuất hiện 500 năm [15].

Các tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh từ Khánh Hòa đến Bà Rịa- Vũng Tàu bị thiếu nước trầm trọng vào mùa khô; các tỉnh từ Quảng Ninh đến Ninh Bình, Thừa Thiên Huế, Bình Định, Phú Yên và các tỉnh ven biển đồng bằng sông Cửu Long đều được dự kiến sẽ bị thiếu nước ở mức trung bình; chỉ có Quảng Bình, Quảng Trị là các địa phương không bị thiếu nước trong mùa khô vào năm 2030.

Nội dung 3: Đánh giá thực trạng, tiềm năng và nhu cầu phát triển các đô thị, khu đô thị ven biển

3.1. Phân tích, đánh giá tổng hợp về thực trạng, tiềm năng, nhu cầu phát triển các đô thị, khu đô thị ven biển và hải đảo

a) Đánh giá tổng hợp về thực trạng

Hiện nay, các đô thị ven biển hiện đang phát triển khá nóng với sự tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng năng lượng, cảng biển, các khu du lịch nghỉ dưỡng, dự án BĐS. Ví dụ tại thành phố Hải Phòng phát triển khu vực cảng Container quốc tế Tân Cảng, TP. Đà Nẵng phát triển nhiều khu đô thị, khu du lịch cao cấp dọc ven biển Mỹ Khê kéo dài hàng chục km, tỉnh Khánh Hòa cũng không ngừng mở rộng và phát triển các khách sạn cao cấp dày đặc dọc trục đường ven biển Trần Phú, khu vực bắc bán đảo Cam Ranh cũng đã dần hình thành những không gian đô thị du lịch quốc tế cao cấp. Đặc khu Phú Quốc, chỉ trong một thời gian ngắn khoảng 10 năm trở lại đây, các khu vực xây dựng tập trung của Phú Quốc khu vực phía Bắc và Nam, cũng như khu vực Bãi Dài đã được xây dựng quy mô lớn, hạ tầng cơ sở như sân bay quốc tế, cảng biển cũng được đầu tư đáng kể, kết hợp với điều kiện thuận lợi của khí hậu, đã tạo sức hút du lịch mạnh mẽ.

Cùng với sự phát triển nóng, thì tình trạng quy hoạch “treo” diễn ra phổ biến. Thực tế đã có nhiều dự án ven biển, lấn biển chậm hoặc không triển khai được, do vướng mắc trong thủ tục cấp phép xây dựng, giao đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, gây ra lãng phí lớn đất đai và nguồn lực tại nhiều đô thị lớn, điển hình như

dự án KĐT Đa Phước với quy mô 181 ha tại trung tâm thành phố Đà Nẵng bị bỏ hoang nhiều năm qua.

Trào lưu lấn biển để phát triển đô thị đang diễn ra mạnh mẽ tại một số tỉnh, thành phố ven biển làm xuất hiện nhiều hệ lụy ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường biển và di sản điển hình như dự án khu đô thị 10B nằm ở phường Cẩm Phả, Quảng Ninh, Quy mô 32 ha, trong đó có 3,9 ha nằm trong vùng bảo vệ cấp II (vùng đệm) của di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long.

Hình 3.1: Dự án KĐT lấn biển Đa Phước-TP Đà Nẵng

Nguồn:<https://vnexpress.net/du-an-lan-bien-da-nang-bi-bo-hoang-4608417.html>



Hình 3.2: Dự án khu đô thị 10B, phường Cẩm Phả, Quảng Ninh.

Nguồn:<https://vnexpress.net/hien-trang-du-an-do-thi-lan-bien-trong-vung-dem-vinh-ha-long-4673529.html>



Việc lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị ven biển và thực hiện theo luật Kiến trúc chưa nghiêm túc, làm ảnh hưởng xấu đến cảnh quan chung của đô thị. Việc quy hoạch không gian ven biển phục vụ chủ yếu cho mục đích phát triển du lịch, dịch vụ đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển bền vững của cả đô thị, bởi các công trình xây dựng cao tầng đã chiếm gần như toàn bộ “mặt tiền”

hướng ra biển, hạn chế tầm nhìn ra biển và khả năng thông gió của nhiều đô thị du lịch nổi tiếng như Nha Trang, Đà Nẵng.

Hình 3.3: Tuyến đường ven biển Trần Phú-Phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nguồn: <https://kinhtedothi.vn/hien-trang-phia-dong-duong-tran-phu-nha-trang-truoc-ngay-duoc-quy-hoach>



Sự phát triển ồ ạt các dự án bất động sản ven biển hay xu hướng xây dựng cao tầng, đặc biệt, những công trình cao tầng như khách sạn, condotel, trung tâm thương mại...án ngữ tầm nhìn ra biển, đã tiềm ẩn nguy cơ kìm hãm và làm tổn hại cơ hội phát triển trong tương lai của toàn đô thị.

Việc thiết kế các trục đường ven biển quy mô lớn chạy song song dải bờ biển để “phân lô” phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng biển liền kề với hàng rào, đã làm giảm khả năng tiếp cận của cộng đồng, khách du lịch đến bãi biển.

Những bãi biển công cộng cũng như không gian cho nghề biển của cộng đồng địa phương bị thu hẹp, thậm chí mất đi ở hầu hết các đô thị du lịch biển. Quỹ đất dành cho phát triển không gian mở và hạ tầng đô thị bị hạn chế, làm giảm khả năng thoát nước tự nhiên, gây úng ngập cho đô thị khi xảy ra mưa lớn và làm gia tăng nguy cơ xói lở đường bờ dưới tác động của BĐKH, bão lũ. Hệ thống cây xanh phòng hộ ven biển chống gió, cát bị thay thế và suy giảm diện tích làm giảm khả năng chống chịu của đô thị trước thiên tai.

Với xu hướng phát triển như hiện nay, các đô thị ven biển đang phải đối mặt với những thách thức phát triển cân bằng, khi mà môi trường tự nhiên ven biển, rừng ngập mặn ven biển, những cánh rừng phòng hộ quan trọng bị hủy hoại dưới tác động của các hoạt động kinh tế và đô thị hóa. Ngoài ra, những biến động về điều kiện tự nhiên và môi trường, BĐKH và nước biển dâng (NBD), bão, lũ lụt...cũng đang là những thách thức lớn mà các đô thị ven biển phải đối mặt. Đô thị Hội An là một ví dụ điển hình khi khu vực ven biển Cửa Đại sau một thời gian đầu tư phát triển ồ ạt các khu khách sạn, resort ven biển, ven cửa sông đang bị xâm thực và xói lở nghiêm trọng, làm gần như biến mất một bãi biển vốn rất đẹp và nổi tiếng trước đây.... Vấn đề này đã và đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiềm

năng du lịch và phát triển kinh tế của Hội An, thành phố nằm trong danh sách Di sản văn hóa thế giới của UNESCO với trọng điểm là ngành du lịch có đóng góp lớn cho phát triển kinh tế địa phương. Xói lở bờ biển cũng đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến các đền các khu đô thị, khu dân cư sinh sống tập trung, các công trình hạ tầng kỹ thuật và các khu du lịch tại nhiều địa phương ven biển khác như Ninh Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa...

Hình 3.4: Xâm thực bờ biển tại Cửa Đại, phường Hội An Đông, TP. Đà Nẵng.

Nguồn: <https://thiennhienmoitruong.vn/khac-phuc-tinh-trang-xoi-lo-tai-bo-bien-hoi-an.html>



b) Đánh giá tiềm năng, nhu cầu phát triển đô thị ven biển

❖ *Điểm mạnh:*

+ Việt Nam có đường bờ biển dài và số lượng lớn các quần đảo, đảo ven biển; dân số tập trung chủ yếu tại các khu vực ven biển nên có tiềm năng rất lớn để phát triển đô thị ven biển.

+ Khu vực ven biển có điều kiện khí hậu ôn hòa, cảnh quan tự nhiên và nhiều bãi biển đẹp thuận lợi cho phát triển du lịch, dịch vụ.

+ Khu vực ven biển nước ta nằm gần các tuyến vận tải biển quan trọng của thế giới nên thuận lợi cho phát triển cảng biển, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu thương mại tự do, dịch vụ logistic... làm tiền đề cho phát triển đô thị.

❖ *Điểm yếu:*

+ Các đồng bằng ven biển dài và hẹp, tập trung nhiều cửa sông nên có địa hình, điều kiện thủy văn phức tạp, hạn chế phát triển đô thị tập trung quy mô lớn.

+ Khu vực ven biển, hải đảo là nơi chịu nhiều tác động nhất của thiên tai và biến đổi khí hậu, nhạy cảm về an ninh quốc phòng.

+ Chưa có cơ chế quản lý phát triển tổng hợp cho khu vực ven biển để điều tiết tổng thể các hoạt động kinh tế; xây dựng; bảo vệ tài nguyên, môi trường, cảnh quan; an sinh xã hội; bảo tồn di sản văn hóa biển. Việc phát triển nóng các dự án bất động sản và các hoạt động du lịch dịch vụ, dự án lấn biển trong giai đoạn vừa qua đã gây ra nhiều hệ quả xấu về mặt cảnh quan, môi trường và xã hội.

❖ *Cơ hội:*

+ Vai trò của phát triển đô thị ven biển được Đảng và Nhà nước quan tâm chỉ đạo và xác định là động lực quan trọng cho phát triển kinh tế biển bền vững. Các chính quyền địa phương ngày càng có nhận thức đúng về vai trò và tiềm năng phát triển của khu vực ven biển.

+ Hệ thống các văn bản chỉ đạo của TW, cơ sở pháp lý cho công tác quy hoạch và quản lý phát triển đô thị biển được xây dựng và ngày càng hoàn thiện, một số cơ chế đặc thù cho phát triển đô thị ven biển như phát triển Khu thương mại tự do, hình thành các đơn vị hành chính đặc khu đang tạo ra cơ hội phát triển mới.

+ Tự do hóa thương mại quốc tế và xu hướng chuyển dịch dòng vốn đầu tư sang các nước đang phát triển, tạo ra cơ hội lớn để Việt Nam phát huy thế mạnh về vị trí địa lý ven biển, gần các tuyến hàng hàng quốc tế để phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế biển: cảng biển, khu kinh tế, khu chế xuất, khu thương mại tự do, khu du lịch... làm tiền đề cho mở rộng phát triển đô thị ven biển;

+ Hệ thống hạ tầng kết nối khu vực ven biển được đầu tư đồng bộ, đặc biệt là đường bộ cao tốc Bắc Nam, tuyến đường ven biển, các sân bay quốc tế và vùng; dự án đường sắt cao tốc quốc gia đang được triển khai tạo ra cơ hội tăng cường kết nối phát triển hệ thống đô thị ven biển.

❖ *Thách thức:*

+ Thiếu nguồn vốn đầu tư cho mở rộng phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật đô thị, đầu tư phát triển KHCN và chuyển đổi số.

+ Thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng có xu hướng ngày càng tác động nặng nề tại các khu vực tập trung dân cư đô thị và nông thôn ven biển, ven sông, và trên các đảo.

+ Sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ của các đô thị ven biển lớn trong khu vực trong thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển hạ tầng logistic.

b) Đánh giá nhu cầu phát triển đô thị ven biển

Theo kết quả khảo sát tình hình phát triển các khu đô thị ven biển tại các tỉnh thành phố TW ven biển. Trong số 51 khu đô thị ven biển được báo cáo, có:

- + Phát triển theo mô hình đô thị thông minh: 26/51, chiếm 50%
- + Phát triển theo mô hình đô thị sinh thái: 22/51, chiếm 43%
- + Phát triển theo mô hình đô thị tăng trưởng xanh: 8/51, chiếm 16%
- + Định hướng đô thị phát triển du lịch bền vững: 24/51, chiếm 47%
- + Định hướng phát triển đô thị thích ứng BĐKH: 31/51, chiếm 60%

Như vậy, số lượng các đô thị ven biển định hướng phát triển theo mô hình đô thị thông minh chiếm tỉ trọng lớn nhất (50%), rồi đến mô hình đô thị sinh thái (43%), bên cạnh đó 60% các đô thị ven biển đều có định hướng phát triển thích ứng với BĐKH và 47% định hướng phát triển du lịch bền vững. Thống kê trên cho thấy nhu cầu và xu hướng phát triển theo mô hình đô thị thông minh và đô thị sinh thái là nổi bật.

Trong bối cảnh hiện nay, nhu cầu phát triển các khu đô thị ven biển vẫn đang mạnh mẽ do sức hút lớn của khu vực này đối với phát triển du lịch, bất động sản nghỉ dưỡng, các hoạt động xuất nhập khẩu, thương mại, dịch vụ logistic, với một xu hướng đặc biệt mạnh mẽ hiện nay là việc phát triển các dự án siêu đô thị lấn biển có quy mô cực lớn, đa chức năng, do các nhà phát triển BĐS lớn đầu tư điển hình là các dự án KĐT lấn biển Cần Giờ, KĐT Hạ Long Xanh...với quy mô hàng chục nghìn ha.

Xu hướng hình thành các Khu thương mại tự do gắn với các cảng biển, sân bay tại các TPTW ven biển như: Đà Nẵng và TP Hồ Chí Minh đang là một xu hướng phát triển dẫn dắt tạo động lực mới cho các đô thị ven biển theo mô hình phát triển kinh tế, thương mại và dịch vụ tài chính mới thay thế cho các KKT, KCN ven biển vốn còn ít hiệu quả trong bối cảnh tự do kinh tế toàn cầu hiện nay.

Tóm lại, dù phát triển kinh tế biển theo mô hình nào thì vai trò của các đô thị ven biển là không thể thay thế với chức năng cung cấp cơ sở hạ tầng, dịch vụ, hậu cần, nguồn nhân lực cho các hoạt động kinh tế biển. Do vậy nhu cầu phát triển đô thị ven biển vẫn sẽ tiếp tục mạnh mẽ tại nước ta trong nhiều thập kỷ tới nhằm phát huy lợi thế của một đất nước biển đảo. Tuy nhiên, về mặt vĩ mô và dài hạn. Chính phủ cần có chính sách nhằm cân đối giữa nhu cầu phát triển đô thị, phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên môi trường, hệ sinh thái tự nhiên trước các thách thức ngày càng nghiêm trọng của BĐKH, NBD và thiên tai.

3.2. Xây dựng Bộ tiêu chí tổng hợp đánh giá đô thị, khu đô thị ven biển sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh, gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH tại Việt Nam.

Đề án có tính khả thi cao và phù hợp với tiềm năng, nền tảng phát triển của các đô thị ven biển nước ta hiện nay, nhóm nghiên cứu đề xuất chia 5 tiêu chí thành hai nhóm:

- Các tiêu chí bắt buộc: đô thị Thông minh, đô thị Sinh thái và đô thị Tăng trưởng xanh.
- Các tiêu chí phụ trợ: đô thị Thích ứng BĐKH và đô thị Phát triển du lịch bền vững.

02 mô hình phát triển đô thị, khu đô thị ven biển tương ứng với hai loại tổ hợp nhóm tiêu chí như sau:

Mô hình 1: Đô thị, khu đô thị ven biển phát triển toàn diện

Đây là mô hình phát triển lý tưởng mà các đô thị ven biển hướng tới với yêu cầu cao: đô thị đạt tối thiểu 2/3 tiêu chí bắt buộc (đô thị thông minh, đô thị sinh thái hoặc đô thị tăng trưởng xanh) + các tiêu chí hỗ trợ lựa chọn.

Mô hình 2: Đô thị, khu đô thị ven biển đặc thù

Đây là mô hình thực tiễn phù hợp với các đô thị hiện nay.

Yêu cầu: Đô thị đạt 1/3 tiêu chí bắt buộc (đô thị thông minh, đô thị sinh thái, đô thị tăng trưởng xanh) + các tiêu chí hỗ trợ lựa chọn.

Bảng 3.1: Khung tiêu chí đề xuất đối với các đô thị, khu đô thị ven biển

Đối tượng	Đô thị, khu đô thị ven biển				
	Thông minh	Sinh thái	Tăng trưởng xanh	Phát triển du lịch bền vững	Thích ứng với BĐKH
Đô thị ven biển (Cụm liên phường, hoặc liên phường-xã, đặc khu có quy mô dân số từ 100.000 người; ranh giới thí điểm do chính quyền tỉnh, TPTW lựa chọn dựa theo	Văn bản số 6862/BXD-PTĐT trong đó Hướng dẫn áp dụng Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững –	Đạt tiêu chí về đô thị sinh thái theo hướng dẫn của BXD	Thông tư số 01/2018/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định về chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh	- Có khu du lịch cấp quốc gia, tỉnh, thành phố TW. - Có mô hình khu du lịch sinh thái	- Tích hợp thích ứng với BĐKH trong quy hoạch đô thị hoặc đề án, chương trình, kế hoạch hành động. - Có các dự án thích ứng

ranh giới quy hoạch đô thị).	Phiên bản 1.0			- Có mô hình khu du lịch cộng đồng hoặc kết hợp bảo tồn di sản văn hóa.	BĐKH được triển khai - Có trang bị hệ thống cảnh báo sớm thiên tai (sóng thần, ngập lụt, sạt lở bờ biển...)
Khu đô thị ven biển (Khu đô thị mới được quy hoạch đồng bộ có quy mô diện tích trên 100 ha, quy mô dân số trên 20.000 người)	x	x	- Có phát triển hệ thống GTCC sử dụng điện. - Sử dụng năng lượng tái tạo trong chiếu sáng công cộng. - Sử dụng hệ thống xử lý nước thải tuần hoàn. ...	- Giải pháp quy hoạch hỗ trợ phát triển các hoạt động du lịch - Có hệ thống hạ tầng, tiện ích phục vụ dịch vụ du lịch biển ...	x

- Đối với các đô thị ven biển hiện hữu: Đẩy mạnh công tác đầu tư, xây dựng triển khai các chương trình, kế hoạch cụ thể để đáp ứng các tiêu chí bắt buộc phù hợp với tiềm năng và nền tảng phát triển sẵn có.

- Đối với các đô thị, khu đô thị được quy hoạch phát triển mới: Lồng ghép các định hướng, tiêu chí phát triển đô thị sinh thái, thông minh, tăng trưởng xanh, phát triển du lịch bền vững, thích ứng với BĐKH ngay từ giai đoạn quy hoạch: (trong mục tiêu, định hướng quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị, các dự án ưu tiên đầu tư) để làm cơ sở đầu tư phát triển tổng thể, đồng bộ.

Nội dung 4.: Rà soát, đánh giá các cơ chế, chính sách hiện hành về quy hoạch và phát triển đô thị, khu đô thị ven biển sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH tại Việt Nam.

4.1. Rà soát, đánh giá các cơ chế, chính sách hiện hành về quy hoạch và phát triển đô thị, khu đô thị ven biển và hải đảo

a. Phát triển đô thị thông minh

Bộ Xây dựng được ủy quyền của Chính phủ vừa tiến hành tổng kết việc triển khai Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030 (QĐ 950/QĐ-TTg) với một số kết quả như sau:

- Bộ Xây dựng: Ban hành kế hoạch triển khai Đề án, ứng dụng mô hình thông tin công trình BIM...Xây dựng dự thảo Nghị định quản lý phát triển đô thị thông minh...

- Bộ Khoa học công nghệ: Ban hành Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam giai đoạn đến năm 2025 (phiên bản 1.0); ban hành Khung tham chiếu ICT phát triển ĐTTM (phiên bản 1.0); hướng dẫn các địa phương xây dựng Kiến trúc ICT phát triển ĐTTM theo Khung tham chiếu.

- Một số tỉnh, TPTW ven biển như: TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nghệ An đã xây dựng và đang triển khai Đề án phát triển đô thị thông minh trên địa bàn.

Như vậy sau 7 năm triển khai, phát triển đô thị thông minh ở nước ta và một số đô thị ven biển mới chỉ dừng ở bước xây dựng khung cơ chế chính sách, một số đô thị đã tiên phong xây dựng và triển khai Đề án đô thị thông minh với một số kết quả ban đầu và chưa có đô thị nào đạt chỉ tiêu hoặc được công nhận là đô thị thông minh. Việc quy hoạch, phát triển đô thị thông minh còn gặp nhiều khó khăn trên thực tế do thiếu các tiêu chí, tiêu chuẩn chung thống nhất. Việc triển khai ở mỗi địa phương lại theo các cách khác nhau.

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong việc phát triển đô thị thông minh. Theo báo cáo của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), Việt Nam xếp thứ 67 trong số 100 thành phố thông minh nhất thế giới năm 2023. Nhiều thành phố lớn tại Việt Nam đã triển khai các dự án đô thị thông minh, bao gồm: Dự án thành phố thông minh thí điểm tại Khu đô thị Thủ Thiêm, thành phố thông minh Ecopark Đà Nẵng.

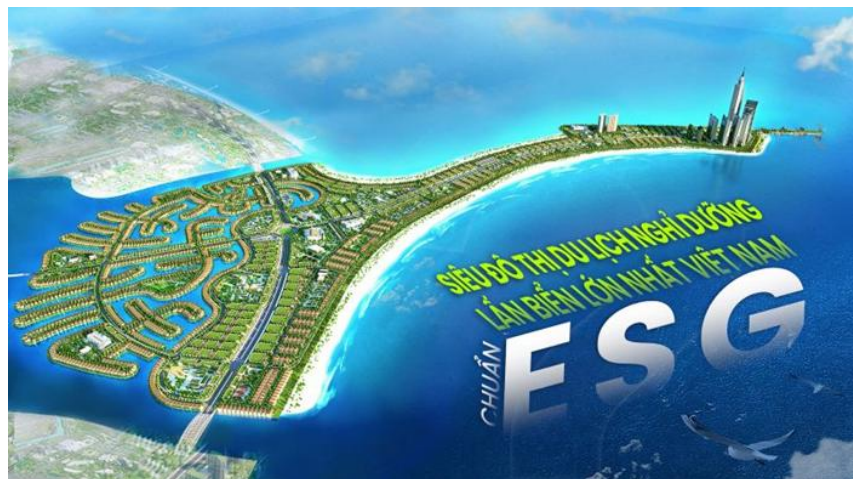
b. Phát triển đô thị xanh, sinh thái, tăng trưởng xanh

Phát triển đô thị xanh, sinh thái, tăng trưởng xanh hiện đã được lồng ghép trong định hướng quy hoạch đô thị tại nhiều thành phố như Đà Nẵng, Hải Phòng, Hà Nội... Theo Quy hoạch chung TP.Đà Nẵng đến năm 2030, mô hình và cấu trúc phát triển không gian Đà Nẵng được gắn với cảnh quan đặc trưng theo 3 vùng đô thị, gồm vùng ven mặt nước, vùng lõi xanh, vùng sườn đồi và 1 vùng sinh thái, gồm khu vực rừng, núi, đồi phía Tây và phía Bắc, khu du lịch quốc gia Sơn Trà và huyện Hoàng Sa, các sông và hồ cùng với đường bờ biển trong vùng sinh thái; các khu vực này là yếu tố quyết định chính cho ranh giới đô thị hóa của Đà Nẵng và cũng là tiềm năng phát triển du lịch, bảo tồn hệ sinh học đa dạng và thúc đẩy phát

triển bền vững, tiến tới một *thành phố đáng sống, thành phố sinh thái*. Tại thành phố Hải Phòng, nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị Ngày 24/01/2019 về xây dựng và phát triển TP Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 với mục tiêu chung: Xây dựng và phát triển đô thị Hải Phòng là đô thị cảng biển văn minh, hiện đại, là đô thị trung tâm cấp quốc gia, thành phố kinh tế, *thành phố sinh thái*.

Ở cấp độ khu đô thị, một số khu đô thị đã được quy hoạch hoặc triển khai xây dựng theo mô hình đô thị sinh thái đạt nhiều kết quả khả quan. Điển hình là các khu đô thị Ecopark tại Hưng Yên và Nghệ An với nhiều không gian cây xanh mặt nước, tỉ lệ xây dựng thấp hoặc khu đô thị Vinhomes Cần Giờ (TP Hồ Chí Minh) được quy hoạch theo mô hình đô thị xanh, sinh thái và tái sinh với các trọng tâm quy hoạch hệ thống giao thông công cộng, giao thông xanh, sử dụng năng lượng tái tạo và xử lý nước tuần hoàn...

Hình 3.5: Khu đô thị lấn biển “xanh-thông minh- sinh thái-tái sinh” Vinhomes Cần Giờ.



c. Phát triển đô thị gắn với phát triển du lịch bền vững

Thị xã Cửa Lò (Nghệ An): là đô thị đầu tiên ở Việt Nam đã lập quy hoạch theo hướng trở thành đô thị du lịch, và đến tháng 12/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 2355 công nhận Cửa Lò là đô thị du lịch biển.

Tại Sầm Sơn (Thanh Hóa): Tỉnh ủy Thanh Hóa đã ban hành Nghị quyết 07 năm 2021 về xây dựng và phát triển TP. Sầm Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, xác định mục tiêu đến năm 2030 sẽ xây dựng và phát triển Sầm Sơn trở thành đô thị du lịch trọng điểm quốc gia, điểm đến lý tưởng của du khách trong nước và quốc tế. Đến năm 2045, Sầm Sơn sẽ là đô thị du lịch biển, vui chơi, giải trí độc đáo hàng đầu của cả nước.

Tại Phú Quốc: Ngày 01/01/2021 Phú Quốc chính thức trở thành thành phố đảo đầu tiên của Việt Nam. Phú Quốc là thành phố đảo đầu tiên của Việt Nam, nơi có

đầy đủ tiềm năng để phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn đặc biệt là du lịch biển góp phần đưa kinh tế thành phố đảo phát triển, mở rộng quan hệ giao lưu kinh tế văn hóa trong khu vực.

d. Phát triển đô thị thích ứng với Biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng thiên tai, ảnh hưởng đến sinh kế của người dân. Với Việt Nam, theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, “nhiệt độ trung bình ở nước ta đã tăng khoảng 0,4°C trong 20 năm gần đây so với giai đoạn 1981 - 1990; Việt Nam là một trong 5 quốc gia dễ bị tổn thương nhất trên thế giới trước các tác động của biến đổi khí hậu. Trong đó, các đô thị “là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương, là khu vực chịu ảnh hưởng lớn.

Ngày 25-03-202, Chính phủ đã phê duyệt Đề án "Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 – 2030" (438/QĐ-TTg, 2021) làm cơ sở cho việc triển khai xây dựng đô thị thích ứng với BĐKH tại Việt Nam. Mục tiêu: Giảm thiểu rủi ro, Nâng cao khả năng thích ứng, Phát triển bền vững cho đô thị Việt Nam. Giai đoạn I: 2021-2025: tập trung vào 5 tỉnh, thành phố lớn, trong đó có tới 04 tỉnh, TPTW ven biển như Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hải Phòng, Đà Nẵng ... ;giai đoạn II: 2026-2030: Thực hiện tại các đô thị ven biển, đồng bằng có nguy cơ ngập lụt và các đô thị có nguy cơ cao chịu tác động của lũ quét, sạt lở đất tại các vùng núi, duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên; giai đoạn sau năm 2030: Mở rộng phạm vi áp dụng trên toàn quốc.

Cho đến nay, việc phát triển đô thị thích ứng với BĐKH mới chỉ dừng ở giai đoạn nghiên cứu giải pháp và tích hợp thích ứng BĐKH trong nội dung quy hoạch đô thị hoặc triển khai đơn lẻ các dự án công trình hoặc phi công trình tại một số đô thị, thiếu một quy trình đồng bộ từ khâu lập quy hoạch đô thị cho đến xây dựng triển khai và quản lý vận hành. Việc triển khai các giải pháp thích ứng với BĐKH trong quy hoạch đô thị còn hình thức và chưa có tính bắt buộc thực hiện.

4.2. Rà soát hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn, tiêu chí về quy hoạch đô thị sinh thái, tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH.

Hiện nay trong hệ thống Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch, xây dựng và quản lý phát triển đô thị, chưa có quy chuẩn, tiêu chuẩn nào được phát triển dành riêng cho quy hoạch, phát triển đô thị sinh thái, tăng trưởng xanh, đô thị thông

minh, gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH. Nhưng có một số bộ tiêu chuẩn, tiêu chí dành cho phát triển tổng thể hệ thống đô thị nói chung và cũng góp phần phát triển đô thị ven biển theo hướng sinh thái, tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, đô thị thích ứng BĐKH, có thể kể đến là:

Nghị quyết 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Việc phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị với các nhóm tiêu chuẩn, chỉ tiêu nhằm xác định vai trò, thế mạnh riêng và tiềm năng phát triển của từng đô thị để có chiến lược quy hoạch, quản lý phù hợp, khai thác hiệu quả kinh tế biển (như cảng biển, thủy sản, du lịch) và ứng phó với các tác động môi trường, biến đổi khí hậu. Tại Việt Nam công tác phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị được chính thức được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 132-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 05/5/1990 về Phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị. Trải qua hơn 35 năm nghiên cứu, hoàn thiện, triển khai, đến nay việc quy định tiêu chí, thẩm quyền và thủ tục để phân loại các loại đô thị (từ đô thị đặc biệt đến đô thị loại V), bao gồm các yêu cầu về dân số, mật độ dân số, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp, và hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan đô thị được thực hiện theo Nghị quyết 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị. Việc xác định tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính được thực hiện theo Nghị quyết số: 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Trong nhiều văn bản của Đảng, nhà nước đã nhắc tới việc xây dựng và phát triển đô thị biển, Tuy nhiên khái niệm về đô thị đặc thù mới dừng lại ở việc quy định tiêu chí đối với đô thị ở miền núi, vùng cao, có đường biên giới quốc gia (loại III, IV, V) và đô thị ở hải đảo (Điều 9 Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH về Phân loại đô thị) chưa có định nghĩa, tiêu chí cho đô thị ven biển và nhiều đô thị chuyên ngành khác.

Thông tư số 01/2018/TT-BXD ngày 05/01/2018 của Bộ Xây dựng quy định về chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh đã được ban hành gồm với 25 chỉ tiêu phân thành 4 nhóm chính: kinh tế, môi trường, xã hội và thể chế, nhằm đánh giá thực trạng phát triển đô thị tăng trưởng xanh để từ đó đề xuất và thực hiện các chính sách, hoạt động xây dựng đô thị xanh. Các yếu tố của tăng trưởng xanh ven biển sẽ bao gồm các hành động địa phương trong ban hành chính sách, hoạt động

giảm thiểu tác động môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu như giảm phát thải, thích ứng nước biển dâng, bảo vệ tài nguyên, không gian xanh, công trình xanh, và hệ thống thu gom, xử lý chất thải hiệu quả, phù hợp với đặc thù của vùng ven biển.

Ngày 12/12/2024, Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Văn bản số 6862/BXD-PTĐT trong đó Hướng dẫn áp dụng Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững – Phiên bản 1.0 xác định 04 cấp độ trưởng thành đô thị thông minh trên đánh giá 17 nhóm tiêu chí với 60 tiêu chí cụ thể và được, dựa trên các trụ cột phát triển đô thị thông minh bao gồm: Quy hoạch đô thị thông minh; Xây dựng và quản lý đô thị thông minh; Cung cấp các tiện ích đô thị thông minh cho các tổ chức, cá nhân trong đô thị với Cơ sở nền tảng là Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị và hệ thống hạ tầng ICT trong đó bao gồm cơ sở dữ liệu không gian đô thị thông minh được kết nối liên thông và hệ thống tích hợp hai hệ thống trên.

Tuy nhiên các tiêu chí về đô thị sinh thái, thích ứng với BĐKH và phát triển du lịch bền vững hiện còn thiếu.

Mặt khác, các tiêu chí đã có chỉ tập trung cho đánh giá trên quy mô đô thị mà chưa có đáng giá trên quy mô một Khu đô thị. Trong khi trên thực tiễn, đã có nhiều khu đô thị mới do các chủ đầu tư bất động sản phát triển và tự gắn mác khu đô thị thông minh (Vinhomes smart city), khu đô thị sinh thái (ecopark), hay Siêu đô thị xanh-thông minh- sinh thái như Vinhomes Cần Giờ.

Do vậy, để có cơ sở đánh giá tổng thể đối với các đô thị và khu đô thị ven biển, bên cạnh việc xây dựng hoàn thiện các tiêu chí thành phần, cần thiết xây dựng bộ tiêu chí đánh giá tổng hợp đáp ứng các tiêu chí thông minh, xanh, sinh thái, tăng trưởng xanh gắn, phát triển du lịch bền vững và thích ứng BĐKH.

Đánh giá chung:

- Chưa có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn riêng về quy hoạch và phát triển đô thị, khu đô thị ven biển và đô thị đảo theo hướng sinh thái, tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH.

- Trong hệ thống VBQPPL chưa có sự thống nhất thuật ngữ (ven biển, vùng bờ, đô thị ven biển, đô thị đảo...), giữa các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phát triển không gian ven biển, vùng bờ còn có sự chồng chéo về phạm vi, mô hình quản lý.

- Bên cạnh đó việc chưa xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật riêng cho phát triển đô thị ven biển và đô thị đảo, dẫn đến khó khăn trong quản lý, đầu tư và bảo tồn hệ sinh thái. Thiếu cơ chế đặc thù cho phát triển bền vững, ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo vệ an ninh biển đảo.

CHƯƠNG II:

CƠ SỞ XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VEN BIỂN THEO MÔ HÌNH SINH THÁI, TĂNG TRƯỞNG XANH, THÔNG MINH GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Nội dung 5: Tổng kết kinh nghiệm quốc tế và trong nước về quy hoạch và phát triển các khu đô thị, đô thị ven biển sinh thái, tăng trưởng xanh, đô thị thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH

5.1. Đúc kết các kinh nghiệm quốc tế trong quy hoạch và xây dựng thể chế về quản lý phát triển các đô thị ven biển thông minh, bền vững

a. Quản lý tổng hợp biển và vùng ven biển

Mỹ là quốc gia rất sớm áp dụng quản lý tổng hợp biển và vùng ven biển. Luật Quản lý Vùng Ven biển (Coastal zone management Act) được Mỹ thông qua năm 1972 nhằm tăng cường sự tham gia và phối hợp của các bên liên quan trong việc đưa ra các chương trình liên quan đến vùng ven biển và cân bằng giữa các nhóm cạnh tranh về lợi ích ở vùng ven biển.

- Luật Quản lý khu vực ven biển (CZMA) ban hành năm 1972 quy định việc quản lý đa dạng các lĩnh vực và các hoạt động gắn với bờ biển và nhấn mạnh các đô thị trong cùng một vùng ảnh hưởng cần phải phối hợp để phát triển HTĐTVB.
- Chương trình quản lý khu vực ven biển của Hoa Kỳ (CZMP) được hình thành dưới CZMA, mục tiêu nhằm phối hợp quy hoạch và quản lý hợp nhất khu vực ven biển tại Hoa Kỳ đảm bảo cân bằng giữa phát triển kinh tế và môi trường. CZMP hướng tới cạnh tranh kinh tế, kết nối và giảm thiểu tác động của môi trường.

CZMA cho phép các tiểu bang xây dựng kế hoạch quản lý vùng ven biển, có thể điều chỉnh chương trình quản lý vùng ven biển phù hợp với bối cảnh và nhu cầu của bang.

Tại Hà Lan, các nguyên tắc về quản lý tổng hợp biển và vùng ven biển được thực hiện trong hai chính sách đó là chiến lược không gian quốc gia (năm 2005) và chính sách thứ ba về các vùng ven biển (năm 2000).

Theo đó, quản lý tổng hợp vùng ven biển tại Hà Lan dựa trên phương pháp tiếp cận ưu tiên. Vấn đề về an toàn lũ lụt và quản lý xói lở giữ vai trò quyết định và được chính phủ Hà Lan ưu tiên hàng đầu, phát triển kinh tế, bảo tồn thiên nhiên, quy hoạch không gian đóng vai trò thứ yếu. Có tất cả 16 điểm xung yếu được xác

định tại Hà Lan. Do ưu tiên về an toàn bờ biển, các biện pháp quản lý vùng ven biển khác cũng phải dựa trên cơ sở lồng ghép với các biện pháp an toàn bờ biển.

Hàn Quốc ban hành Luật Quản lý vùng bờ (1972) với nội dung chính là quản lý tổng hợp tài nguyên, quản lý môi trường biển tại khu vực vùng bờ (có khoảng cách 55 từ bờ ra biển 3 hải lý và cách mực nước triều cao nhất 500 m hoặc 1.000 m về phía đất liền), bao gồm quản lý các khu vực biển, xây dựng các công trình biển bảo vệ vùng bờ [50]. 03 trục ven biển cũng có chính sách phát triển riêng thuộc phạm vi của Quy hoạch quản lý tổng hợp vùng bờ có kỳ quy hoạch 10 năm.

Chính quyền Trung Quốc đã ban hành chiến lược một vành đai, một con đường (OBOR) tích hợp khối lượng vận tải lớn trên biển, các cảng nước sâu được mở rộng, các đầu mối hậu cần trên đất liền được xây dựng và các tuyến giao thông trục ven biển mới được tạo ra trong nội địa để tạo ra những khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ có giá trị toàn cầu. OBOR tiến tới thống nhất phát triển hạ tầng kênh đào, đê, cảng, đường bộ, đường sắt, đường hàng không... cho toàn bộ tuyến hành lang kinh tế biển trên tuyến giao thương Á - Âu. Chiến lược này được thực hiện sẽ tác động đến hơn 60% dân số thế giới và xấp xỉ 35% nền kinh tế toàn cầu. Thương mại dọc theo OBOR sẽ chiếm khoảng 40% tổng thương mại thế giới. Trong OBOR, Trung Quốc xây dựng mục tiêu phát triển cho HTĐTVB hướng tới tập trung phát triển các đô thị trung tâm và KKT đặc biệt ở ven biển. Chiến lược phát triển HTĐTVB cũng đưa ra một số mục tiêu cụ thể cho các ĐTVB nhằm khai thác lợi thế cạnh tranh ở cấp đô thị.

Tại Úc, bang New south wales đã ban hành Sổ tay hướng dẫn quy hoạch khu vực ven biển với mục tiêu là phục vụ hướng dẫn cách tiếp cận và nghiên cứu TKĐT cho các khu vực có giá trị độc đáo về cảnh quan, thiên nhiên, ĐT tại các vùng ven biển của bang NSW. Đây là một dạng “Sổ tay” rất tốt đưa ra các nguyên tắc về QH và TKĐT cho các khu vực ven biển trong đó có các ĐT và vùng lân cận đô thị.

b. Mô hình thành phố bọt biển thích ứng với BĐKH

Để giảm thiểu sự tác động của biến đổi khí hậu lên khu vực đô thị, việc quy hoạch đô thị được xem là một trong những biện pháp quan trọng. Quy hoạch đô thị thích ứng biến đổi khí hậu là việc tích hợp các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu vào quy hoạch đô thị nhằm giảm thiểu tác động, xây dựng đô thị xanh và bền vững. Điều này bao gồm việc quy hoạch hạ tầng xanh, sử dụng năng lượng tái tạo, phát triển giao thông công cộng, quản lý chất thải và nâng cao năng lực ứng phó với các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Mô hình "thành phố bọt biển" là một phương pháp quy hoạch đô thị, lấy cảm hứng từ thiên nhiên, để quản lý nước mưa hiệu quả bằng cách cho phép nước thấm, trữ và sử dụng thay vì thoát nhanh. Mô hình này hoạt động dựa trên ba nguyên tắc chính: giữ nước tại nguồn bằng hạ tầng xanh (như mái nhà xanh, vỉa hè thấm nước), làm chậm dòng chảy bằng các khu vực trữ nước (như công viên, hồ), và tái sử dụng nước để giảm thiểu ngập lụt, giải quyết vấn đề đảo nhiệt đô thị và cải thiện môi trường.

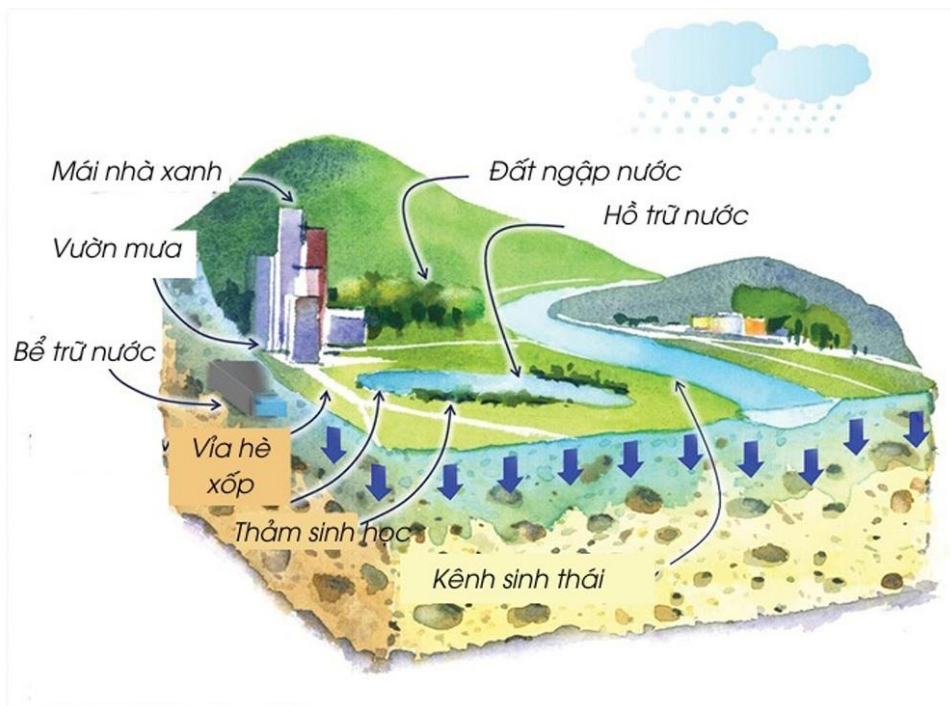
Mô hình thành phố Bọt biển đã được áp dụng tại nhiều đô thị trên thế giới như Berlin (Đức), San Salvador (El Salvador)... Đặc biệt là tại Trung Quốc, là nơi hứng chịu nhiều đợt mưa lũ nhất trên thế giới, do đó, giới chức nước này luôn đề tâm tìm giải pháp chống lại biến đổi khí hậu nhằm giảm những thiệt hại nặng nề mà thiên tai gây ra. Năm 2013, chính phủ quốc gia Trung Quốc đã phát động “Chương trình Thành phố Bọt biển” hướng tới giải quyết những thách thức trong quản lý nước đô thị. Theo đó chính phủ Trung Quốc sẽ xây mới, kết hợp cải tạo hệ thống sông, hồ, hệ thống tiêu thoát nước, xây dựng hệ thống cống thoát nước mưa cao cấp trong các đô thị giúp các đô thị hấp thụ một lượng lớn nước mưa thay vì đổ thẳng ra môi trường tự nhiên. Mục đích chính của chủ trương này là vào năm 2020 thì 80% các đô thị ở Trung Quốc sẽ tái sử dụng được ít nhất 70% lượng nước mưa.

Hiện nay, việc áp dụng mô hình thành phố bọt biển đã triển khai tại 30 đô thị, trong đó có các thành phố lớn quan trọng như: Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Hạ Môn... trong đó Vũ Hán – một “thành phố bọt biển” thí điểm – đã cho thấy rằng cơ sở hạ tầng xanh và xanh lam có thể được áp dụng một cách nhanh chóng và tiết kiệm chi phí, đóng góp nhiều vào nỗ lực củng cố khả năng phục hồi của các đô thị trước biến đổi khí hậu. Việc xây dựng toà nhà theo mô hình “thành phố bọt biển” của Vũ Hán rẻ hơn gần 600 triệu USD so với việc xây dựng hệ thống giúp tăng khả năng phục hồi của thành phố trước lũ lụt tại các đô thị xám và đem lại nhiều hiệu quả chống ngập úng đô thị quan trọng.

Ứng dụng tại Dự án “Thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long” (MCRP, 2019-2025) do Chính phủ Đức, Thụy Sĩ và Việt Nam đồng tài trợ, được thực hiện bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng và Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức GIZ cùng 13 tỉnh thành tại Đồng bằng sông Cửu Long. Mục tiêu của Dự án là hỗ trợ các cơ quan quản lý của Việt Nam tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên thích ứng với biến đổi khí hậu vùng bờ biển Đồng bằng sông Cửu Long, hướng tới phát triển bền vững khu vực.

Dự án đề xuất “Áp dụng mô hình thành phố bọt biển trong phát triển đô thị - mô hình thí điểm tại Đồng bằng sông Cửu Long” trong phát triển đô thị, với mục tiêu ứng phó hiệu quả với BĐKH tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Mô hình này không chỉ giúp cải thiện quản lý nước mưa mà còn góp phần giảm thiểu rủi ro ngập úng, bảo vệ hạ tầng đô thị và thúc đẩy phát triển bền vững. Dự án MCRP do Tổ chức GIZ hỗ trợ, tập trung vào việc cải thiện quản lý đất, nước và rừng ngập mặn ven biển, qua đó giúp các tỉnh Cà Mau và Kiên Giang xây dựng các dự án thích ứng với BĐKH.

Hình 5.1:
Minh họa về
mô hình thành
phố bọt biển



c. Mô hình đô thị ven biển có chức năng đặc thù

❖ *Mô hình đô thị cảng biển*

Mô hình đô thị cảng biển là mô hình truyền thống có lịch sử phát triển lâu đời tại quốc tế và Việt Nam, gắn với quá trình phát triển thương mại quốc tế. Nhiều đô thị cảng biển nổi tiếng trên thế giới như thành phố Rotterdam (Hà Lan), Marseille (Pháp), Thượng Hải, Thâm Quyển, Hồng Kông (Trung Quốc), Busan (Hàn Quốc)... Tại Việt Nam như cảng thành phố Đà Nẵng, đô thị cổ Hội An.

Trong bối cảnh hiện nay, việc phát triển mạnh hệ thống hạ tầng cảng biển tại nước ta hiện nay như cụm cảng biển: Cái Mép-Thị Vải, Lạch Huyện, Vũng Áng, Cần Giờ, Trần Đề, Bắc Vân Phong... đang tạo ra cơ hội phát triển hệ thống hạ tầng logistic và hạ tầng đô thị kèm theo, tạo tiền đề cho phát triển các đô thị ven biển mới.

❖ *Mô hình đô thị biển liền kề sân bay*

Trong bối cảnh Việt Nam chủ trương phát triển kinh tế biển bền vững và nâng cấp hạ tầng kết nối quốc tế, mô hình đô thị biển liền kề sân bay trở thành điểm rơi chính sách rất đáng chú ý. Nhiều địa bàn có cấu trúc tự nhiên - hạ tầng phù hợp như: Cam Ranh, Phú Quốc, Vân Đồn, Chu Lai... đang hội đủ điều kiện để hình thành các cụm đô thị "cửa ngõ quốc tế" mới, đặc biệt là Cam Ranh có đầy đủ điều kiện để tiên phong với một lợi thế lợi thế thiên nhiên độc nhất vô nhị, và hành lang Bãi Dài - Cam Lâm - Nha Trang - Vân Phong đang trên đà phát triển mạnh mẽ.

Đặc điểm chung của các đô thị này là một cấu trúc tích hợp ba lớp chức năng: sân bay quốc tế với dịch vụ hàng không – MICE – thương mại; cụm logistics biển - hàng không, đặc biệt là logistics và chuỗi e-commerce; cùng với dải đô thị ven biển phát triển du lịch, y tế, giáo dục quốc tế và bất động sản cao cấp.

Các hình mẫu trung tâm tài chính - kinh tế - văn hóa lớn trên thế giới được xây dựng theo mô hình này, có thể kể đến như Incheon (Hàn Quốc), DXB và DWC (Dubai), Changi (Singapore), Sân bay quốc tế Trịnh Châu Tân Trịnh (Hà Nam, Trung Quốc).

d. Tiêu chí về đô thị sinh thái, thông minh, thích ứng với BĐKH, phát triển du lịch bền vững

❖ *Tiêu chí đô thị sinh thái:*

Các tiêu chí xem xét đánh giá đô thị sinh thái, theo IES (International Ecocity Standard), bao gồm các nhóm:

- *Cơ cấu đô thị:* về sử dụng đất và kiến trúc đô thị;
- *Giao thông đô thị:* với thứ tự ưu tiên: giao thông đi bộ, xe đạp, thang vận (elevators, escalators), giao thông công cộng bằng xe điện hoặc tàu điện ngầm, giao thông công cộng bằng xe bus, rồi mới đến xe ô tô con;
- *Năng lượng:* sử dụng năng lượng có thể tái tạo như gió, mặt trời..., hạn chế sử dụng tài nguyên không tái tạo được, dùng các giải pháp bảo tồn năng lượng;
- *Xã hội:* đáp ứng tốt nhất các yêu cầu về kiến trúc và thiết kế chỗ ở và sinh hoạt cho người dân, đảm bảo về giáo dục và việc làm...;
- *Nông nghiệp:* Dựa trên hình thái nông nghiệp đô thị, sản xuất hữu cơ và giảm phát thải.
- *Quy hoạch các khu vực đặc thù và các công cụ quản lý*
- *Chính sách và thể chế quản lý:* Hỗ trợ cho quy hoạch đô thị sinh thái

- *Kinh tế*: Là một nền kinh tế tập trung sức lao động thay vì tập trung sử dụng nguyên liệu, năng lượng và nước, nhằm duy trì việc làm thường xuyên và giảm thiểu sử dụng tài nguyên.

❖ *Tiêu chí đô thị thông minh*

Định nghĩa đô thị thông minh: Đô thị thông minh là đô thị sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông một cách hiệu quả để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, hiệu quả hoạt động của chính quyền và doanh nghiệp, đồng thời giảm thiểu tác động đến môi trường.

Có nhiều tổ chức uy tín trên thế giới đã đưa ra các tiêu chí đô thị thông minh, trong đó theo tiêu chí của tổ chức Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), một đô thị được coi là thông minh khi đáp ứng được các yêu tố sau:

- *Khả năng kết nối và chia sẻ dữ liệu*: Các thiết bị, hệ thống trong đô thị được kết nối với nhau và với hệ thống trung tâm thông qua mạng lưới Internet, tạo nên một hệ sinh thái thông tin thống nhất.

- *Tính tự động hóa*: Các thiết bị, hệ thống trong đô thị được lập trình để thực hiện các nhiệm vụ một cách tự động, giúp nâng cao hiệu quả vận hành và tiết kiệm chi phí.

- *Tính thông minh*: Các thiết bị, hệ thống trong đô thị có thể thu thập và phân tích dữ liệu để đưa ra các quyết định thông minh, giúp cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân.

❖ *Tiêu chí phát triển du lịch bền vững*

Khái niệm Phát triển bền vững du lịch (PTBV DL) không tách rời khái niệm PTBV. Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, sự phát triển của DL phụ thuộc rất nhiều vào tài nguyên và môi trường, sự phát triển DL và sự PTBV chung của xã hội có sự tác động biện chứng lẫn nhau.

Vì trên thực tế, PTDLBV và PTBV đều có liên quan đến môi trường, môi trường về tự nhiên, kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội,... PTBV DL là một xu thế phát triển tất yếu.

Khái niệm “du lịch bền vững” (Sustainable Tourism) xuất hiện năm 1996, được nhiều quốc gia và hiệp hội du lịch lớn trên thế giới ủng hộ. “*Du lịch bền vững là việc di chuyển và tham quan đến các vùng tự nhiên một cách có trách nhiệm với môi trường để tận hưởng và đánh giá cao tự nhiên, các đặc điểm văn hóa kèm theo (có thể là cả trong quá khứ và hiện tại) theo cách khuyến cáo về bảo tồn, có tác*

động thấp từ du khách và mang lại những lợi ích cho sự tham gia chủ động về kinh tế - xã hội của cộng đồng địa phương.” (World Conservation Union, 1996).

Khái niệm về PTDLBV ở Việt Nam đã được đưa ra trong Luật Du lịch Việt Nam 2014: *“PTDLBV là sự phát triển du lịch đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế - xã hội và môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai.”*

Nhiều công trình nghiên cứu đã đưa ra các bộ chỉ số bền vững trong phát triển du lịch, một trong số đó phải kể đến Bộ tiêu chuẩn du lịch bền vững toàn cầu do Hội đồng du lịch toàn cầu (GSTC) xây dựng, đưa ra ngày 21/12/2016 như sau:

BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG	A. Chứng minh việc quản lý bền vững hiệu quả
	B. Tối đa hóa các lợi ích kinh tế xã hội cho cộng đồng địa phương và tối thiểu hóa các tác động có hại
	C. Tối đa lợi ích cho di sản văn hóa và tối thiểu tác động có hại
	D. Tối đa lợi ích cho môi trường và tối thiểu tác động có hại

A. Chứng minh việc quản lý bền vững, hiệu quả, gồm:

(1) Thực hiện một hệ thống quản lý bền vững, lâu dài, phù hợp với quy mô và thực lực, quan tâm giải quyết các vấn đề về môi trường, kinh tế - xã hội, văn hóa, chất lượng, sức khỏe và an toàn;

(2) Tuân thủ pháp luật và các quy định quốc gia, quốc tế;

(3) Nhân viên được đào tạo định kỳ về vai trò trong quản lý áp dụng về môi trường, kinh tế - xã hội, văn hóa, sức khỏe và an toàn;

(4) Đánh giá sự hài lòng của khách hàng để có sự điều chỉnh phù hợp;

(5) Quảng cáo sản phẩm du lịch đúng sự thật, cam kết bền vững và không hứa hẹn những điều không có;

(6) Thiết kế, xây dựng, cải tạo và vận hành cơ sở hạ tầng đảm bảo tuân thủ pháp luật, quy hoạch, tôn trọng di sản, sử dụng vật liệu địa phương;

(7) Sở hữu hợp pháp đất đai và tài sản theo các quy định pháp luật của địa phương;

(8) Cung cấp thông tin, diễn giải về thiên nhiên, di sản, văn hóa cũng như hướng dẫn cách ứng xử phù hợp cho du khách khi tham quan tại điểm đến du lịch.

B. Tối đa hóa các lợi ích kinh tế xã hội cho cộng đồng địa phương và tối thiểu hóa các tác động có hại, gồm:

(1) Tích cực ủng hộ các sáng kiến phát triển cơ sở hạ tầng xã hội và hỗ trợ phát triển cộng đồng;

(2) Cộng đồng địa phương được ưu tiên tuyển dụng và đào tạo; ưu tiên sử dụng hàng hóa và dịch vụ sản xuất tại địa phương, trừ khi sản phẩm không phù hợp;

(3) Tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất nhỏ của địa phương phát triển và bán các sản phẩm bền vững dựa trên những đặc thù về thiên nhiên, lịch sử văn hóa của khu vực;

(4) Có quy tắc xử sự phù hợp với các hoạt động của cộng đồng bản địa;

(5) Chống bất kỳ hành vi khai thác và áp bức nào về thương mại và tình dục, đặc biệt đối với trẻ em, phụ nữ và người thiểu số;

(6) Đối xử công bằng trong tuyển dụng các lao động phụ nữ và người dân tộc thiểu số, không được sử dụng lao động trẻ em;

(7) Tuân thủ các quy định của pháp luật quốc gia và quốc tế về quyền của người lao động;

(8) Các hoạt động du lịch không được gây nguy hiểm cho nguồn dự trữ cơ bản hay hệ thống vệ sinh của cộng đồng;

(9) Các hoạt động du lịch không gây ảnh hưởng đến sinh kế của người dân địa phương.

C. Tối đa lợi ích cho di sản văn hóa và tối thiểu tác động có hại, gồm:

(1) Tuân thủ các hướng dẫn và quy tắc ứng xử khi tham quan các điểm văn hóa hay lịch sử nhạy cảm;

(2) Các đồ tạo tác lịch sử hoặc giả cổ không được phép mua bán, kinh doanh hay trưng bày, trừ khi được phép;

(3) Đóng góp cho công tác bảo tồn di tích, tài sản giá trị lịch sử, văn hóa, khảo cổ, có ý nghĩa tinh thần, tuyệt đối không cản trở việc tiếp cận của cư dân địa phương;

(4) Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của cộng đồng địa phương khi sử dụng các yếu tố về nghệ thuật, kiến trúc hoặc di sản văn hóa địa phương trong hoạt động kinh doanh, thiết kế, trang trí, ẩm thực.

D. Tối đa lợi ích cho môi trường và tối thiểu tác động có hại, gồm:

- (1) Bảo tồn các nguồn tài nguyên;
- (2) Giảm ô nhiễm môi trường;
- (3) Bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên.

❖ *Tiêu chí thích ứng với BĐKH của đô thị*

Khái niệm: Khả năng thích ứng là “sự điều chỉnh của hệ thống tự nhiên hoặc con người đối với hoàn cảnh hoặc môi trường thay đổi nhằm làm giảm khả năng bị tổn thương do dao động và biến đổi của khí hậu hiện hữu hoặc tiềm tàng và tận dụng các cơ hội do nó mang lại”.

Theo Remy Sietchiping khả năng thích ứng của thành phố được tính toán bằng phương pháp chỉ số thông qua xác định bộ chỉ số khả năng thích ứng. Bộ chỉ số bao gồm 3 yếu tố là văn hóa - xã hội, kinh tế, thể chế - cơ sở hạ tầng. Yếu tố văn hóa - xã hội được phản ánh thông qua chỉ số tuổi, hiện trạng gia đình, giáo dục và nhận thức, vốn xã hội, phúc lợi xã hội. Yếu tố kinh tế phản ánh thông qua chỉ số thu nhập gia đình, giàu có hộ gia đình, việc làm, thực hành và quản lý.

5.2. Tổng kết kinh nghiệm phát triển các đô thị, khu đô thị ven biển sinh thái, tăng trưởng xanh, đô thị thông minh gắn với du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH tại Việt Nam

a. Xây dựng đô thị thông minh tại thành phố Hồ Chí Minh

Là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - công nghệ; đầu mối giao lưu khu vực và quốc tế lớn của cả nước, trong những năm qua, Thành phố Hồ Chí Minh luôn giữ vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của khu vực Nam Bộ và cả nước. Đặc biệt qua 40 năm xây dựng, phát triển và hội nhập quốc tế, Thành phố đã đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện, tạo sự chuyển biến căn bản trong đời sống xã hội, góp phần quan trọng vào thành tựu chung của cả nước. Kết cấu hạ tầng đô thị được tập trung đầu tư, trong đó nhiều công trình giao thông, cấp nước, thoát nước trọng điểm được đưa vào khai thác, sử dụng làm tăng khả năng kết nối vùng.

Hiện tại, Thành phố đang tạo ra những tiền đề để xây dựng đô thị thông minh, như không gian đô thị ngày càng được mở rộng; hạ tầng đô thị phát triển nhanh, đặc biệt là trong lĩnh vực giao thông; môi trường đô thị được cải thiện đáng kể; công tác quản lý đô thị từng bước đi vào nền nếp và ngày càng hiệu quả nhờ ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ thông tin.

Việc triển khai xây dựng TP. Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh là chủ trương lớn của lãnh đạo thành phố, có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển của thành phố trong giai đoạn 2016 - 2020 và sau năm 2020. Ngày 23/11/2017, UBND thành phố đã phê duyệt Đề án “*Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến 2025*”. Đề án tập trung vào 4 trụ cột cơ bản, gồm: xây dựng kho dữ liệu dùng chung và hệ sinh thái dữ liệu mở; thiết lập trung tâm điều hành đô thị thông minh; triển khai trung tâm mô phỏng dự báo kinh tế – xã hội và Trung tâm an toàn thông tin thành phố.

Đề án giúp thành phố giải quyết những thách thức của quá trình đô thị hóa và hỗ trợ cho việc thực hiện các chương trình đột phá, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, khuyến khích nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, gia tăng giá trị trong chuỗi cung ứng nhằm nâng cao năng suất chất lượng và năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp; hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo xuất phát điểm vô cùng thuận lợi cho việc triển khai các chương trình đột phá cho các giai đoạn tiếp theo.

Triển khai xây dựng đô thị thông minh, thành phố đã triển khai đồng loạt nhiều chương trình ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, như: chương trình “Chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh”; chương trình “Nghiên cứu và phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 – 2030”; “Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm Công nghệ thông tin – Truyền thông giai đoạn 2020 – 2030”; Đề án “Phát triển hạ tầng viễn thông và kế hoạch phát triển hạ tầng số Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 – 2030”

Năm 2023, Thành phố Hồ Chí Minh xếp thứ 2 cả nước chỉ số chuyển đổi số và xếp thứ nhất về chỉ số thể chế và chỉ số hạ tầng và cũng là địa phương đầu tiên xây dựng mô hình trung tâm chuyển đổi số. (Nguồn: <https://vov.vn/cong-nghe/chuyen-doi-so/tpcm-day-nhanh-tien-trinh-hinh-thanh-do-thi-thong-minh-post1126707.vov>).

b. Xây dựng đô thị thông minh, sinh thái tại TP. Huế

Trong phát triển đô thị thông minh, thành phố Huế đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số hóa hiện đại để xây dựng chính quyền số và hạ tầng dữ liệu cốt lõi; Phát triển ứng dụng và dịch vụ thông minh phục vụ người dân. Trong phát triển đô thị xanh, Huế đã có nhiều chương trình, giải pháp công trình và phi công trình về bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu, phát triển đô thị bền vững. Thành phố Huế không ngừng ứng dụng KHCN, CDS để nâng cao chất lượng sống và sự hài lòng của người dân, cải cách hành chính và phát triển kinh tế số, thúc đẩy kinh tế tri thức và ĐMST...

Song hành với phát triển thông minh là mục tiêu xây dựng một đô thị xanh và có khả năng thích ứng cao. Thành phố Huế còn là đô thị có mật độ cây xanh cao nhất Việt Nam, được vinh danh là "Thành phố xanh quốc gia". Tuy nhiên, các không gian xanh và mặt nước đang đối mặt với nguy cơ bị thu hẹp và ô nhiễm do quá trình đô thị hóa thiếu kiểm soát. Các làng ven đô, vốn là vành đai sinh thái và là nơi lưu giữ bản sắc kiến trúc nhà vườn, đang bị bê tông hóa, phá vỡ cấu trúc truyền thống. Thêm vào đó, Huế là vùng trũng, thường xuyên chịu ảnh hưởng nặng nề của lũ lụt, đòi hỏi các giải pháp quy hoạch và kiến trúc thích ứng một cách cấp bách.

Để hiện thực hóa tầm nhìn về một đô thị Huế xanh, thông minh và bền vững, việc phát triển kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn là chìa khóa then chốt: phát triển các ngành kinh tế dựa trên lợi thế di sản và tài nguyên thiên nhiên như du lịch xanh, nông nghiệp hữu cơ và công nghiệp văn hóa...

c. Xây dựng đô thị thông minh, sinh thái tại TP. Đà Nẵng

Ngày 24/1/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 43-NQ/TW về xây dựng và phát triển TP. Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó xác định công nghiệp công nghệ cao là 1 trong 3 trụ cột chính được quan tâm tập trung phát triển, với mục tiêu đến năm 2030 sẽ đóng góp 10% tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố, tầm nhìn đến năm 2045, “Đà Nẵng trở thành đô thị lớn, sinh thái và thông minh, là trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thành phố biển đáng sống đạt đẳng cấp khu vực châu Á”.

Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố đã xác định 1 trong 3 nhiệm vụ trọng tâm, đột phá là: “Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là phát triển mạnh công nghiệp công nghệ cao và công nghệ thông tin, gắn với xây dựng đô thị khởi nghiệp sáng tạo, thành phố thông minh, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển các ngành lĩnh vực mới, nhất là kinh tế số, xã hội số và chính quyền số”.

Đà Nẵng là một trong những thành phố tiên phong trong xây dựng đô thị thông minh. Ngày 29-12-2018 UBND thành phố ban hành Quyết định số 6439/QĐ-UBND phê duyệt đề án xây dựng Thành phố thông minh giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030 với mục tiêu đến năm 2030 trở thành đô thị sinh thái, hiện đại và là trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo quốc gia. Thành phố tập trung vào phát triển hạ tầng số, hệ thống dữ liệu dùng chung và nền tảng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Các dự án đã và đang triển khai bao gồm nâng cấp trung tâm giám sát điều hành (IOC), xây dựng hệ thống dữ liệu hạ tầng đô thị đồng

bộ, và thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông minh trong các lĩnh vực y tế, giáo dục và dịch vụ công để nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Trải qua 5 năm triển khai đề án, đến năm 2024 thành phố đạt được nhiều kết quả đồng đều trên 6 trụ cột và 16 lĩnh vực ưu tiên. Thành phố có 28 dự án ưu tiên thuộc đề án Thành phố thông minh hoàn thành, đưa vào sử dụng với tổng kinh phí thực hiện 220,6 tỷ đồng; 4 dự án đã phê duyệt hồ sơ thiết kế thi công với tổng kinh phí 82,5 tỷ đồng và dự kiến đưa vào sử dụng năm 2024-2025. (Nguồn: <https://baodanang.vn/da-nang-tien-phong-xay-dung-thanh-pho-thong-minh-3186470.html>).

d. Xây dựng đô thị thông minh, sinh thái tại tỉnh Khánh Hòa

Năm 2025, UBND tỉnh Khánh Hòa đã phê duyệt Chương trình phát triển đô thị TP. Nha Trang đến năm 2040. Đây là cơ sở quan trọng để địa phương đẩy mạnh đầu tư hạ tầng, từng bước hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn còn thiếu, hướng tới xây dựng đô thị Nha Trang hiện đại, thông minh.

Chương trình phát triển đô thị TP. Nha Trang nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển hệ thống đô thị theo Nghị quyết số 09 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chương trình bám sát các đề án quy hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo sự phát triển đô thị gắn với tăng trưởng kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo tồn giá trị lịch sử - văn hóa và bảo vệ môi trường. Mục tiêu xuyên suốt là nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân thông qua việc tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan đồng bộ, hiện đại.

Theo Chương trình phát triển đô thị TP. Nha Trang, đến năm 2025, thành phố phấn đấu hoàn thiện một số tiêu chí chưa đạt theo chuẩn đô thị loại I; các xã ngoại thành sẽ hướng tới đạt các tiêu chuẩn phát triển hạ tầng để đủ điều kiện thành lập phường. Giai đoạn 2026 - 2030, thành phố đặt mục tiêu hoàn thiện 100% tiêu chí đô thị loại I, chính thức chuyển các xã đủ điều kiện lên phường nội thành. Đến năm 2040, Nha Trang tiếp tục nâng cao tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại I - là thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, phát huy vị thế là thành phố du lịch biển mang tầm quốc gia và quốc tế, hỗ trợ phát triển dịch vụ hậu cần hàng hải, thương mại - dịch vụ, tài chính, hướng đến trở thành trung tâm kinh tế - tài chính khu vực Đông Nam Á. Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho chương trình và các đề án liên quan đến năm 2030 ước tính hơn 193.737 tỷ đồng, chủ yếu từ nguồn vốn đầu tư toàn xã hội.

e. Phát triển du lịch biển bền vững tại đặc khu Phú Quốc (An Giang)

Phú Quốc là thành phố đảo đầu tiên của Việt Nam, nơi có đầy đủ tiềm năng để phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn đặc biệt là du lịch biển góp phần đưa kinh tế thành phố đảo phát triển, mở rộng quan hệ giao lưu kinh tế văn hóa với các tỉnh thành trong khu vực.

Phát triển đô thị du lịch biển bền vững du lịch tại thành phố đảo Phú Quốc sẽ góp phần ổn định kinh tế – xã hội và môi trường, góp phần phát triển kinh tế địa phương, tạo sự bình đẳng xã hội, phân chia lợi ích công bằng, tạo sự bình đẳng xã hội; nâng cao ý thức, trách nhiệm của mọi tầng lớp xã hội về văn hóa, truyền thống dân tộc, bảo vệ tài nguyên tự nhiên và môi trường sinh thái. Để thực hiện mục tiêu này, Phú Quốc cần ưu tiên thực hiện hoàn thiện khung pháp lý; chính sách đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phát triển du lịch; tăng cường công tác xúc tiến quảng bá du lịch; đa dạng hóa, tạo điểm nhấn đặc sắc văn hóa cho các sản phẩm thủ công, mỹ nghệ; xây dựng các chính sách phát triển ngành kinh tế chủ lực một cách hợp lý đem lại hiệu quả kinh tế cao đồng thời phải đảm bảo giữ gìn được tài nguyên và môi trường cho phát triển lâu dài.

Bên cạnh đó, Phú Quốc đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng giao thông để đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị thông minh, hiện đại, trong đó, đặc biệt chú trọng đến ba hạng mục là sân bay, cảng biển và hệ thống giao thông. Theo đó, Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc sẽ mở rộng lên 1.073 ha, kéo dài đường cất hạ cánh hiện hữu lên 3,5km, xây dựng mới đường cất hạ cánh số 2 dài 3,3km, xây dựng mới nhà ga T2 là nhà ga quốc tế với công suất lên đến 20 triệu khách và nhà ga VIP, sân đỗ có sức chứa lên đến 70 chỗ...Ngoài đường hàng không, cảng biển quốc tế An Thới sẽ được nâng cấp quy mô 100 ha, có thể đón những tàu du lịch lớn nhất thế giới như Icon of the Seas, với khả năng chở từ 7.000 đến 10.000 khách.

Một hạng mục được quan tâm khác là cải thiện hệ thống giao thông nội đảo. Phú Quốc được kỳ vọng sẽ có thêm nhiều tuyến đường cao tốc kết nối giữa các khu vực quan trọng như Dương Đông, An Thới, Bãi Trường, Gành Dầu và Hàm Ninh. Việc phát triển các tuyến đường vành đai, đường cao tốc ven biển và đường nội đô giúp tăng cường kết nối giữa các khu du lịch, trung tâm tài chính và khu dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho cả người dân và du khách. (Nguồn: <https://congnghiepmoitruong.vn/phu-quoc-huong-den-do-thi-thong-minh-xanh-ben-vung-14847.html>).

CHƯƠNG III:

ĐỀ XUẤT CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN MỘT SỐ ĐÔ THỊ, KHU ĐÔ THỊ VEN BIỂN THEO MÔ HÌNH SINH THÁI, TĂNG TRƯỞNG XANH, THÔNG MINH GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Nội dung 6: Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển và hải đảo

6.1. Đề xuất các căn cứ, quan điểm, mục tiêu phát triển mạng lưới đô thị ven biển và hải đảo

a. Căn cứ chính trị

Sau gần 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 (Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/2/2007), trong đó nhấn mạnh “Thế kỷ XXI được thế giới xem là thế kỷ của đại dương”, và xác định Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, phát triển kinh tế biển bền vững, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh, phát huy nguồn lực nội tại lẫn hợp tác quốc tế, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, Việt Nam ngày càng nhận thức rõ vai trò chiến lược của khu vực ven biển và cơ hội phát triển nhảy vọt nhờ khai thác yếu tố địa chính trị ven biển, từ đó, Đảng ta đã ban hành nhiều định hướng, chiến lược, cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển đô thị ven biển, trong số đó có 03 Nghị quyết đóng vai trò quan trọng trong phát triển đô thị ven biển, khu đô thị ven biển, đô thị đảo là:

- Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, được ban hành tại Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Nghị quyết này đặt mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, chú trọng phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững, xanh và thông minh. Mục tiêu của Nghị quyết là giúp Việt Nam phát triển kinh tế biển hiệu quả và bền vững, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, bảo vệ vững chắc các quyền và lợi ích của nước ta trên Biển; đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, hướng ra biển và dựa vào biển. Nghị quyết số 36-NQ/TW đã xác định “*Phát triển đồng bộ, từng bước hình thành khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị sinh thái ven biển*” là một nhiệm vụ quan trọng trong những chủ trương lớn; “*Phát triển kết cấu hạ tầng đa mục tiêu, đồng bộ, mạng lưới giao thông kết nối các trung tâm kinh tế lớn của đất nước, các khu công nghiệp, khu đô thị, các vùng biển với các cảng biển dựa trên*

hệ sinh thái kinh tế và tự nhiên, kết nối chiến lược Bắc – Nam, Đông – Tây giữa vùng trong nước và với quốc tế” là một trong các khâu đột phá; Nghị quyết này đồng thời giao nhiệm vụ cho Chính phủ hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách, pháp luật để triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, đồng thời chỉ đạo rà soát, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế chính sách thực hiện tốt hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng cho các đô thị ven biển.

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Bộ Chính trị. Sau hơn 35 năm đổi mới, Đảng đã đưa ra các nhận định, đánh giá về những kết quả đã đạt được cũng như vai trò phát triển đô thị trong phát triển kinh tế, từ đó ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW. Đây là văn bản quan trọng định hướng cho quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với mục tiêu tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng sống đô thị, xây dựng hệ thống đô thị thông minh, xanh, hiện đại, có khả năng chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghị quyết nhấn mạnh việc nâng cao chất lượng quy hoạch, phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, cải thiện quản lý đô thị và chính quyền đô thị, phát triển kinh tế khu vực đô thị, cùng với tăng cường hợp tác quốc tế. Trong số các nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu xác định: “...*phát triển chuỗi các đô thị biển, đô thị hải đảo gắn với Chiến lược kinh tế biển và đảm bảo quốc phòng, an ninh; quy hoạch các khu đô thị ven biển trên các địa bàn có nền móng vững chắc và cao độ ổn định, thuận tiện giao thông và cung cấp nước ngọt trong tương lai; kiểm soát và giám sát chặt chẽ việc lấn biển để phát triển đô thị; . Đầu tư nâng cao khả năng chống chịu thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu của các đô thị ven biển, đồng bằng sông Cửu Long và các vùng sinh thái dễ bị tổn thương*”.

- Kết luận Số 224-KL/TW ngày ngày 08 tháng 12 năm 2025 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/1/2022 về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28/6/2024 về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được thông qua tại của Quốc hội khóa XV có nội dung tập trung vào việc bố trí không gian cho các hoạt động trên đất liền ven biển, vùng biển và các hoạt động kinh tế, bảo vệ môi trường, khoa học công nghệ biển để phát triển bền vững. Nghị quyết nhấn mạnh

việc “ưu tiên sử dụng không gian cho các hoạt động kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường trong khu vực đất liền ven biển, bao gồm cả đô thị ven biển”. Xác định mục tiêu phát triển kinh tế đến năm 2030, các tỉnh, thành phố có biển phấn đấu đạt GDP cao hơn, thu nhập bình quân đầu người cũng tăng, trong đó có sự đóng góp của phát triển đô thị ven biển.

Nghị quyết số 26/NQCP ngày 05/3/2020 về Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 05 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, trong đó đã xác định rõ nội dung và nhiệm vụ tổng thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 liên quan đến định hướng phát triển hệ thống đô thị biển, ven biển và đảo, hải đảo: “*Triển khai thực hiện quy hoạch các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu đô thị ven biển đã được cấp thẩm quyền phê duyệt đảm bảo theo định hướng bền vững, dựa vào hệ sinh thái, thích ứng thông minh với BĐKH, nước biển dâng, đáp ứng các quy định của pháp luật về BVMT; Đầu tư hệ thống đô thị thông minh thích ứng biến đổi khí hậu, nước biển dâng tại các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương có biển*”. Kế hoạch đến năm 2025: “*Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng các cảng biển, bến neo đậu, cầu cảng tại các vũng, vịnh, đô thị ven biển kết nối với các đảo, đặc biệt là hạ tầng cầu cảng tại một số đảo như Bạch Long Vĩ, Côn Cỏ, Trường Sa, Thổ Chu, ... để tăng cường khả năng tiếp cận điểm đến từ biển*”; và “*Ưu tiên bố trí nguồn lực nhằm để xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhằm đảm bảo kết nối, phát triển hệ thống đô thị ven biển, đảo và quần đảo, các đảo có người sinh sống*”.

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị;

- Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; không phải là nghị quyết trực tiếp về phát triển đô thị, nhưng phát triển đô thị biển và dịch vụ du lịch biển bền vững lại là một trong những ưu tiên hàng đầu được nêu tại chiến lược này.

b. Căn cứ pháp lý

❖ *Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch và quản lý phát triển đô thị ven biển và đặc khu*

Có nhiều văn bản Luật liên quan đến quy hoạch và phát triển đô thị ven biển và đặc khu, đô thị du lịch trong đó nổi bật là các Luật:

- Luật Quy hoạch 2017: khung tổng thể cho công tác lập quy hoạch quốc gia, vùng, tỉnh, trong đó quy hoạch đô thị phải phù hợp; Quy định về khung nội dung Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn, Quy hoạch các vùng KT-XH, Quy hoạch tỉnh và TPTW, Quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Luật tổ chức chính quyền địa phương Luật số 72/2025/QH15: Quy định về cơ cấu tổ chức của các tỉnh, TPTW, đặc khu.

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn (số 47/2024/QH15) được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV, có hiệu lực từ 01/7/2025. Luật này quy định về hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn, bao gồm các quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, rà soát, điều chỉnh và quản lý quy hoạch, cũng như quản lý nhà nước về quy hoạch. Luật này quy định: (1) Hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các loại quy hoạch và cấp độ quy hoạch khác nhau; (2) Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn, cùng với các quy định liên quan đến việc lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch và nguồn kinh phí cho công tác này; (3) Quản lý nhà nước về quy hoạch trong đó xác định vai trò, trách nhiệm của Bộ Xây dựng và các cơ quan chính quyền địa phương các cấp.

- Luật Xây dựng 2014 (sửa đổi 2020, 2025): quy định hoạt động đầu tư xây dựng, bao gồm phát triển khu đô thị, hạ tầng.

- Luật Đất đai 2013 (sửa đổi 2024, có hiệu lực 2025): quy định sử dụng đất cho phát triển đô thị, kể cả đất ven biển và đảo.- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015 - cơ sở pháp lý quản lý không gian biển, ven biển, đảo.

- Luật Bảo vệ môi trường 2020: quy định đánh giá tác động môi trường trong quy hoạch và phát triển đô thị.

- Luật Nhà ở 2014 (sửa đổi 2023): có liên quan khi phát triển các dự án nhà ở trong khu đô thị ven biển/đảo.

- Luật Du lịch 2017: quan trọng với các đô thị ven biển, đảo định hướng du lịch bền vững.

- Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ Về phát triển đô thị thông minh: Khung pháp lý quan trọng, đầu tiên cho công tác quản lý phát triển đô thị thông minh trên toàn quốc.

- Nghị định số 35/2026/NĐ-CP, ngày 22/1/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

❖ *Hệ thống các quy hoạch, chương trình, đề án liên quan*

Ở cấp trung ương, một số quy hoạch có tính hệ thống tổng thể cũng góp phần phát triển đô thị, khu đô thị ven biển và đô thị đảo, đô thị du lịch trong đó nổi bật là các Quy hoạch:

- *Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050* được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 xác định việc hình thành mạng lưới đô thị thông minh, hiện đại, có khả năng chống chịu biến đổi khí hậu, thích ứng với nước biển dâng và tập trung phát triển các đô thị ven biển. “Phát triển hệ thống đô thị và nông thôn dựa trên đặc điểm lãnh thổ tự nhiên, có tính đến các yếu tố đặc thù như khu vực ven biển. Mục tiêu là đến năm 2050, Việt Nam có ít nhất 5 đô thị đạt tầm cỡ quốc tế, giữ vai trò đầu mối kết nối khu vực và quốc tế”; “Xác định rõ định hướng, kế hoạch phát triển đô thị ven biển, khu đô thị sinh thái ven biển gắn với các trung tâm, kinh tế biển mạnh; Tập trung xây dựng các vùng đô thị, hành lang đô thị, dải đô thị ven biển. Phát triển chuỗi các đô thị biển, đô thị hải đảo gắn với thực hiện Chiến lược kinh tế biển và đảm bảo quốc phòng an ninh. Hình thành mạng lưới đô thị ven biển, nhất là các đô thị trung tâm quốc gia, trung tâm vùng và trung tâm tỉnh (tỉnh lỵ), huyện lỵ ven biển, thúc đẩy các ngành kinh tế biển, nhất là các ngành du lịch, dịch vụ biển; kinh tế hàng hải; khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. Hình thành các chức năng trong đô thị nhằm đẩy mạnh nghiên cứu lĩnh vực hải dương học, nghiên cứu ở các vùng biển sâu khi có điều kiện. Kết nối mạng lưới thành chuỗi đô thị biển bằng hành lang giao thông đường bộ ven biển, cảng, kết cấu hạ tầng phát triển các hoạt động kinh tế biển”.

- *Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050* được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 07/10/2024 nhằm phát triển vùng bờ thành trung tâm kinh tế - văn hóa, tạo động lực cho phát triển kinh tế biển và các vùng khác, đồng thời đảm bảo quốc phòng, an ninh và môi trường. Quy hoạch này đề ra mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn. “Phát triển đô thị ven biển thành trung tâm phát triển kinh tế - văn hóa sôi động, cửa ngõ kết nối đất liền với biển, đồng thời

phát triển du lịch biển, bảo tồn di sản văn hóa và nâng cao sinh kế cho cộng đồng dân cư ven biển”.

- *Quy hoạch vùng KT-XH ven biển:* Trong giai đoạn 2008-2021, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt các quy hoạch vùng KT-XH, vùng ven biển bao gồm:

(1) Quyết định số 865/QĐ-TTg ngày 10/7/2008 về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng Vùng Duyên hải Bắc Bộ đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050. Có 5 tỉnh, thành phố ven biển nằm trong Quy hoạch này gồm Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình;

(2) Quyết định số 61/2008/QĐ-TTg ngày 09/5/2008 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH dải ven biển miền Trung đến năm 2020;

(3) Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 12/8/2008 phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Duyên hải Nam Trung bộ đến năm 2025; gồm các tỉnh ven biển: Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận;

(4) Quyết định số 1447/QĐ-TTg ngày 16/9/2009 phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Nam Thanh Bắc Nghệ đến năm 2025 và tầm nhìn sau năm 2025;

(5) Quyết định số 18/2009/QĐ-TTg ngày 03/02/2009 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH vùng biển và ven biển Việt Nam thuộc Vịnh Thái Lan thời kỳ đến năm 2020;

(6) Quyết định số 1581/QĐ-TTg ngày 09/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050;

(7) Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 02/6/2014 phê duyệt đồ án Quy hoạch xây 93 dựng vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình đến năm 2030;

(8) Quyết định số 2076/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 về Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng thành phố Hồ Chí Minh (gồm thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh ven biển Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang).

- *Quy hoạch tỉnh, thành phố trung ương ven biển:*

Trong giai đoạn 2009-2021, triển khai Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị, 28 tỉnh, TPTW đã lập quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung các đô thị từ loại IV trở lên; trên cơ sở đó đã lập và phê duyệt các quy hoạch chi tiết (gọi tắt QHCT) 1/2000 (hay quy hoạch phân khu) và QHCT 1/500 (một số nơi áp dụng 1/1000) để triển khai đầu tư xây dựng.

- Các quy hoạch phát triển theo cực tăng trưởng, vùng kinh tế trọng điểm Với chức năng và nhiệm vụ quản lý kinh tế vĩ mô có liên quan đến ĐTVB, trong những năm vừa qua Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt một số quy hoạch:

+ Quyết định số 34/2009/QĐ-TTg ngày 02/3/2009 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ đến năm 2020.

+ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 12/8/2008 phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng KTTĐ miền Trung đến năm 2025 gồm các tỉnh Thừa Thiên Huế; Quảng Nam; Quảng Ngãi; Bình Định và thành phố Đà Nẵng.

- *Quy hoạch các khu kinh tế ven biển:*

+ Quyết định số 1353/QĐ-TTg ngày 23/9/2008 về việc phê duyệt Đề án quy hoạch phát triển các KKT ven biển của Việt Nam đến năm 2020, theo đó định hướng hình thành 15 KKT ven biển. Sau quá trình triển khai, đến nay 18 KKT ven biển đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch chung xây dựng.

- *Các chương trình, đề án, chỉ thị của Chính phủ*

Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 7/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “*Chương trình Phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020*” đã đặt ra quan điểm PTĐT trên cơ sở phân công trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các đô thị trong vùng KTTĐ, vùng đô thị lớn nhằm phát huy cơ hội và khắc phục thách thức trong việc sử dụng các nguồn lực cho đầu tư phát triển, tạo sức lan tỏa. Tuy nhiên do thiếu nguồn lực thực hiện nên các dự án hạ tầng vùng vẫn còn dang dở.

Năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “*Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021-2030*” (Quyết định 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021) nhằm PTĐT bền vững, giảm nhẹ rủi ro thiên tai đối với đô thị, trong đó cũng đánh giá các thách thức do BĐKH mang lại cho HTĐT Việt Nam nói chung và các ĐTVB nói riêng, xác định các ĐTVB có nguy cơ ngập cao do tác động của lũ, lụt, sạt lở đất, nước dâng, xâm thực mặn.

Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Phát triển đô thị thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030*” có quan điểm phát triển là sử dụng các phương tiện hỗ trợ công nghệ thông tin truyền thông (ICT) và các phương tiện khác góp phần thúc đẩy, nâng cao sức cạnh tranh, đổi mới, sáng tạo, minh bạch, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các đô thị, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, năng lượng và các nguồn lực phát triển, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường sống đô thị, kích thích tăng trưởng và phát triển KT-XH.

Một số chỉ thị của Thủ tướng được ban hành có tính cấp thiết và đáp ứng yêu cầu tăng cường quản lý lĩnh vực tại một thời điểm cũng góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong quy hoạch, phát triển đô thị và sử dụng đất đai tại khu vực ven biển. Có thể kể đến như:

- Chỉ thị số 20/2015/CT-TTg ban hành ngày 27/7/2015 về việc tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý đất đai đối với các dự án ven biển tại Việt Nam. Chỉ thị này yêu cầu các địa phương, bộ, ngành tập trung vào việc nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai và tài nguyên ven biển, đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Chỉ thị 05/2019/CT-TTg ban hành ngày 01/03/2019, về việc tăng cường chấn chỉnh công tác quy hoạch xây dựng và quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch đã duyệt, đặc biệt chú trọng đến các khu vực ven biển. Mục tiêu của chỉ thị là nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị, đổi mới phương pháp quy hoạch, phân cấp mạnh mẽ, và hoàn thiện khung pháp lý về đô thị tăng trưởng xanh để đảm bảo phát triển đô thị bền vững và theo hướng khoa học, hội nhập.

- Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 24/11/2021 về đổi mới và tăng cường thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó nổi bật là nhiệm vụ “Xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các đô thị biển, khu đô thị sinh thái ven biển gắn với hình thành các trung tâm kinh tế biển mạnh; thực hiện tốt hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật cho các đô thị ven biển, hải đảo”; và “Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện tốt Đề án xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với Biến đổi khí hậu”.

c. Kịch bản biến đổi khí hậu-nước biển dâng và khả năng thích ứng của đô thị ven biển

❖ *Kịch bản biến đổi khí hậu*

Kịch bản BĐKH và NBD là cơ sở khoa học quan trọng để định hướng công tác quy hoạch và quản lý lãnh thổ đối với các khu vực ven biển.

1) Nhiệt độ trung bình: Nhiệt độ không khí trung bình năm ở tất cả các vùng của Việt Nam đều có xu thế tăng so với thời kỳ cơ sở (1986-2005); mức tăng phụ thuộc vào các kịch bản RCP và vùng khí hậu.

Theo kịch bản RCP4.5: Nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc vào giữa thế kỷ có mức tăng $1,2 \div 1,7^{\circ}\text{C}$; đến cuối thế kỷ, có mức tăng $1,6 \div 2,4^{\circ}\text{C}$. Nhìn chung, nhiệt độ phía Bắc tăng cao hơn phía Nam.

Theo kịch bản RCP8.5: Nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc vào giữa thế kỷ có mức tăng $1,7 \div 2,3^{\circ}\text{C}$; đến cuối thế kỷ, có mức tăng $3,2 \div 4,2^{\circ}\text{C}$.

2) Nhiệt độ cực trị: Nhiệt độ cực trị có xu thế tăng ở tất cả các vùng khí hậu. Đến cuối thế kỷ, theo kịch bản RCP4.5, nhiệt độ tối cao trung bình năm tăng phổ biến từ $1,7 \div 2,6^{\circ}\text{C}$, trong đó, mức tăng phổ biến phía Bắc từ $2,0 \div 2,6^{\circ}\text{C}$, phía Nam từ $1,7 \div 2,9^{\circ}\text{C}$. Nhiệt độ tối thấp trung bình năm tăng $1,7 \div 2,1^{\circ}\text{C}$. Theo kịch bản RCP8.5, nhiệt độ tối cao trung bình năm tăng $3,2 \div 4,7^{\circ}\text{C}$, cao nhất là ở các tỉnh miền núi phía Bắc, với mức tăng phổ biến $4,0 \div 4,7^{\circ}\text{C}$. Nhiệt độ tối thấp trung bình tăng phổ biến $3,3 \div 4,1^{\circ}\text{C}$. Nhiệt độ tối thấp trung bình năm tăng nhanh hơn nhiệt độ tối cao.

3) Lượng mưa năm: Lượng mưa năm có xu thế tăng ở tất cả các vùng khí hậu. Lượng mưa mùa mưa, mùa khô có xu thế tăng trên đa phần diện tích cả nước. Mưa cực trị có xu thế tăng.

Theo kịch bản RCP4.5: Lượng mưa năm có xu thế tăng trên phạm vi cả nước, với mức tăng phổ biến $10 \div 15\%$ vào giữa thế kỷ và $10 \div 20\%$ vào cuối thế kỷ.

Theo kịch bản RCP8.5: vào giữa thế kỷ 21, lượng mưa năm có xu thế tăng phổ biến từ $10 \div 15\%$ trên hầu hết cả nước; ở các trạm đảo, ven biển Đông Bắc lượng mưa có thể tăng từ $20 \div 30\%$. Đến cuối thế kỷ, lượng mưa năm có xu thế tăng phổ biến từ $10 \div 25\%$, đáng lưu ý là một phần diện tích thuộc Đông Bắc lượng mưa có thể tăng trên 40% .

4) Lượng mưa cực trị: Theo kịch bản RCP4.5, đến cuối thế kỷ, lượng mưa lớn nhất 1 ngày tăng phổ biến $20 \div 30\%$, lên đến $30 \div 40\%$ ở đa phần diện tích của Bắc Bộ.

Theo kịch bản RCP8.5, đến cuối thế kỷ, lượng mưa lớn nhất 1 ngày tăng phổ biến $25 \div 40\%$, ở đa phần diện tích Bắc Bộ có thể tăng lên đến $40 \div 50\%$.

5) Gió mùa và một số hiện tượng khí hậu cực đoan: Biến đổi khí hậu có khả năng làm thay đổi tần suất, cường độ, quy luật hoạt động của các hiện tượng khí hậu cực đoan. Một số kết quả dự tính có thể được tóm tắt như sau:

– Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới có xu thế ít biến đổi nhưng có phân bố tập trung hơn vào cuối mùa bão, đây cũng là thời kỳ bão hoạt động chủ yếu ở phía Nam. Bão mạnh đến rất mạnh có xu thế gia tăng.

– Gió mùa mùa hè (GMMH): Theo kịch bản RCP4.5 đến cuối thế kỷ 21, thời điểm bắt đầu có xu thế biến đổi không nhiều, thời điểm kết thúc GMMH có xu thế muộn hơn, độ dài mùa GMMH ở Việt Nam có xu thế gia tăng và cường độ mạnh hơn so với thời kỳ cơ sở. Tương tự, theo kịch bản RCP8.5, đến cuối thế kỷ 21, thời điểm bắt đầu GMMH ở Việt Nam có xu thế ít biến đổi, thời điểm kết thúc có xu thế muộn hơn, độ dài mùa GMMH ở Việt Nam có sự gia tăng và cường độ có xu thế mạnh hơn so với thời kỳ cơ sở.

– Số ngày rét đậm, rét hại ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ đều giảm.

– Số ngày nắng nóng (số ngày nhiệt độ cao nhất $T_x \geq 35^{\circ}\text{C}$) và nắng nóng gay gắt (số ngày nhiệt độ cao nhất $T_x \geq 37^{\circ}\text{C}$) có xu thế tăng trên phần lớn cả nước, lớn nhất là ở Bắc Trung Bộ, Đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ.

– Hạn hán: Theo kịch bản RCP4.5, đến cuối thế kỷ 21, số tháng hạn tăng trên đa phần diện tích của Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và một phần diện tích Đồng bằng Bắc Bộ và Nam Trung Bộ và có xu thế giảm trên đa phần diện tích Bắc Bộ và Trung Trung Bộ. Theo kịch bản RCP8.5, số tháng hạn tăng trên đa phần diện tích cả nước và có xu thế giảm ở một phần diện tích khu vực Tây Bắc, Trung Bộ và cực Nam của Nam Bộ.

Khu vực có mực NBD thấp nhất là khu vực Vịnh Bắc Bộ và Bắc Biển Đông. Nếu xét riêng dải ven biển Việt Nam, khu vực ven biển từ Đà Nẵng đến Kiên Giang có mực nước biển dâng cao hơn so với khu vực phía Bắc. Kết quả này phù hợp với xu thế biến đổi mực nước biển tính theo số liệu thực đo tại các trạm trong quá khứ.

Bảng 6.1. Kịch bản nước biển dâng trung bình toàn khu vực Biển Đông

Nguồn: Kịch bản BĐKH của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Kịch bản RCP	Các mốc thời gian của thế kỷ 21							
	2030	2040	2050	2060	2070	2080	2090	2100
RCP 2.6	14 (8 ÷ 19)	20 (11 ÷ 26)	25 (14 ÷ 33)	30 (17 ÷ 41)	34 (20 ÷ 48)	38 (23 ÷ 55)	42 (25 ÷ 62)	46 (28 ÷ 70)
RCP 4.5	12 (8 ÷ 18)	18 (11 ÷ 25)	23 (14 ÷ 33)	29 (18 ÷ 42)	35 (22 ÷ 51)	42 (26 ÷ 61)	48 (30 ÷ 71)	55 (34 ÷ 81)
RCP 8.5	14 (10 ÷ 19)	20 (14 ÷ 27)	28 (20 ÷ 37)	34 (23 ÷ 47)	43 (28 ÷ 59)	52 (35 ÷ 72)	64 (42 ÷ 88)	77 (51 ÷ 106)

❖ *Thách thức của BĐKH và Nước biển dâng trong giai đoạn tới*

Theo đánh giá của các nhà khoa học, trong giai đoạn tới, BĐKH ngày càng đặt ra các thách thức nghiêm trọng đối với cuộc sống của con người và hệ sinh thái trên toàn hành tinh. Biến đổi khí hậu đang làm thay đổi toàn diện và sâu sắc quá trình phát triển và an ninh toàn cầu, tác động nghiêm trọng đến môi trường và các hệ sinh thái, đến đời sống và sản xuất của con người.

Trong đó lượng Co₂ trong khí quyển tăng cao gây ô nhiễm không khí và lượng nước ngọt dần trở nên ít đi, môi trường sinh thái bị hạn chế và đó là lý do gây mất đa dạng sinh học, các sinh vật động vật đang đến bờ vực nguy cơ bị tuyệt chủng.

Biến đổi khí hậu cũng là nguyên nhân khiến dịch bệnh tăng cao. Do nhiệt độ trung bình của trái đất hiện ngày càng nóng lên làm cho mùa đông ngắn hơn. Cũng chính từ những tác động gián tiếp của BĐKH lại làm điều kiện cho nguy cơ bùng phát các dịch bệnh, các bệnh chủ yếu là truyền nhiễm dịch hay liên quan đến đường hô hấp đặc biệt là ảnh hưởng không nhỏ đến đại dịch bệnh COVID-19 hiện nay gây ra nhiều mối đe dọa trầm trọng hơn đối với cuộc sống con người.

Biến đổi khí hậu cũng làm nguồn tài nguyên nước, rừng bị ảnh hưởng nặng nề. Cụ thể nhất là thảm họa cháy rừng amazon năm 2019, cháy rừng do thiếu nước, các đợt hạn hán kéo dài, nhiệt độ đột ngột tăng cao, tỷ lệ thuận với nhiệt độ nóng lên chính là sự thiếu hụt của tài nguyên nước, lượng nước phục vụ sinh hoạt hay tự nhiên cũng bị cạn theo. Không những thế còn làm băng tan khiến mực nước biển dâng cao gây ra những thiên tai như lũ lụt, sóng thần hay nắng nóng kéo dài.

Những tổn thất kinh tế do tác động của BĐKH cộng với các chi phí khắc phục thiệt hại làm giảm mức tăng trưởng kinh tế của nhiều quốc gia và trên phạm vi toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của Liên Hợp Quốc công bố mới đây nhận định, đến năm 2030 nền kinh tế toàn cầu có thể mất hơn 2.000 tỷ USD do BĐKH và tình trạng nóng dần lên của trái đất. Số liệu của Tổ chức phi chính phủ Oxfam (Anh) cho thấy, các nền kinh tế đang phát triển có thể bị thiệt hại tới 1.700 tỷ USD/năm vào năm 2050 [19].

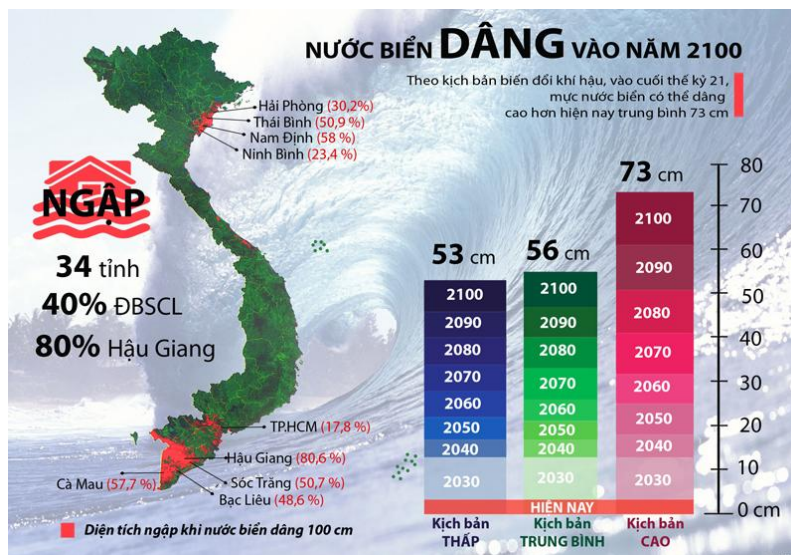
Đối với các đô thị ven biển, bên cạnh các thách thức chung, vấn đề nước biển dâng là mối lo ngại lớn nhất ảnh hưởng đến sự tồn vong của các đô thị trong các thập kỷ tới. Theo Kịch bản BĐKH và NBD, Đến cuối thế kỷ 21:

- Mực nước biển trung bình của Việt Nam có thể dâng khoảng 57-73 cm, cao hơn so với mức trung bình toàn cầu;

- Trong trường hợp nước biển dâng 1 mét, một số khu vực sẽ có nguy cơ bị ngập cao: Đồng bằng sông Cửu Long (khoảng 39,40%), TP.HCM (17,84%), Đồng bằng sông Hồng (khoảng 17,57%).

Khu vực có khả năng ngập tập trung chủ yếu tại các dải ven biển cũng là nơi tập trung của các đô thị và hệ thống hạ tầng kinh tế biển. Vấn đề này đặt ra bài toán nan giải để lựa chọn giải pháp ứng phó tại chỗ hay rút lui. Nếu lựa chọn giải pháp ứng phó tại chỗ, nguồn lực đầu tư sẽ rất lớn, nếu chấp nhận rút lui sẽ là chấp nhận sự biến mất của nhiều đô thị ven biển hiện hữu như: Hà Tiên, Rạch Giá...

Hình 6.2: Kịch bản Nước biển dâng tại Việt Nam



Nước biển dâng cản trở trực tiếp lũ thoát ra biển làm cho mực nước trên các sông chính nâng cao gây ngập trên diện rộng hơn và nguy hiểm còn ở chỗ nó làm kéo dài thời gian ngập. Lũ sớm trong tương lai sẽ cao hơn và thời gian thoát lũ về cuối vụ cho toàn đồng bằng sẽ dài hơn ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch canh tác vụ Đông-Xuân trên diện rộng.

ĐBSCL sẽ chịu tác động rất lớn của hiện tượng nước biển dâng. Nhiều khu vực có thể tiêu thoát nước mưa tự nhiên hiện nay sẽ có nguy cơ ngập úng nếu không có được bơm tiêu ra sông chính. Khu vực ven Biển Tây sẽ chịu úng ngập thời gian dài vì biên độ triều nhỏ, mực nước chân triều (giúp cho tiêu thoát ra biển) vốn hiện nay chỉ vào khoảng -0,50 m, khi nước biển dâng thêm 50 cm sẽ có nhiều diện tích đất không thể tự thoát nước.

Nhìn chung nước biển dâng sẽ tác động mạnh và làm giảm khả năng thoát lũ ra biển, gây úng ngập nghiêm trọng ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống sản xuất nông nghiệp vùng ĐBNB trong tương lai. Những đô thị lớn như Tp HCM, Cần Thơ, Long Xuyên... sẽ bị úng ngập trầm trọng do mưa kết hợp với triều cường, nhiều cơ sở hạ tầng như hệ thống giao thông, tiêu nước, thủy lợi sẽ không còn phù hợp.

❖ Khả năng thích ứng của các đô thị ven biển

Hiện nay, tại phần lớn các đô thị ven biển có các công trình kỹ thuật chưa hoàn chỉnh, hệ thống tiêu thoát nước còn hẹp và bị xuống cấp không đảm bảo thoát nước mùa mưa bão. Công tác quản lý đô thị phát triển đô thị nhất là trong lĩnh vực xây

dựng còn yếu, nhận thức của người dân đô thị về tác động của thiên tai và BĐKH đến phát triển KT-XH và cuộc sống sinh hoạt của cư dân còn hạn chế,... Những tồn tại này càng làm trầm trọng hơn tác động của thiên tai và BĐKH mang lại.

Khả năng chống chịu của các đô thị Việt Nam được Digregorio và các cộng sự (2018) cho thấy, chỉ số chống chịu của một số đô thị nằm ở các tỉnh thành ven biển bao gồm TP Thái Bình, TP Nam Định, TP Uông Bí, TP Sầm Sơn, TP Hà Tĩnh, TP Vũng Tàu, TP Sóc Trăng, TP Bạc Liêu, TP Rạch Giá và TX Gò Công nhìn chung chỉ nằm ở mức dưới trung bình về mức độ hạn chế tối thiểu tính dễ bị tổn thương của người dân, đa dạng sinh kế và cơ hội việc làm, giảm thiểu các rủi ro thiên tai, cung cấp hiệu quả các dịch vụ trọng yếu... [17].

Điều này chỉ ra rằng, thách thức lớn nhất đối với các đô thị ven biển Việt Nam là khả năng chống chịu và giảm thiểu tác động của thiên tai và BĐKH, cụ thể là: việc tăng cường năng lực thích ứng và giảm thiểu tính phơi nhiễm của người dân ven biển trong các đời sống sinh hoạt và sản xuất; tăng cường khả năng chống chịu và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và BĐKH đến các ngành kinh tế trọng yếu như nông nghiệp, công nghiệp và du lịch; đảm bảo an ninh lương thực và an ninh việc làm cho người dân ven biển; tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống dịch vụ công thiết yếu như giáo dục và y tế cũng như của hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông và năng lượng,...

6.2: Đề xuất định hướng phát triển mạng lưới đô thị ven biển sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH tại Việt Nam.

a. Quan điểm

- Tuân thủ và triển khai các chủ trương, định hướng của Đảng và Chính phủ về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, phát triển bền vững hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

- Khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, cơ hội để thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững hệ thống đô thị ven biển, đô thị đảo nước ta làm cơ sở cho phát triển bền vững kinh tế biển.

- Phù hợp với xu thế chung của thế giới trong tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững.

- Lấy người dân là chủ thể tham gia và thụ hưởng các thành tựu của phát triển đô thị, phát triển kinh tế biển.

b. Mục tiêu

- Mục tiêu chung:

Xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình thực hiện nhằm phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Mục tiêu cụ thể

❖ *Đến năm 2030:*

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách, hướng dẫn về quy hoạch, xây dựng và quản lý phát triển đô thị ven biển nhằm hỗ trợ công tác đầu tư phát triển các đô thị ven biển, đô thị đặc khu, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với BĐKH.

- Thúc đẩy hình thành từ 03 đến 05 đô thị, đặc khu, khu đô thị ven biển đáp ứng tiêu chí đô thị hiện đại theo các mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

❖ *Đến năm 2045:*

- 100% các quy hoạch chung đô thị ven biển được lồng ghép các định hướng phát triển đô thị sinh thái, thông minh, gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ven biển áp dụng mô hình phát triển đô thị ven biển phù hợp theo tiêu chí của Đề án.

c. Quan điểm phát triển:

Phát triển hệ thống đô thị ven biển cần dựa trên các đặc điểm lãnh thổ tự nhiên trên đất liền, biển, hải đảo; đặc điểm lịch sử, văn hóa, định cư và hiện trạng phân bố dân cư nhằm nâng cao chất lượng phát triển đô thị về kinh tế, xã hội, kết cấu hạ tầng, nhà ở và môi trường sống của người dân.

Phát triển đô thị ven biển đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Lựa chọn các đô thị có lợi thế đặc biệt để xây dựng thành trung tâm kinh tế biển, tài chính, thương mại tự do, dịch vụ... có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế. Ưu

tiên phát triển các đô thị gắn với các cảng biển quốc tế, hành lang kinh tế thành các đô thị trung tâm phù hợp với chức năng của từng vùng, thúc đẩy lan tỏa phát triển.

Phát triển thành phố Thành phố ven biển trực thuộc trung ương như: Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh phải trở thành các đô thị năng động, sáng tạo, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị, có vai trò quan trọng trong mạng lưới đô thị ven biển của khu vực Đông Nam Á và châu Á.

d. Định hướng giải pháp:

Phát triển hệ thống đô thị ven biển bền vững: phân bố hợp lý, đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng; dựa trên định hướng khung hạ tầng giao thông quốc gia, liên kết ngành lĩnh vực, đẩy nhanh tốc độ phát triển đô thị tạo động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Phát triển đô thị vừa và nhỏ trong mối quan hệ chặt chẽ, chia sẻ chức năng với các đô thị lớn, giảm dần khoảng cách phát triển giữa các đô thị. Phát triển các mô hình đô thị đặc thù như đô thị đặc khu, đô thị biển chuyên ngành là trung tâm quốc gia hoặc cấp vùng về văn hoá, di sản, du lịch, đại học, sáng tạo, khoa học.

Phát triển đô thị ven biển có chức năng tổng hợp theo hướng đô thị xanh, thông minh, tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; kết hợp phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Hình thành mạng lưới đô thị thông minh kết nối với khu vực và thế giới. Phát triển hệ thống đô thị ven biển và hải đảo theo hướng bền vững, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên. Chú trọng phát triển đô thị trên cơ sở bảo tồn, phát huy các yếu tố di tích lịch sử, di sản văn hóa. Phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa quốc gia bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch biển đảo.

Liên kết hệ thống đô thị ven biển dựa trên hệ thống giao thông đường bộ cao tốc, đường ven biển, đường sắt cao tốc quốc gia, để trở thành mạng lưới đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền, có khả năng chống chịu, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, kiến trúc tiêu biểu giàu bản sắc, xanh, hiện đại, thông minh;

Nâng cao vị thế, vai trò của đô thị ven biển Việt Nam, xứng đáng trong mạng lưới đô thị châu Á - Thái Bình Dương, có tính cạnh tranh cao trong phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, khu vực và quốc tế. Đến năm 2045, xây dựng được ít nhất 05 đô thị ven biển đạt tầm cỡ quốc tế, giữ vai trò là đầu mối kết nối và phát triển với mạng lưới khu vực. Cơ cấu kinh tế khu vực đô thị phát triển theo hướng hiện đại với các ngành kinh tế biển, kinh tế xanh, kinh tế số chiếm tỷ trọng lớn.

Phát triển không gian các đô thị lớn ven biển gắn với quy hoạch hệ thống giao thông công cộng (TOD), chú trọng khai thác không gian ngầm, phát triển các đô thị vệ tinh giảm tải cho đô thị trung tâm.

Có giải pháp khai thác và quản lý hiệu quả không gian xây dựng ven mặt biển, hướng tới tiêu chí phát triển bền vững, cân bằng hòa hòa lợi ích công cộng và tư nhân, cân bằng giữa phát triển và bảo tồn, chú trọng đến lợi ích phát triển tổng thể của cả đô thị.

6.3. Đề xuất các giải pháp phát huy các tiềm năng, lợi thế để thúc đẩy, tạo đột phá trong phát triển kinh tế đô thị biển, giải quyết các vấn đề tồn tại và phát sinh trong quản lý phát triển đô thị biển, phát triển cân bằng, hài hòa và bền vững hệ thống đô thị ven biển.

❖ *Xây dựng cơ chế đặc thù cho phát triển đô thị ven biển và đô thị đặc khu:*

Trung ương và Quốc hội đã ban hành một số nghị quyết riêng cho các đô thị ven biển như Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Huế... để cho phép áp dụng các cơ chế đặc thù trong phát triển.

Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển TP. Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã nhấn mạnh việc xây dựng chuỗi đô thị từ Lăng Cô (Thừa Thiên Huế). Hiện nay, nhiều địa phương trong vùng đang tập trung nguồn lực để kết nối, mở rộng, xây mới trục giao thông ven biển song song Quốc lộ 1, mở rộng không gian kinh tế, phát triển đô thị, góp phần đảm bảo an ninh - quốc phòng.

Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Quy hoạch phát triển không gian ngầm, không gian xanh, không gian sông nước, không gian văn hoá, đặc biệt là khu vực trung tâm Thành phố, các khu đô thị mới, xung quanh các nhà ga Metro theo mô hình phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng (TOD)... Đầu tư hoàn thiện hệ thống cấp nước, thoát nước, chống ngập, xử lý chất thải; quản lý nghiêm việc khai thác, sử dụng nước ngầm; củng cố hệ thống đê ven biển, cống ngăn triều, công trình thủy lợi ven sông phục vụ kiểm soát lũ, giải quyết cơ bản tình trạng ngập nước, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước và bảo đảm an ninh nguồn nước; bảo vệ hệ sinh thái rừng ngập mặn, Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ.

Nghị quyết quốc hội số Nghị quyết số: 38/2021/QH15 về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thừa thiên-Huế: Cho phép Tỉnh có một số

cơ chế tài chính đặc thù để phục vụ công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản như: phát hành trái phiếu, bổ sung nguồn ngân sách TW, được TW cấp lại nguồn thu từ phí tham quan di tích của địa phương và thành lập Quỹ bảo tồn di sản Huế.

Các Nghị quyết này đã mở ra cơ hội phát triển cho các TPTW ven biển, với vai trò là các đầu tàu phát triển cho cả hệ thống.

Đối với các đô thị đảo, Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Luật số 72/2025/QH15), sửa đổi năm 2025 đã cho ra đời 13 đặc khu, là các đảo, cụm đảo lớn ven bờ, như một loại hình đơn vị hành chính cấp xã mới của nước ta. Đây là một đột phá quan trọng về mặt thể chế, nhằm tạo ra các cơ chế chính sách đặc thù thúc đẩy phát triển các đô thị đảo, như một khu vực lãnh thổ đặc biệt về kinh tế-xã hội-an ninh quốc phòng. Tuy nhiên, để cụ thể hóa cơ chế này và đi vào thực tiễn triển khai cần tiếp tục ban hành các luật và hướng dẫn thực hiện, đặc biệt là các cơ chế cho phép phát triển nhanh hệ thống các đô thị tại các đặc khu với các ưu đãi về đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kết nối, tiêu chí công nhận đô thị...

❖ *Phát triển cụm kinh tế biển mạnh làm điểm tựa cho phát triển đô thị:*

Triển khai quy hoạch phát triển các cụm kinh tế biển mạnh theo định hướng của Nghị quyết 36 NQ/TW là cơ sở để tạo ra nền tảng phát triển đô thị ven biển gắn với các cụm kinh tế biển.

Về phương hướng phát triển các cụm liên kết ngành kinh tế biển với các thành phần chủ yếu gồm doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài, các tổ chức, cơ sở cung ứng dịch vụ, hạ tầng chuyên dụng kinh tế biển, các tổ chức hiệp hội doanh nghiệp, thương mại, hội ngành nghề liên quan và tham gia của các cấp, ngành nhất là của các địa phương ven biển. Phát triển trên cơ sở nhu cầu hoạt động, hợp tác của doanh nghiệp, tổ chức, cơ sở kinh tế và yêu cầu phát triển bền vững không phụ thuộc vào ranh giới hành chính. Liên kết ngành, doanh nghiệp, cơ sở hoạt động ở ven biển và trên biển đảo gắn với kết nối với mạng lưới cơ sở liên quan ở trong nội địa, kết nối liên kết giữa các cụm liên kết ngành và với quốc tế.

Phát triển cụm liên kết ngành với các ngành ưu tiên theo Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, có lợi thế phát triển tại vùng biển và ven biển. Chú trọng các ngành sản phẩm, dịch vụ kinh tế biển có chuỗi giá trị gia tăng lớn, ứng dụng công nghệ cao; đóng góp vào tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường sinh thái biển; ngành nghề kinh tế biển góp phần củng cố tăng cường quốc phòng, an ninh vùng biển đảo.

Phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển ở những khu vực trọng điểm, có lợi thế gắn với xây dựng thành trung tâm kinh tế biển mạnh đa ngành của quốc gia có sức cạnh tranh hội nhập quốc tế cao và từng bước mở rộng ra toàn vùng. Chú trọng phát triển, liên kết ngành gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển lưỡng dụng kết hợp kinh tế với quốc phòng tại những khu vực trọng điểm về quốc phòng an ninh biển đảo của đất nước. Tập trung tạo dựng, hình thành các khu vực thu hút phát triển mạnh các doanh nghiệp, cơ sở hoạt động kinh tế biển có liên quan với nhau cùng nhau hoạt động và liên kết hợp tác sản xuất kinh doanh tạo thành những trung tâm kinh tế biển của quốc gia về ngành, đa ngành kinh tế biển gắn với các khu cảng biển quốc tế, khu kinh tế, thành phố lớn ven biển, vùng du lịch, vùng khai thác sản xuất lớn ở ven biển, trên biển. Khuyến khích thu hút các doanh nghiệp lớn, dự án đầu tư có quy mô lớn, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến ở những khu vực trọng điểm tạo hạt nhân, động lực phát triển và lan tỏa mở rộng cụm liên kết ngành kinh tế biển.

❖ *Quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng BĐKH*

Việc phát triển đô thị ven biển phải song hành với công tác quản lý rủi ro thiên tai là yêu cầu quan trọng của quá trình phát triển bền vững.

Để thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, Bộ Tài nguyên Môi trường (nay là bộ Nông nghiệp Môi trường) đã ban hành Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2017 quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển; trong đó có các khu vực được xem xét, đánh giá về yêu cầu bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển phải dựa trên các yếu tố: Mật độ dân số tại vùng đất ven biển; Thực trạng các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên của người dân (du lịch, nuôi trồng, đánh bắt hải sản và các hoạt động khác của người dân) diễn ra tại vùng bờ biển...

Tuy nhiên, cần bổ sung các chính sách để đầu tư phát triển các hệ thống cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH, như các hệ thống cảnh báo sớm sóng thần, lũ lụt, sạt lở, các hệ thống rừng phòng hộ ven biển, công trình đê điều thủy lợi...

6.4. Đề xuất tích hợp các vấn đề về phát triển đô thị sinh thái, tăng trưởng xanh, đô thị thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH trong nội dung quy hoạch đô thị, khu đô thị ven biển

❖ *Đổi mới phương pháp quy hoạch đô thị theo hướng tích hợp đa ngành*

Đề tích hợp được nhiều yêu cầu phát triển theo nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau, quy hoạch đô thị nói chung và quy hoạch ĐTVB nói riêng cần được lập theo

hướng đa ngành và hợp nhất. Tất cả các lĩnh vực về phát triển kinh tế - xã hội (của cả 3 khu vực kinh tế: nông, lâm, ngư nghiệp; thương mại, dịch vụ; công nghiệp và xây dựng), định hướng phát triển giao thông, sử dụng đất, tài nguyên, môi trường, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội... cần được hợp nhất trong một hồ sơ quy hoạch, do chủ nhiệm đề án tổng hợp. Các nội dung này có thể được đề xuất bởi các lĩnh vực chuyên môn, các chuyên ngành khác nhau nhưng không có các quy hoạch riêng, được thống nhất bởi tất cả các ngành, lĩnh vực trong hồ sơ tổng hợp, trước khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

❖ *Lồng ghép các mục tiêu phát triển đô thị thông minh, sinh thái, tăng trưởng xanh, phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH trong tầm nhìn, chỉ tiêu và giải pháp quy hoạch đô thị.*

Việc lựa chọn mô hình đô thị ven biển thích hợp cho từng vùng, miền ven biển, hải đảo là hết sức cần thiết nhằm xây dựng các đô thị có được bản sắc và tận dụng triệt để các đặc điểm phát triển. Hiện tại bên cạnh các đô thị truyền thống, các mô hình phát triển đô thị bền vững đang được quan tâm và có thể áp dụng ở Việt Nam có thể kể đến là: Đô thị thông minh, Đô thị sinh thái, Đô thị xanh, Đô thị tăng trưởng xanh, Đô thị nén, Đô thị sinh thái - kinh tế. Ngoài ra còn một số mô hình phát triển đô thị khác như: Đô thị phát triển theo định hướng giao thông công cộng, Đô thị thiết kế định hướng cho người đi bộ, Đô thị với các khu vực bảo tồn di sản, Đô thị với các khu vực phát triển du lịch. Mỗi một đô thị ven biển nên lựa chọn một hoặc kết hợp một vài mô hình phát triển phù hợp với tiềm năng lợi thế.

Để áp dụng các mô hình này thì việc đầu tiên phải lồng ghép các mục tiêu hoặc tiêu chí phát triển của mô hình vào nội dung đề án quy hoạch chung đô thị từ trong tầm nhìn quy hoạch đến các chỉ tiêu quy hoạch cụ thể theo giai đoạn quy hoạch tới các giải pháp quy hoạch: sử dụng đất, hạ tầng, không gian kiến trúc, cảnh quan, phương án bảo vệ môi trường, các dự án ưu tiên thực hiện...

6.5. Đề xuất hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch đô thị ven biển sinh thái, tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH

❖ *Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quy hoạch đô thị ven biển*

Trong hệ thống văn bản pháp luật hiện hành chưa có sự thống nhất thuật ngữ: ven biển, vùng bờ, đô thị ven biển, đô thị đảo..., giữa các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phát triển không gian ven biển, vùng bờ còn có sự chồng chéo về phạm vi, mô hình quản lý.

Bên cạnh đó việc chưa xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật riêng cho quy hoạch và quản lý phát triển đô thị ven biển và đô thị đảo, dẫn đến khó khăn trong quản lý, đầu tư và bảo tồn hệ sinh thái. Thiếu cơ chế đặc thù cho phát triển bền vững, ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo vệ an ninh biển đảo.

Cần có hệ thống tiêu chí đánh giá phân loại đô thị riêng cho các đô thị đảo, đặc khu do đặc thù hạn chế về quy mô đất xây dựng, dân số, điều kiện kết nối hạ tầng...nếu áp dụng theo tiêu chí phân loại đô thị thông thường hiện nay thì rất khó phát triển các đô thị đảo, đô thị đặc khu.

❖ *Điều chỉnh nội dung quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch, xây dựng cho các đô thị ven biển, đô thị đảo*

Các đô thị ven biển, đặc biệt là các đô thị đảo có đặc thù diện tích tự nhiên hạn chế, phát triển theo chiều dọc bờ biển hoặc bị hạn chế trên các đảo nên một số yêu cầu về khoảng cách ly trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khó có thể đáp ứng được như đối với các đô thị vùng đồng bằng châu thổ như:

- Khoảng cách cách ly an toàn đối với các công trình gây ô nhiễm
- Các chỉ tiêu về diện tích đất xây dựng, đất cây xanh
- Các chỉ tiêu về chiều cao, mật độ công trình, đặc biệt là đối với các công trình ven bờ biển

Do vậy, bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn chung cho quy hoạch đô thị, cần có các nghiên cứu điều chỉnh một số chỉ tiêu quy hoạch để áp dụng cho các đô thị ven biển, đặc biệt là các đô thị đảo:

- Các tiêu chuẩn quy hoạch đặc thù cho đô thị đảo, đặc khu như tiêu chuẩn về hệ thống hạ tầng kỹ thuật: năng lượng, cấp nước, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang...

- Các tiêu chuẩn xây dựng công trình biển, đảo để đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai và thích ứng BĐKH, công trình xanh, tiết kiệm năng lượng...

- Các tiêu chuẩn về vật liệu xây dựng theo hướng khuyến khích sử dụng vật liệu tại chỗ (cát biển...)

6.6. Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan, tiết kiệm tài nguyên biển đảo

- Hoàn thiện thể chế, chính sách, hướng dẫn kỹ thuật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo làm cơ sở cho các tỉnh triển khai thực hiện; tiếp tục phối hợp triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển kinh tế biển; Chiến lược

khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo; Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện các Quy hoạch.

- Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong xây dựng Luật Cảnh quan để có công cụ pháp lý rõ ràng trong công tác quản lý cảnh quan nói chung và cảnh quan biển, đảo; Lồng ghép các yêu cầu bảo vệ cảnh quan trong quy hoạch đô thị và nông thôn, đặc biệt trong quy hoạch chung đô thị ven biển, đặc khu.

- Khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả, công bằng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế; ô nhiễm môi trường biển được ngăn ngừa, kiểm soát, giảm thiểu đáng kể; đa dạng sinh học biển, ven biển và hải đảo được bảo vệ, duy trì và phục hồi; các giá trị di sản thiên nhiên, di sản văn hóa biển được bảo tồn và phát huy; tác động của thiên tai được hạn chế thấp nhất có thể, chủ động ứng phó có hiệu quả với BĐKH và NBD, hướng tới mục tiêu Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển.

- Kiểm soát việc thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, rác thải nhựa ven biển và trên các đảo; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải trực tiếp gây ô nhiễm, suy thoái môi trường trên biển, vùng biển ven bờ; đặc biệt là hoạt động nhận chìm, xả nước thải vào môi trường biển... giám sát chặt các khu đô thị, khu du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ sở nuôi trồng, chế biến thủy sản, hoạt động thương mại, dịch vụ dọc theo bờ biển, trên các đảo. Mặt khác, đầu tư, xây dựng hệ thống quan trắc, đánh giá phạm vi, mức độ tác động của các nguồn gây ô nhiễm biển từ đất liền, nhất là từ các lưu vực sông. Tăng cường kiểm tra, xử lý đối với các đối tượng vi phạm về khai thác tài nguyên, môi trường biển.

- Vùng biển nước ta có nhiều hệ sinh thái có mức độ đa dạng sinh học cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới, bao gồm hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn, đất ngập nước,... cùng với đó là các loài cá biển, chim biển, thú biển và bò sát với nhiều loài có giá trị kinh tế cao, nhiều loài quý hiếm. Khoáng sản biển phong phú về chủng loại, đặc biệt là dầu khí, băng cháy, sắt, titan, cát thủy tinh và các loại sa khoáng khác. Do vậy cần có chiến lược cân bằng giữa các hoạt động kinh tế và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái biển đảo.

6.7. Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực thích ứng BĐKH của đô thị ven biển

- Triển khai hiệu quả các chính sách về thích ứng với BĐKH ở các khu vực đô thị, bao gồm Chiến lược quốc gia về BĐKH giai đoạn đến năm 2050 và Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các khuôn khổ này ưu tiên khả năng phục hồi của các khu vực đô thị, đặc biệt là ở các vùng ven biển, bằng cách thúc đẩy khả năng phục hồi của cơ sở hạ tầng, quy hoạch sử dụng đất bền vững và giảm thiểu rủi ro thiên tai.

Xây dựng chính sách quản lý tổng hợp vùng ven bờ (theo kinh nghiệm quốc tế) để hạn chế việc quản lý phân mảnh, nguồn tài chính hạn chế và năng lực kỹ thuật không đầy đủ thường cản trở các biện pháp thích ứng hiệu quả. Trong khi các quy định về phân vùng được đưa ra để hạn chế xây dựng ở các khu vực có nguy cơ cao, việc thực thi lại không nhất quán, dẫn đến việc mở rộng đô thị không theo kế hoạch ở các khu vực dễ bị tổn thương.

Tiếp tục triển khai nhiều biện pháp khác nhau để giảm thiểu rủi ro BĐKH, bao gồm xây dựng đê biển, hệ thống thoát nước lũ và hầm trú bão. Ví dụ, chương trình phục hồi đô thị của Đà Nẵng đã đầu tư vào các hệ thống kiểm soát lũ lụt hiện đại, giúp giảm đáng kể thiệt hại liên quan đến lũ lụt. Tương tự như vậy, các dự án tái trồng rừng ngập mặn ở Thừa Thiên Huế đã cung cấp vùng đệm tự nhiên chống xói mòn bờ biển và nước biển dâng. Các biện pháp khác như hệ thống cảnh báo sớm, chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng và thích ứng dựa vào cộng đồng cũng đã được thúc đẩy. Những cách tiếp cận này nhấn mạnh tầm quan trọng của kiến thức địa phương và sự tham gia của cộng đồng trong việc xây dựng khả năng phục hồi. Ngoài ra, các nghiên cứu chỉ ra nhu cầu về các phương pháp tiếp cận tích hợp kết hợp các giải pháp. Sự tích hợp như vậy có thể nâng cao hiệu quả chung của các biện pháp thích ứng và đảm bảo phát triển đô thị bền vững.

Lồng ghép yêu cầu bắt buộc về thích ứng với BĐKH, thiên tai trong quy hoạch xây dựng; đánh giá tác động môi trường và khả năng thích ứng BĐKH, thiên tai đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng tại vùng ven biển, hải đảo, đặc biệt là các dự án lấn biển.

Tăng cường quản lý và điều phối chính sách: Phát triển các khuôn khổ phục hồi đô thị tích hợp, liên kết các ưu tiên theo ngành như phát triển công nghiệp, du lịch và bảo vệ môi trường; Nâng cao năng lực của chính quyền địa phương thông qua đào tạo có mục tiêu về thích ứng với BĐKH và quy hoạch đô thị. - Cơ chế tài chính sáng tạo: Áp dụng trái phiếu xanh để huy động nguồn lực cho các dự án thích ứng dài hạn; Thúc đẩy quan hệ đối tác công tư (PPP) để thu hút đầu tư vào cơ sở hạ tầng bền vững; Mở rộng khả năng tiếp cận tài chính vi mô cho các hộ gia đình

để thực hiện các biện pháp thích ứng tại địa phương, chẳng hạn như phát triển nhà chống lũ hoặc lắp đặt hệ thống tiết kiệm nước. [20]

Xây dựng cộng đồng ven biển thích ứng BĐKH: Thực hiện các chiến dịch nâng cao nhận thức phù hợp với nhu cầu cụ thể của cộng đồng vùng ven đô thị và khu vực dễ bị tổn thương.

Địa phương hóa các giải pháp: Xây dựng lộ trình thích ứng với BĐKH cụ thể của từng đô thị, tính đến bối cảnh kinh tế xã hội và điểm yếu riêng của từng đô thị; Tập trung vào giải quyết vấn đề phát triển du lịch nóng tại một số đô thị ven biển, đô thị đảo (Nha Trang, Phú Quốc) bằng cách tích hợp các hoạt động du lịch bền vững vào kế hoạch ứng phó với BĐKH; Giải quyết các ưu tiên phát triển công nghiệp của một số đô thị (Hải Phòng) bằng cách áp dụng các công nghệ sạch. Ưu tiên sử dụng các nguồn lực tại chỗ trong ứng phó với BĐKH và thiên tai.

Nội dung 7: Đề xuất hoàn thiện cơ chế chính sách và giải pháp hỗ trợ công tác quy hoạch và quản lý phát triển các đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH

7.1. Đề xuất các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các đô thị ven biển sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với BĐKH tại Việt Nam

❖ *Cơ chế, chính sách quy hoạch và quản lý phát triển các đô thị ven biển sinh thái và tăng trưởng xanh*

Bên cạnh các kết quả đã thực hiện như: ban hành Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030, Thông tư số 01/2018/TT-BXD ngày 05/01/2018 quy định về chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh..., để tiếp tục thúc đẩy phát triển đô thị sinh thái, tăng trưởng xanh, cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Đẩy mạnh nghiên cứu, lồng ghép các nội dung phát triển đô thị tăng trưởng xanh trong Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Mục tiêu của Nghị quyết 06 “Kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững” đã thể hiện tinh thần tăng trưởng xanh sâu sắc, và các chương trình hành động của các ngành các cấp để thực hiện được mục tiêu này cần có những giải pháp cụ thể để đạt được mục tiêu đó.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn - tiêu chuẩn liên quan trong lĩnh vực xây dựng phát triển đô thị. Đây là công cụ pháp lý hiệu quả thúc đẩy phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thông minh bền vững, phát thải thấp, ứng phó biến đổi khí hậu và sử dụng tiết kiệm hiệu quả năng lượng theo lộ trình giảm phát thải ngành Xây dựng.

- Tăng cường áp dụng thực hiện theo quy định của Quy chuẩn QCVN 09:2017/BXD về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả. Ngành Xây dựng đang sử dụng khá nhiều năng lượng, khoảng 35 - 40% tổng năng lượng tiêu thụ quốc gia, trong đó chủ yếu là tiêu thụ điện.

Đối với các công trình xây dựng tại Việt Nam, mức độ lãng phí năng lượng khá lớn. Việc sử dụng năng lượng hiệu quả trong các tòa nhà sẽ giúp giảm chi phí vận hành và giảm lượng phát thải CO₂, mang lại lợi ích to lớn về cải thiện môi trường đô thị, cải thiện chất lượng cuộc sống cư dân đô thị.

Đẩy mạnh đánh giá, giám sát các mục tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh, đồng thời nâng cao năng lực đánh giá, giám sát. Hiện nay, các chương trình/kế hoạch tăng trưởng xanh đều có quy định đánh giá, giám sát cụ thể. Việc giám sát chặt chẽ sẽ xác định được kết quả mục tiêu tăng trưởng xanh theo từng giai đoạn, từ đó có những điều chỉnh, can thiệp hiệu quả.

Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho lãnh đạo chính quyền đô thị và cán bộ quản lý đô thị các cấp về các mô hình đô thị mới hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh.

❖ *Cơ chế, chính sách quy hoạch và quản lý phát triển các đô thị ven biển thông minh*

Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025, định hướng đến năm 2030 đã hoàn thành giai đoạn triển khai chính với các kết quả còn khá khiêm tốn. Trong giai đoạn tới đây, để tiếp tục phát triển đô thị thông minh nói chung và đô thị ven biển thông minh như một giải pháp quan trọng để triển khai nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cần tiếp tục triển khai các nội dung sau:

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn về công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng các đô thị, khu đô thị thông minh.

Xây dựng hệ thống tiêu chí giám sát, đánh giá, công nhận mức độ phát triển đô thị, khu đô thị thông minh.

Có chính sách ưu tiên phân bổ nguồn lực cho phát triển hệ thống hạ tầng số, hạ tầng kỹ thuật đô thị thông minh đi trước một bước trong công tác triển khai đầu tư xây dựng đô thị.

Đào tạo xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý vận hành đô thị thông minh.

❖ *Cơ chế, chính sách quy hoạch và quản lý phát triển du lịch bền vững*

Tích hợp các yếu tố bền vững vào quy hoạch phát triển du lịch, quy hoạch đô thị đảm bảo việc sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tác động môi trường.

Tiếp tục phân cấp mạnh cho chính quyền địa phương để quản lý và lập kế hoạch du lịch, giúp các chính sách phù hợp hơn với bối cảnh đặc thù của từng địa phương.

Nghiên cứu áp dụng các chính sách ưu đãi về thuế, phí hoặc hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp du lịch đầu tư vào công nghệ xanh, năng lượng tái tạo, hoặc các hoạt động bảo vệ môi trường. Hỗ trợ chi phí hoặc có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đạt được các chứng nhận du lịch bền vững (eco-certification), nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh.

Có chính sách hỗ trợ phát triển các sản phẩm du lịch đa dạng như du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp, tạo nguồn thu nhập ổn định cho người dân địa phương.

Xây dựng cơ chế để người dân địa phương tham gia vào các hoạt động du lịch, từ việc lập kế hoạch đến quản lý và chia sẻ lợi ích, đảm bảo du lịch mang lại thu nhập và cải thiện đời sống.

Thực hiện các chính sách bảo tồn, tôn trọng và quảng bá các giá trị văn hóa, truyền thống của địa phương, đảm bảo du lịch không làm mai một bản sắc văn hóa.

Quản lý nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và cảnh quan tự nhiên. Đặt ra giới hạn sức chứa cho các khu du lịch để tránh tình trạng quá tải.

Có chính sách ưu tiên xây dựng và thực hiện các chương trình quản lý chất thải hiệu quả, tái chế và xử lý chất thải đúng cho các đô thị đảo và đặc khu.

Phát triển các mô hình du lịch xanh, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng dựa trên sự bảo tồn và tôn tạo tài nguyên thiên nhiên, gắn với văn hóa bản địa.

❖ *Cơ chế, chính sách quy hoạch và quản lý phát triển đô thị thích ứng với BĐKH*

Lồng ghép BĐKH vào quy hoạch đô thị: Tích hợp các yếu tố liên quan đến BĐKH ngay từ giai đoạn lập quy hoạch đô thị, trước khi quyết định đầu tư phát triển.

Cụ thể hóa và triển khai các định hướng phát triển đô thị Việt Nam bền vững đến năm 2030.

Xây dựng cơ chế Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng và tư nhân: Minh bạch hóa quá trình lập quy hoạch bằng cách tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia rộng rãi để đưa ra các quyết định công bằng và khoa học. Khuyến khích khu vực tư nhân thay đổi thiết kế, thi công và quản lý rủi ro trong các dự án xây dựng để thích ứng với BĐKH.

Sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả.

Thúc đẩy giao thông công cộng, giảm thiểu phương tiện cá nhân.

Tiết kiệm, tái sử dụng nước.

Giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải.

Phát triển các công trình xanh và nền kinh tế tuần hoàn.

7.2. Đề xuất mô hình quản lý phát triển đô thị ven biển bền vững

❖ Quản lý phát triển đô thị biển bền vững

Trước những bất cập, hạn chế trong công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị nói chung, ngày 24/01/2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 06-NQ-TW về “Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Nghị quyết này nhấn mạnh quy hoạch đô thị và phát triển kết cấu hạ tầng các đô thị phải đi trước một bước và tạo ra nguồn lực chủ yếu cho phát triển đô thị. Các vùng đô thị, hành lang đô thị, dải đô thị ven biển được tập trung xây dựng; Đầu tư phát triển các đô thị có giá trị về di sản, du lịch, đô thị gắn với những địa bàn có nhiều tiềm năng phát triển du lịch; Đầu tư nâng cao khả năng chống chịu thiên tai, thích ứng với BĐKH của các đô thị ven biển và các vùng sinh thái dễ bị tổn thương.

Để tăng cường công tác quản lý về quy hoạch, đầu tư xây dựng và đảm bảo khai thác hiệu quả, bền vững quỹ đất ven biển, ứng phó, thích nghi với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, cần thực hiện một số giải pháp như:

- Tăng cường quản lý sử dụng đất ven biển theo quy hoạch và các chính sách của Nhà nước liên quan. Quy hoạch phải đảm bảo lợi ích hài hòa của người dân tại khu vực đó, cũng như lợi ích của Nhà nước và nhà đầu tư.

- Để tăng cường công tác quản lý về quy hoạch, đầu tư xây dựng và đảm bảo khai thác hiệu quả, bền vững quỹ đất ven biển, ứng phó, thích nghi với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, cần thiết phải có sự điều chỉnh các văn bản pháp luật, bổ sung các quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch xây dựng, đáp ứng yêu cầu phát triển của khu vực ven biển.

- Phân loại dự án ưu tiên đầu tư xây dựng và có giải pháp cụ thể đối với từng nhóm dự án nhằm đảm bảo việc đầu tư xây dựng có hiệu quả, tránh lãng phí đất đai, bảo vệ môi trường và ứng phó, thích nghi với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, quản lý các dự án, bảo vệ tài nguyên và môi trường đất đai ven biển. Quy định pháp luật về xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường được thực hiện nghiêm. Kịch bản nước biển dâng được xây dựng để kịp thời điều chỉnh quy hoạch nếu cần thiết.

- Tiến hành kiểm tra, đánh giá sự phù hợp của các dự án đầu tư tại khu vực ven biển với quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt; rà soát tổng thể các dự án để điều chỉnh quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất đảm bảo lợi ích cộng đồng dân cư và doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn; khai thác sử dụng không gian ven biển hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu và đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Quy hoạch đô thị khu vực ven biển phải đảm bảo bố trí quỹ đất cho các khu dịch vụ công cộng, công viên, quảng trường, bãi tắm công cộng phục vụ dân cư và khách du lịch, công trình hạ tầng kỹ thuật, khu vực bảo tồn, phòng hộ...

- Kiểm soát chặt chẽ công tác xây dựng lấn biển, có yêu cầu bắt buộc đáng giá tác động môi trường biển trước khi cấp phép đầu tư xây dựng các công trình lấn biển, công trình hạ tầng kỹ thuật, năng lượng... ven và trên biển.

- Ban hành Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đối với khu vực xây dựng ven biển nhằm kiểm soát, quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan của khu vực, làm cơ sở cấp phép xây dựng và triển khai các dự án đầu tư xây dựng.

- Tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tham gia giám sát việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển dự án ven biển.

❖ *Xây dựng bộ máy quản lý và phân cấp, phân quyền*

Để thực hiện được ý tưởng đổi mới tư duy và mô hình quản lý ĐTVB, cần thiết phải có một cơ quan chuyên trách ở cấp TW (Chính phủ) thực hiện chức năng

điều phối phát triển ĐTVB-Cơ quan Quản lý của Chính phủ về phát triển ĐTVB sẽ thống nhất quản lý đồng bộ trong quá trình PTĐT mới và tái thiết đô thị cũ thuộc ĐTVB. Về chức năng, đây là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phát triển ĐTVB. Về nhiệm vụ, cơ quan này có các nhiệm vụ cơ bản như sau:

- Xây dựng và đề xuất với Chính phủ chiến lược phát triển HTĐTVB;
- Soạn thảo và đề xuất Chính phủ ban hành, ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật nhằm xây dựng thể chế, tạo hành lang pháp lý điều tiết các hoạt động phát triển ĐTVB;
- Chủ trì việc quản lý quy hoạch phát triển ĐTVB bao gồm tổ chức lập, thẩm định, trình phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền các đồ án quy hoạch phát triển ĐTVB; cho ý kiến đối với các đồ án quy hoạch PTĐT theo phân cấp ở các địa phương ven biển thuộc hệ thống; kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các quy hoạch phát triển ĐTVB đã được phê duyệt;
- Đề xuất để Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách cho phát triển ĐTVB, đặc biệt là các cơ chế thu hút đầu tư, thu hút nguồn lực, các cơ chế đặc thù cho phát triển đô thị đảo, đặc khu;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án PTĐT nhằm triển khai thực hiện các chiến lược phát triển ĐTVB đã được ban hành;
- Thay mặt Chính phủ tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện các chiến lược, thể chế, cơ chế, chính sách, chương trình, dự án phát triển ĐTVB theo các mục tiêu đã định;
- Phối hợp chặt chẽ và đồng bộ với các bộ, ngành, các địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ nhằm phát triển ĐTVB một cách hiệu lực và hiệu quả nhất;
- Thay mặt Chính phủ thực hiện việc giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện các công việc, nhiệm vụ cho phát triển ĐTVB.
- Xây dựng hệ thống có cơ sở dữ liệu về phát triển ĐTVB; cung cấp khai thác cơ sở dữ liệu, hệ thống chỉ tiêu PTĐT ven biển trong hệ thống chỉ tiêu quốc gia và chỉ tiêu ngành Xây dựng. Cơ quan Quản lý của Chính phủ về phát triển ĐTVB là tổ chức có tính chất phối hợp liên ngành, liên địa phương do Thủ tướng quyết định thành lập, thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất, kiểm tra, giám sát việc thực hiện liên kết HTĐT gắn với chiến lược kinh tế biển (tập trung vào 05

ngành trụ cột là dịch vụ đô thị, du lịch biển - đảo, cảng biển - logistics, công nghiệp chế biến chế tạo, năng lượng tái tạo) tất cả các trụ cột này đều cần hướng tới PTBV.

Về cơ cấu tổ chức, Cơ quan Quản lý của Chính phủ về phát triển ĐTVB là cơ quan thuộc Chính phủ, được trao quyền đủ mạnh để tạo ra sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ, ngành và địa phương nhằm khai thác tốt sự phục vụ của các cơ quan hiện đang có liên quan đến phát triển ĐTVB như Tổng cục Biển và Hải đảo thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục PTĐT thuộc Bộ Xây dựng, các cơ quan liên quan thuộc Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Quốc phòng...

Về cơ chế phân cấp, phân quyền cần có một cơ chế rõ ràng trong đó các quyết định cho phát triển ĐTVB được chia làm hai cấp là cấp TW và cấp địa phương. Cấp TW quyết định những vấn đề có tính chất toàn ĐTVB và những vấn đề có tính tiểu hệ thống hoặc tính vùng liên tỉnh thuộc ĐTVB. Cấp địa phương cho ý kiến về những vấn đề liên vùng và quyết định những vấn đề chỉ có tính địa phương.

Với cơ chế phân cấp, phân quyền như thế sẽ đảm bảo vừa phát triển thống nhất, phát huy lợi thế chung của ĐTVB, tránh được tình trạng chồng chéo, lãng phí nguồn lực trong phát triển, vừa tạo điều kiện để địa phương chủ động khai thác thế mạnh riêng của từng địa phương. Các Bộ, Ngành đóng vai trò là cơ quan chuyên môn hỗ trợ Cơ quan quản lý của Chính phủ về phát triển ĐTVB. Một số chức năng gắn với phát triển ĐTVB sẽ được điều chuyển lên cấp cao hơn, đồng thời, căn cứ theo chức năng nhiệm vụ đã được quy định, các Bộ sẽ hoàn thiện bộ máy nhằm đáp ứng các yêu cầu về thống nhất môi trường pháp lý cho QLNN về phát triển ĐTVB.

7.3. Đề xuất giải về pháp tăng cường huy động nguồn lực đầu tư phát triển đô thị ven biển

❖ Xây dựng chính sách đặc thù cho phát triển ĐTVB

Sự phát triển của ĐTVB ngoài việc chịu sự điều tiết chung của các luật như Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Đất đai, Luật Xây dựng ... thì nó còn cần thiết phải có hệ thống thể chế, chính sách riêng. Để có được hệ thống thể chế, chính sách riêng nhằm điều chỉnh các hoạt động phát triển ĐTVB theo hướng bền vững thì luận án đề xuất các giải pháp như sau: - Nghiên cứu ban hành Nghị định của Chính phủ về phát triển ĐTVB. Từ những quy định được đề xuất sửa đổi, bổ sung cho Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch 137 đô thị và nông thôn, Luật Quản lý PTĐT để nâng cao hiệu quả QLNN về PTĐT nói chung..., Chính phủ cần xây

dựng và ban hành một Nghị định riêng để điều chỉnh các hoạt động phát triển ĐTVB để khai thác tiềm năng và lợi thế của ĐTVB. Sớm nghiên cứu ban hành Nghị định phát triển ĐTVB nhằm tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh để điều chỉnh các hoạt động quy hoạch, đầu tư dự án PTĐT cho ĐTVB; sử dụng tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên đất đai và tài nguyên biển và bảo vệ môi trường cho phát triển ĐTVB; thu hút các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực tài chính cho phát triển ĐTVB. Sau 2030, căn cứ kết quả tổng kết việc thực hiện Nghị định phát triển ĐTVB để xem xét ban hành Luật Phát triển hệ thống đô thị ven biển và Luật Quản lý vùng ven biển căn cứ trên kinh nghiệm của một số nước như Mỹ, Hà Lan, Cu ba để nâng tính hiệu quả và hiệu lực của các chính sách phát triển ven biển.

Cơ quan Quản lý của Chính phủ về phát triển ĐTVB xây dựng và ban hành các văn bản quản lý dưới dạng thông tư, quyết định để cụ thể hóa các quy định trong Nghị định của Chính phủ nhằm hướng dẫn các hoạt động phát triển HTĐTVB theo mục tiêu chiến lược được xác định. Do trình độ phát triển KT-XH của Việt Nam đã đạt đến mức trung bình cao, đặc biệt là việc duy trì được tốc độ tăng trưởng cao liên tục nên việc khai thác tài nguyên cho phát triển ở từng địa phương đã đến điểm giới hạn. Về chính sách phát triển đã đến lúc phải loại bỏ dần chính sách phát triển cục bộ địa phương và coi trọng chính sách phát triển liên vùng.

Do đó việc xây dựng và ban hành chính sách phát triển cho cả ĐTVB ngày càng cần thiết và quan trọng. Về chính sách phát triển ĐTVB, Chính phủ phải xây dựng và ban hành một hệ thống chính sách đặc thù áp dụng thống nhất cho ĐTVB. Hiện nay các chính sách đặc thù đang được áp dụng riêng rẽ cho một số địa phương. Địa phương nào cũng muốn được áp dụng chính sách đặc thù để phát triển địa phương mình. Cách làm này tạo ra một tiền lệ xin – cho, không đảm bảo được sự công bằng, bình đẳng. Cần xóa bỏ cơ chế đặc thù cho từng địa phương và phải xem xét ban hành chính sách đồng bộ, thống nhất để khuyến khích sự phát triển cho cả ĐTVB.

Chính sách thu hút nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực tài chính, tạo ra cơ chế 138 đặc thù để khuyến khích và thúc đẩy việc đầu tư các dự án PTĐT cho ĐTVB. Một giải pháp quan trọng để thu hút nguồn lực tài chính cho phát triển ĐTVB là đẩy mạnh áp dụng cơ chế đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Chính sách phát triển nguồn nhân lực bằng cách khuyến khích đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển ĐTVB.

Cụ thể hóa Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư cho phát triển ĐTVB. Từ những quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật

số 64/2020/QH14) và Nghị định 35/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Chính phủ xây dựng chính sách riêng cho việc áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư để phát triển ĐTVB theo hướng bền vững và coi đây là chính sách quan trọng hàng đầu để thu hút các nhà đầu tư khu vực tư nhân và các nhà đầu tư nước ngoài cho phát triển ĐTVB.

Việc ban hành và thực thi các chính sách phát triển ĐTVB theo hướng bền vững cũng phải được phân cấp hợp lý, phù hợp và đồng bộ với việc phân cấp, phân quyền trong bộ máy QLNN về phát triển ĐTVB, vừa đảm bảo tính tập trung, thống nhất, vừa đảm bảo phát huy và khai thác tốt tính đặc thù của địa phương.

❖ *Xây dựng các chương trình, kế hoạch đầu tư phát triển cụ thể*

Xây dựng các chương trình, đề án phát triển ĐTVB là việc cụ thể hóa chiến lược và quy hoạch phát triển ĐTVB. Đầu tư phát triển ĐTVB được thực hiện thông qua các chương trình, đề án phát triển và các dự án đầu tư. Công tác xây dựng các chương trình, đề án phát triển, dự án đầu tư PTĐT cho ĐTVB cần chú ý các vấn đề sau:

- Bám sát chiến lược phát triển, quy hoạch phát triển ĐTVB nhằm thực hiện tốt nhất các mục tiêu chiến lược phát triển ĐTVB.

- Tính đến thứ tự ưu tiên trong quá trình phát triển ĐTVB. Quá trình phát triển ĐTVB được đặt ra cho giai đoạn 2021 – 2045, chia làm hai giai đoạn: giai đoạn 1 từ 2021 đến 2030, giai đoạn 2 từ 2031 đến 2045. Trong từng giai đoạn cũng cần xác định các mục tiêu ưu tiên, từ đó hoạch định các chương trình, đề án, dự án phát triển cho phù hợp. Bên cạnh đó cần kiểm soát tốt sự phát triển của các đô thị cũ gắn với chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị; ưu tiên phát triển các chương trình, dự án gắn với bảo tồn các đặc trưng đô thị và khai thác tính biển trong quy hoạch, thiết kế đô thị.

- Chú ý đến tính hệ thống khi xây dựng các chương trình, đề án, dự án phát triển. Các chương trình, đề án, dự án phát triển phải có tính liên kết chặt chẽ để đảm bảo tính thống nhất trong phát triển của ĐTVB.

- Đảm bảo tính khả thi của các chương trình, đề án, dự án phát triển. Mục tiêu đặt ra của các chương trình, đề án, dự án phát triển phải phù hợp với nguồn lực thực hiện. Các chương trình, đề án, dự án phát triển phải chỉ rõ các giải pháp thực hiện, đặc biệt là các giải pháp huy động nguồn lực, trong đó cần chú trọng vào việc huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân và từ nhà đầu tư nước ngoài thông qua phương thức hợp tác công tư (PPP).

- Việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt chương trình, đề án, dự án PTĐT cho ĐTVB phải được phân cấp rõ ràng, phù hợp với phân cấp, phân quyền trong bộ máy QLNN. Theo đó, các chương trình, đề án, dự án có tầm quan trọng chiến lược, có tác động đến sự phát triển của toàn ĐTVB hoặc sự phát triển của tiểu vùng ĐTVB, hay sự phát triển liên vùng thì do cấp TW quyết định, Cơ quan Quản lý của Chính phủ về phát triển ĐTVB chủ trì tổ chức thực hiện. Các chương trình, đề án, dự án có tính cục bộ địa phương thì do cấp địa phương quyết định và thực hiện.

- Các chương trình, đề án, dự án phát triển ĐTVB phải được đánh giá hiệu quả và tác động một cách toàn diện về các mặt kinh tế, xã hội, môi trường và quốc phòng, an ninh.

- Về kết cấu hạ tầng giao thông kết nối ĐTVB: Đến năm 2030, hoàn thành đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 1 của Cảng hàng không quốc tế Long Thành; hoàn thành trên 1.700 km đường ven biển từ Quảng Ninh đến Cà Mau, ưu tiên đoạn ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long; đầu tư các công trình giao thông trọng yếu theo quy hoạch, nhất là tuyến vành đai đô thị lớn, các tuyến đường bộ cao tốc, quốc lộ quan trọng; đầu tư nâng cấp cảng hàng không, đặc biệt là các cảng hàng không trọng điểm; đầu tư nâng cao năng lực của hệ thống cảng biển; quan tâm đúng mức phát triển giao thông đường sắt, chuẩn bị để triển khai một số đoạn đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, đường sắt vùng; kết nối đồng bộ hệ thống giao thông với các KKT, khu công nghiệp, cảng hàng không, cảng biển.

- Về kết cấu hạ tầng trong từng đô thị của ĐTVB: Tập trung đầu tư và đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành các dự án đường sắt đô thị, đường vành đai, đường xuyên tâm, các bãi đỗ xe, các công trình đầu mối về cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, giảm đáng kể tình trạng ùn tắc giao thông, ngập úng đô thị.

❖ Đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư phát triển đô thị ven biển

Trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, để thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ cần lưu ý các giải pháp chủ yếu sau:

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy thu hút các nguồn vốn đầu tư, trong đó thí điểm thực hiện các cơ chế phù hợp để huy động các nguồn lực tạo đột phá cho phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là đường bộ, đường sắt. Rà soát, sửa đổi pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định liên quan theo hướng tăng cường phân cấp huy động, sử dụng nguồn lực đầu tư ở Trung ương và địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương cùng đầu tư ngân sách vào các hạ tầng dùng chung, hạ tầng liên kết vùng. Nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính

sách, pháp luật để hình thành Quỹ phát triển hạ tầng vùng và Quy chế hoạt động làm cơ sở pháp lý để thu hút, tập trung nguồn vốn đầu tư cho các công trình trọng điểm.

- Tập trung xây dựng, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện quy hoạch vùng và quy hoạch từng địa phương trong vùng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bám sát quy hoạch tổng thể quốc gia đã được phê duyệt, từ đó xác định danh mục các công trình hạ tầng cơ bản phù hợp với quy hoạch và tính toán nhu cầu huy động vốn đầu tư theo từng giai đoạn, quyết định phương án huy động, cân đối các nguồn lực đầu tư, phân kỳ đầu tư phù hợp với quy định pháp luật để hoàn thành các dự án hạ tầng thiết yếu.

- Hoàn thiện các tiêu chí để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với chiến lược, quy hoạch, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực, địa bàn. Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi vượt trội, cạnh tranh quốc tế tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi thu hút các dự án lớn, trọng điểm quốc gia, dự án công nghệ cao, thu hút FDI từ các đối tác thuộc các nước phát triển.

- Đầu tư và định hướng thu hút đầu tư nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế biển, nhất là các ngành du lịch và dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác, nuôi trồng và khai thác hải sản, công nghiệp ven biển, năng lượng tái tạo (nhất là năng lượng gió ven bờ và năng lượng gió ngoài khơi), các ngành kinh tế biển mới...

- Đổi mới phương thức vận động, thu hút đầu tư, xác định các ưu tiên đầu tư, đặc biệt là các công trình kết cấu hạ tầng cấp bách, quan trọng kết nối nội vùng, liên vùng, các dự án có quy mô và sức lan tỏa trong vùng. Xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quốc tế cấp vùng. Thành lập Hội đồng điều phối vùng, tiểu vùng: Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ và Quy chế hoạt động để điều phối và kết nối phát triển vùng. Hội đồng Điều phối vùng căn cứ quy hoạch vùng và quy hoạch các địa phương tổ chức các hoạt động điều phối, vận động, thu hút đầu tư, đặc biệt là bảo đảm nguồn vốn thực hiện các công trình kết cấu hạ tầng cấp bách, quan trọng.

- Cơ cấu lại các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ thông qua các hoạt động đầu tư và thu hút đầu tư. Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế. Phân bố không gian công nghiệp theo các hành lang kinh tế ven biển gắn với các cảng biển, các tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, các đường quốc lộ kết nối Tây Nguyên với vùng. Rà soát, điều chỉnh, phân chia chức năng các KKT ven biển, khu công nghiệp, KKT cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không trong vùng để tăng cường liên kết, hạn chế cạnh tranh trong phân bổ, thu hút các

nguồn lực. Mở rộng và xây dựng trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất; hình thành một số trung tâm năng lượng tái tạo lớn (đặc biệt là điện gió và điện gió ngoài khơi). Cơ cấu lại và đổi mới mô hình phát triển nông nghiệp vùng theo hướng sinh thái, đặc hữu gắn với phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới và phát triển du lịch... Cơ cấu lại nông, lâm nghiệp, khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản gắn với công nghiệp chế biến; phát triển các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá kết hợp với bảo đảm quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế rừng và kinh tế dưới tán rừng. Phát triển vùng trở thành khu vực trọng điểm du lịch của cả nước với các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm khu vực và quốc tế. Phát triển các trung tâm logistics gắn với các cảng biển, cảng hàng không và cửa khẩu.

- Thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước thông qua việc tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, có tính kết nối cao. Phân đầu hoàn thành các nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 168/NQ-CP, ngày 29-12-2022, của Chính phủ, “Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 3-11-2022, của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”: đầu tư phát triển hệ thống đường bộ cao tốc, hoàn thành tuyến đường bộ ven biển; nghiên cứu đầu tư, nâng cấp các tuyến đường cao tốc trục ngang; nâng cấp, cải tạo và nâng cao hiệu quả khai thác 9 cảng hàng không hiện có; xây dựng mới cảng hàng không Phan Thiết, Quảng Trị. Tập trung nguồn lực phát triển các cảng biển; nâng cấp, từng bước hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc - Nam qua vùng; nghiên cứu kêu gọi đầu tư các tuyến đường sắt kết nối vùng với vùng Tây Nguyên và các cửa khẩu quốc tế trong khu vực.

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số; sớm xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, dữ liệu, trao đổi thông tin kinh tế - xã hội giữa các địa phương trong vùng; đầu tư một số trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Hoàn thiện quy hoạch và đầu tư phát triển hạ tầng giáo dục, đào tạo, trung tâm khoa học - công nghệ, chăm sóc sức khỏe... theo quy hoạch. Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống y tế, các bệnh viện tuyến tỉnh, bệnh viện đa khoa cấp thành phố và quận, huyện.

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích phát triển doanh nghiệp và thu hút nguồn lực nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, nhất là các ngành kinh tế biển. Từng bước hình thành các cụm liên kết ngành ở phạm vi liên tỉnh, liên vùng gắn với các trung tâm kinh tế biển mạnh có tầm quốc gia, quốc tế theo hướng tăng cường phân cấp, nâng cao

vai trò, phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo của các địa phương trong quản lý, phát triển kinh tế.

- Đẩy mạnh hợp tác kinh tế, vận động và thu hút các nguồn vốn đầu tư, vốn ODA, vốn FDI, các nguồn đầu tư từ khu vực tư nhân và các đối tác phát triển của hợp tác tiểu vùng sông Mê Công cho phát triển vùng, nhất là phát triển kinh tế biển và ứng phó với biến đổi khí hậu, các hiện tượng thời tiết cực đoan. Tăng cường hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với các nước trên thế giới, nhất là các nước Tiểu vùng sông Mê Công, ASEAN; chủ động triển khai các hoạt động giao lưu nhân dân với các nước bạn. Đẩy mạnh hợp tác kinh tế qua các cửa khẩu trong vùng gắn với Hành lang kinh tế Đông - Tây. Chủ động khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các khung khổ hội nhập để cơ cấu lại các ngành kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng của vùng theo hướng xanh, bền vững. Nghiên cứu thí điểm mô hình khu kinh tế cửa khẩu qua biên giới trên Hành lang kinh tế Đông - Tây.

- Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo chuyên gia, nhân lực chất lượng cao, lao động kỹ thuật trong các lĩnh vực thuộc kinh tế biển, các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn; có cơ chế, chính sách đặc biệt thu hút nhân tài, từng bước hình thành đội ngũ các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia đạt trình độ quốc tế, có chuyên môn sâu theo định hướng phát triển, thu hút đầu tư các lĩnh vực mà vùng có thế mạnh để vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đạt được tốc độ phát triển nhanh và bền vững, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của cả nước./.

7.4. Đề xuất giải pháp về tăng cường hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ về đô thị ven biển thông minh, tăng trưởng xanh, thích ứng với BĐKH.

Phát triển Đô thị thông minh là một vấn đề ngày càng được quan tâm tại nhiều đô thị trên thế giới. Tại Việt Nam, sự quan tâm và xúc tiến các nghiên cứu chương trình và lộ trình phát triển đô thị thông minh của chính quyền các đô thị tạo ra nhiều thuận lợi cho việc đổi mới hạ tầng và cơ cấu quản lý theo tư duy đô thị thông minh.

Bên cạnh những cơ hội lớn mở ra từ việc phát triển đô thị thông minh, có thể giúp các đô thị phát triển nhanh hơn, hội nhập quốc tế dễ dàng hơn, theo hướng phù hợp với kỷ nguyên thông tin và toàn cầu hóa, cũng có nhiều nguy cơ tiềm ẩn từ việc các địa phương lập kế hoạch phát triển đô thị thông minh một cách tự phát, thiếu phối hợp với nhau một cách hiệu quả. Vấn đề quan trọng hàng đầu hiện nay, cần lập một chiến lược quốc gia về xây dựng và phát triển đô thị thông minh giúp

các đô thị thông minh tương lai của đất nước có thể phát triển khả quan, hài hòa, hợp tác tốt với nhau ngay từ giai đoạn đầu phát triển, hướng đến những mục tiêu giá trị thống nhất và đến việc cùng nhau đem lại hiệu quả cộng hưởng về mọi mặt trong suốt quá trình phát triển đô thị và phát triển quốc gia.

Phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam còn rất nhiều thách thức. Trước hết là áp dụng hệ thống công nghệ cao để đưa vào phát triển đô thị bởi điều kiện phát triển cho các đô thị và công trình của Việt Nam chưa đồng bộ và hạ tầng cũng chưa được phát triển toàn diện. Cho nên khi lồng ghép hệ thống công nghệ cao sẽ gặp những khó khăn nhất định.

Ưu tiên tập trung cho các lĩnh vực đem lại giá trị “Hiệu quả Kinh tế”: Do công nghệ thông tin ngày nay phát triển rất nhanh và kinh phí cho những giải pháp công nghệ tiên phong ứng dụng trong quản lý đô thị thường rất tốn kém, trên thế giới hiện vẫn chưa có những đô thị thông minh toàn diện mà chỉ có những đô thị thông minh theo hướng tập trung vào một số lượng chọn lọc nhất định trong các lĩnh vực như: chính quyền điện tử, quản lý đô thị, giao thông vận tải, hạ tầng, môi trường, tiết kiệm năng lượng, y tế và sức khỏe, an ninh trật tự, giáo dục, viễn thông,...

Ở Việt Nam, các đô thị sẽ có những nhu cầu ưu tiên tập trung cho một số lĩnh vực nhất định. Tại các đô thị đặc biệt lớn, như Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh, việc ứng dụng các giải pháp công nghệ thông minh có thể đem lại hiệu quả kinh tế cao cho các yêu cầu bức thiết nhất như quản lý hạ tầng và giao thông, quản lý ngập lụt và môi trường, quản lý hành chính và chính quyền điện tử.

Tạo dựng cơ cấu quản lý thông minh trên nền tảng “Hợp tác Nhóm”: Đô thị thông minh hoạt động do con người và vì con người. Con người là chủ thể, công nghệ chỉ đóng vai trò hỗ trợ việc quản lý đô thị sao cho hiệu quả.

Chính phủ cần nhanh chóng lập một chiến lược quốc gia về phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam và các nghị định, quyết định, thông tư hướng dẫn kèm theo, không chỉ về mặt công nghệ mà cả về mặt đổi mới tư duy quản lý và cải tổ cơ cấu tổ chức hành chính đô thị phù hợp với xu hướng đô thị thông minh kết nối mạng, để hướng dẫn cho các đô thị trong nước có thể lập kế hoạch phát triển đô thị thông minh, vừa phù hợp với nhu cầu của địa phương, vừa hướng đến việc kết nối liên thông với nhau trong tương lai theo một chiến lược quốc gia thống nhất.

Tối ưu hóa hiệu quả ứng dụng công nghệ Thông minh thông qua “Kết nối Thông tin đa chiều”: Chất lượng thông tin và kết nối thông tin đa chiều giúp tối ưu

hóa hiệu quả ứng dụng công nghệ thông minh cho việc quản lý đô thị, đặc biệt là quản lý giao thông và chính quyền điện tử.

Để làm được điều này, các sở và ban ngành cần thường xuyên cập nhật thông tin lên mạng cơ sở dữ liệu dùng chung, ví dụ mạng GIS và mạng thông tin hành chính đô thị, theo một tiêu chuẩn thống nhất với một độ chính xác cao. Khi đảm bảo được chất lượng thông tin đầu vào, thì các cơ quan quản lý có thể đưa ra giải pháp đầu ra thực sự thông minh và có chất lượng.

Trong quản lý giao thông, việc tích hợp thông tin camera về tình trạng giao thông đô thị và giao thông công cộng với việc hiển thị lên mạng internet và mạng điện thoại di động, sẽ giúp cho việc điều hành giao thông hiệu quả, giúp người dân được cảnh báo sớm để cùng tham gia, tránh những tuyến đường đang bị ách tắc và chọn giải pháp giao thông phù hợp.

Giải quyết các vấn đề trọng điểm của Đô thị bằng “Tư duy đa ngành”, ứng dụng công nghệ thông minh: Nhiều vấn đề trọng điểm của đô thị có thể được xử lý rất hiệu quả thông qua phối hợp đa ngành và công nghệ thông minh. Ví dụ, công nghệ thông minh có thể phối hợp thông tin khí tượng và giao thông, giúp cảnh báo phối hợp các thời điểm và khu vực có khả năng mưa bão gây ngập lụt, có khả năng kẹt xe ở các tuyến đường, kèm theo các hướng dẫn cần thiết để người dân có thể chuẩn bị ứng phó phù hợp với nhu cầu và tình huống.

Trong tương lai xa hơn, cần xây dựng chiến lược chuẩn bị cho việc phát triển mạng đô thị thông minh trên toàn quốc kết nối tốt với nhau và với các Vùng đô thị, quốc gia và quốc tế.

Nâng cao giá trị Bản sắc Đô thị Thông minh, xây dựng các cộng đồng sống và làm việc đa dạng với nhiều cấp độ ứng dụng công nghệ thông minh: Với trọng tâm của Đô thị Thông minh là con người, sau đó mới đến quản lý và công nghệ, việc áp dụng công nghệ thông minh cần giúp tăng giá trị sinh hoạt cộng đồng và bản sắc cho đô thị, thay vì làm đô thị trở nên máy móc, vô hồn giống nhau.

Học hỏi một cách chọn lọc các Kinh nghiệm Quốc tế về Phát triển Đô thị Thông minh: Kinh nghiệm Phát triển Đô thị Thông minh trên thế giới hiện nay rất phong phú, với các mức độ thành công khác nhau, phần lớn đều đang trong thời kỳ thử nghiệm và phát triển. Ví dụ như chương trình quốc gia thông minh (Singapore), chương trình chính phủ số hóa (Malaysia), đô thị thông minh Fujisawa (Nhật), dự án 100 thành phố thông minh (Ấn Độ)...

❖ *Giải pháp về tăng cường hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ về đô thị ven biển sinh thái, tăng trưởng xanh*

Nhiều quốc gia phát triển trên thế giới như: Singapour, Hà Quốc, Hà Lan, Thủy Điển, Đức đã phát triển mô hình đô thị sinh thái và tăng trưởng xanh đạt nhiều thành tựu mà Việt Nam có thể học hỏi.

Các giải pháp hợp tác có thể bao gồm: Triển khai các dự án hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp các bài học kinh nghiệm và đào tạo nâng cao năng lực, cung cấp hỗ trợ tài chính để thực hiện một số sáng kiến về phát triển đô thị sinh thái tại Việt Nam.

Các lĩnh vực hợp tác: Xây dựng thể chế cho phát triển đô thị, Xây dựng các bộ tiêu chí, tiêu chuẩn quy hoạch, xây dựng về đô thị xanh, công trình xanh; lồng ghép các mục tiêu phát triển xanh, sinh thái và tăng trưởng xanh trong quy hoạch hệ thống đô thị-nông thôn quốc gia, trong các quy hoạch tỉnh và quy hoạch đô thị.

❖ *Giải pháp về tăng cường hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ về đô thị ven biển thích ứng với BĐKH*

Hiện nay, các đô thị ở Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức ngày càng nghiêm trọng hơn từ hiểm họa thiên tai và BĐKH xuất hiện nhiều và bất thường.

Trong bối cảnh đó, sự tăng cường khả năng chống chịu phục hồi và thích ứng với biến đổi khí hậu cho các đô thị Việt Nam trở thành một mối quan tâm lớn của các cấp chính quyền trung ương và địa phương.

Đô thị hóa là một quá trình tất yếu ở mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Quá trình đô thị hóa ở mỗi nước cũng diễn ra theo xu hướng nhanh, chậm khác nhau bởi nó phụ thuộc vào điều kiện và trình độ phát triển kinh tế - xã hội ở quốc gia đó.

Tại Việt Nam, thời gian qua, quá trình đô thị hóa đã diễn ra mạnh mẽ tại các đô thị lớn, tạo hiệu ứng thúc đẩy đô thị hóa nhanh lan tỏa diện rộng trên phạm vi các tỉnh, các vùng và cả nước. Tuy nhiên, các đô thị Việt Nam đang đối mặt nhiều vấn đề nghiêm trọng do thiên tai và biến đổi khí hậu.

Quyết định số 445/2009/QĐ-TTg về Phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 nêu rõ, định hướng phát triển chung không gian đô thị cả nước theo hướng bảo đảm phát triển hợp lý các vùng đô thị hóa cơ bản giữa 6 vùng kinh tế-xã hội quốc gia, giữa miền Bắc, miền Trung và miền Nam; giữa phía Đông và phía Tây; gắn với việc phát triển các cực tăng trưởng chủ đạo và thứ cấp quốc gia, đồng thời bảo đảm phát triển theo mạng lưới, có sự liên kết tầng bậc theo cấp, loại đô thị; từ năm 2015 đến 2025 ưu tiên phát triển các vùng đô thị hóa cơ bản, giảm thiểu

sự phát triển phân tán, cục bộ; giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2050 chuyển dần sang phát triển theo mạng lưới đô thị.

Đề đối phó với các thách thức do BĐKH gây ra cho đô thị, nhiều giải pháp đã được triển khai, trong đó giải pháp tăng cường hợp tác quốc tế để tận dụng các kinh nghiệm phát triển, nguồn lực, giải pháp công nghệ từ các nước phát triển đang được chúng ta đẩy mạnh. Nhiều dự án hợp tác trong lĩnh vực thích ứng với BĐKH, tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh đã được triển khai với sự hỗ trợ của nhiều tổ chức quốc tế như: UN, Ngân hàng thế giới WB, Ngân hàng phát triển châu Á, UNDP..., các quốc gia như: Mỹ, Hà Lan, Đức, Pháp, Thụy Sĩ...

7.5. Đề xuất giải pháp về tăng cường nhận thức, đào tạo nâng cao năng lực quy hoạch đô thị, quản lý phát triển đô thị ven biển bền vững.

Để việc triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, công tác tuyên truyền về chiến lược trên có vai trò quan trọng, góp phần tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, từng bước hiện thực hóa mục tiêu đưa Việt Nam vươn lên trở thành quốc gia mạnh về biển.

Để đạt được mục tiêu trên, cần một hệ thống các giải pháp đồng bộ, trong đó, việc nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là một nội dung quan trọng. Công tác tuyên truyền giúp củng cố, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về biển, đảo Việt Nam; góp phần bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của quốc gia trên biển; tăng cường ý thức trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong việc chấp hành pháp luật trong nước và các thỏa thuận, điều ước quốc tế liên quan đến biển, đảo Việt Nam, nhất là bảo vệ môi trường, phát triển bền vững kinh tế biển và bảo vệ an ninh, chủ quyền quốc gia trên biển; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, ý chí tự lực tự cường, tích cực tham gia hưởng ứng các hoạt động hướng về biển, đảo...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tuyên truyền về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam vẫn còn không ít hạn chế, bất cập, nổi bật là tần suất, cường độ tuyên truyền chưa cao, thiếu thường xuyên; nội dung, hình thức và cách thức tuyên truyền chưa đa dạng, phong phú, thiếu các sản phẩm truyền thông hấp dẫn, chất lượng; các kênh truyền thông chưa đa dạng và phù hợp với từng nhóm đối tượng công chúng, tận dụng các phương tiện truyền thông mới còn hạn chế; không ít cấp ủy, chính quyền chưa coi trọng đúng mức tầm quan trọng

của công tác tuyên truyền trong triển khai thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển ở đơn vị, địa phương mình; vẫn còn hiện tượng tuyên truyền mang tính hình thức, chiếu lệ...

Để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền “Về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” bằng nhiều nội dung, hình thức đa dạng và phong phú.

Công tác tuyên truyền về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là nhiệm vụ lâu dài, thường xuyên, liên tục của các cấp ủy, chính quyền, của cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở. Việc thực hiện các nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền về Chiến lược biển Việt Nam cần gắn liền với thực hiện các nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Biển Việt Nam năm 2012, Quyết định số 373/QĐ-TTg, ngày 23-3-2010, của Thủ tướng Chính phủ, “Về việc phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam”; Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22-10-2018, của Hội nghị Trung ương 8, khóa XII, “Về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” và Quyết định số 647/2020/QĐ-TTg, ngày 18-5-2020, của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Đề án hợp tác quốc tế phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030”...

Nâng cao hiệu quả, đa dạng hóa các hình thức, nội dung tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo, chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam trong toàn hệ thống chính trị, trong nhân dân, đồng bào ta ở nước ngoài và cộng đồng quốc tế. Nội dung công tác tuyên truyền gồm những thuận lợi và khó khăn, thời cơ và thách thức trong phát triển kinh tế biển, đảo; phổ biến những kiến thức pháp luật quốc tế và trong nước về biển, đảo; chú trọng giới thiệu những thành tựu phát triển kinh tế biển, đảo của từng ngành, địa phương và cả nước; vai trò của các thành phần kinh tế tham gia vào phát triển kinh tế biển, đảo...

❖ *Nâng cao năng lực quy hoạch đô thị ven biển*

Yêu cầu đổi mới công tác lập quy hoạch và quản lý phát triển đô thị đã được đặt ra, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Xây dựng phối hợp với các viện nghiên cứu, chuyên gia quy hoạch nghiên cứu về đổi mới phương pháp luận về công tác lập quy hoạch và quản lý phát triển đô thị để phù hợp với bối cảnh phát triển tại

Việt Nam hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh xây dựng và triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Từ thực tiễn phát triển đến bài học kinh nghiệm của các nước trên thế giới cho thấy không có phương pháp quy hoạch nào đúng cho tất cả các cấp bậc của quy hoạch và cho tất cả các đô thị. Phương pháp quy hoạch cần dựa trên bối cảnh phát triển kinh tế xã hội chung của đất nước, nền tảng thể chế và bộ máy tổ chức để có đề xuất vận hành phù hợp. Nguyên tắc chung cho công tác đổi mới lập quy hoạch đô thị như sau:

- Đổi mới công tác quy hoạch hướng tới kiến tạo, tinh giản thủ tục hành chính, hướng tới một bản quy hoạch duy nhất cho một đô thị;
- Khai thác các ưu điểm của các phương pháp quy hoạch khác nhau để khắc phục các tồn tại của công tác lập quy hoạch đô thị hiện nay;
- Khắc phục trực tiếp các tồn tại của công tác quy hoạch đô thị hiện nay, để phục vụ cho công tác quản lý phát triển đô thị;
- Mô hình đô thị hóa đồng bộ, hiện đại, văn hóa, sinh thái, tạo lập đặc trưng và bản sắc đô thị, bảo tồn các giá trị hiện có của từng đô thị;
- Quy hoạch thông minh, chuẩn bị nền tảng cho ứng dụng công nghệ thông tin hướng tới mô hình đô thị thông minh. Sử dụng công nghệ thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu, nghiên cứu giải pháp quy hoạch, xây dựng đô thị theo quy hoạch và hỗ trợ hoạt động phát triển đô thị.

Áp dụng tổng hợp các phương pháp lập quy hoạch để nâng cao chất lượng của quá trình lập quy hoạch, khắc phục hạn chế trong từng bước lập quy hoạch, thực hiện quy hoạch hiện nay. Trên cơ sở thay đổi phương pháp lập quy hoạch sẽ điều chỉnh sản phẩm quy hoạch, kết quả quy hoạch và điều chỉnh quá trình thực hiện quy hoạch.

- Phương pháp quy hoạch tổng thể/tầng bậc/cấu trúc;
- Phương pháp quy hoạch chiến lược, cấu trúc chiến lược;
- Phương pháp quy hoạch tích hợp, lồng ghép đa ngành;
- Phương pháp quy hoạch với sự tham gia;
- Phương pháp quy hoạch hành động;
- Các phương pháp lồng ghép khác.

Phương pháp tiếp cận mới cần được định hướng mở, tạo sự linh hoạt để quản lý những vấn đề về tổng thể, về quy chuẩn, về an ninh quốc phòng, đảm bảo

yêu cầu công bằng xã hội... được quản lý chung bằng hệ thống quy định pháp luật về quy hoạch đô thị thông qua sản phẩm quy hoạch, những vấn đề khác sẽ được mở, tạo linh hoạt cho từng đô thị và từng vấn đề được nghiên cứu.

Các phương pháp lập quy hoạch cần được đưa vào quy định pháp luật, các văn bản hướng dẫn làm cơ sở cho các cơ quan liên quan phối hợp thực hiện trong quá trình triển khai lập quy hoạch và quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt.

Căn cứ vào cấp độ quy hoạch, quy mô đô thị và tính chất của khu vực quy hoạch để lựa chọn phương pháp tiếp cận chủ đạo nhằm xác định các vấn đề cần giải quyết và lựa chọn giải pháp quy hoạch phù hợp với yêu cầu phát triển.

Việc lồng ghép các công đoạn của công tác lập quy hoạch chung và quy hoạch phân khu để đưa ra các giải pháp quy hoạch tương đối cụ thể phục vụ quản lý hoạt động xây dựng, lồng ghép chương trình phát triển đô thị vào quy hoạch chung để xác định kế hoạch phát triển đô thị và nguồn lực thực hiện. Nội dung cụ thể hóa được lựa chọn theo từng đô thị như sử dụng đất, giao thông, tầng cao, chỉ giới... Căn cứ vào quá trình phát triển đô thị có thể đưa thêm các hệ thống chỉ dẫn mới trên nền tảng quy hoạch đã được phê duyệt như: cây xanh, giao thông công cộng, không gian mở, trang thiết bị đô thị.

Rút gọn các bước làm quy hoạch phải gắn với thực hiện lập quy hoạch đô thị được thực hiện cẩn thận, bài bản, đảm bảo các chiến lược đưa ra phù hợp với thực tiễn áp dụng dài hạn, tạo nên bộ luật cho đô thị, hạn chế tối đa việc điều chỉnh, thay đổi hoàn toàn nội dung lập quy hoạch. Thời gian nghiên cứu lập đồ án quy hoạch chung có thể lâu, nhưng giảm bước lập quy hoạch sẽ rút ngắn được thời gian triển khai từ quy hoạch chung đến thực tế.

Rút ngắn thời gian lập quy hoạch còn được thực hiện thông qua quy trình được quy định rõ ràng, quy định cụ thể trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác lập quy hoạch, thực hiện quy hoạch và giám sát quy hoạch, tạo sự phối hợp nhịp nhàng, không bị kéo dài do các thủ tục hành chính.

Quy trình các bước linh hoạt theo từng đô thị: Thực hiện phương pháp lồng ghép, căn cứ vào vấn đề cần giải quyết của từng đô thị, yêu cầu của mỗi đô thị để xây dựng quy trình các bước lập quy hoạch để giải quyết vấn đề đặt ra. Như vậy, quy trình các bước triển khai lập quy hoạch sẽ khác nhau theo từng đô thị gắn với phương pháp triển khai của đơn vị tư vấn được lựa chọn. Quy định pháp luật cần quy định các bước chính phải thực hiện và quy trình thẩm định cuối cùng đối với sản phẩm quy hoạch cuối cùng của đồ án để đảm bảo chất lượng chung.

Quy trình quy hoạch tạo điều kiện tham gia đầy đủ của các bên liên quan như: tham vấn chuyên gia, lấy ý kiến cộng đồng. Quy trình quy hoạch có sự tham gia sẽ giúp cho việc lựa chọn giải pháp quy hoạch phù hợp với cộng đồng, nâng cao khả năng giám sát quy hoạch.

Quy trình lập và thực hiện quy hoạch phù hợp với bối cảnh xã hội và thể chế, chính quyền đô thị theo từng giai đoạn Đổi mới phương pháp luận quy hoạch đô thị cần phải dựa trên hệ thống pháp luật hiện hành, tính khả thi và đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan, hệ thống thể chế hiện có để đảm bảo khả thi trong áp dụng quy hoạch và là cơ sở quan trọng để thực hiện quy hoạch.

Quy hoạch theo tầm nhìn dài hạn, có các giải pháp chiến lược thực hiện quy hoạch theo từng giai đoạn, đảm bảo tính khả thi trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội của từng đô thị. Xác định các giải pháp chiến lược để sớm hình thành đô thị theo quy hoạch được duyệt.

Vấn đề của quy hoạch được nghiên cứu mở rộng, giải pháp quy hoạch không gian vật thể được nghiên cứu lựa chọn trên nền tảng các nghiên cứu phân tích về kinh tế đô thị, về văn hóa xã hội, dự báo chính xác các kịch bản phát triển, định hướng bảo vệ môi trường và mục tiêu phát triển xã hội để lựa chọn giải pháp và đưa ra những quy định phù hợp.

Quy chế quản lý theo đồ án quy hoạch được quản lý đồng thời với các sản phẩm khác của quy hoạch và các quy định pháp luật có liên quan về hoạt động xây dựng để hỗ trợ cho công tác quản lý phát triển đô thị. Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc được phát hành rộng rãi, thông tin minh bạch, kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin, GIS để tạo điều kiện tiếp cận dễ dàng cho người dân.

❖ *Quy hoạch đô thị ven biển theo hướng tích hợp đa ngành*

Công tác quy hoạch và quản lý phát triển đô thị theo hướng tích hợp đa ngành đã được đặt ra từ lâu, phần nào đã được thực hiện trong các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị đã được ngành xây dựng lập, phê duyệt và quản lý trong giai đoạn vừa qua. Để xây dựng tầm nhìn và các phương án phát triển không gia, đồ án QHĐT đã mở rộng phạm vi nghiên cứu ra tất cả các lĩnh vực phát triển liên quan như: sử dụng đất, phát triển kinh tế-xã hội, sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, bảo tồn di sản, bảo vệ môi trường...

Sau khi Luật Quy hoạch có hiệu lực từ 01/01/2019, công tác quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch tỉnh đã thực hiện theo hướng tích hợp đa ngành, theo đó:

- Đa ngành cùng nghiên cứu, quyết định lựa chọn lựa chọn giải pháp quy hoạch;

- Phối hợp đa ngành trong xây dựng phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt;

- Phối hợp đa ngành quản lý, giám sát công tác phát triển đô thị.

Sự phối hợp đa ngành đòi hỏi phải có sự thay đổi của tổ chức bộ máy quản lý phát triển đô thị, bổ sung hệ thống cơ chế chính sách vận hành, phân rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền lợi các bên liên quan.

Do vậy, đối với công tác quy hoạch đô thị, theo từng cấp loại quy hoạch cần phải có điều chỉnh nội dung nghiên cứu, quy trình thực hiện và hồ sơ sản phẩm của đồ án quy hoạch đô thị để đáp ứng yêu cầu tích hợp đa ngành ở mức độ cao hơn.

Nội dung 8: Xây dựng dự thảo Đề án “Xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045” (Xem chi tiết tại sản phẩm dự thảo Đề án)

8.1. Xây dựng dự thảo Đề án “Xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045”.

Quan điểm, mục tiêu

a. Quan điểm:

- Tuân thủ và triển khai nghiêm túc các chủ trương, định hướng của Đảng và Chính phủ về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam và quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 và các nghị quyết trụ cột cho phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

- Khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, cơ hội để thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững hệ thống đô thị ven biển làm nền tảng cơ sở cho phát triển nhanh và bền vững kinh tế biển Việt Nam.

- Phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và xu thế chung của thế giới trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, các cam kết “Net Zero” của Chính phủ về giảm phát thải ròng bằng 0 đến năm 2050.

- Lấy người dân là chủ thể tham gia và thụ hưởng các thành tựu của phát triển đô thị, phát triển bền vững kinh tế biển.

b. Mục tiêu:

❖ *Mục tiêu chung:*

Xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình thực hiện nhằm phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

❖ *Mục tiêu cụ thể:*

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách, hướng dẫn về quy hoạch và quản lý phát triển đô thị ven biển nhằm hỗ trợ công tác đầu tư, phát triển các đô thị ven biển, đô thị đặc khu, khu đô thị mới ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Thúc đẩy hình thành một số đô thị ven biển, đô thị đặc khu ven bờ, khu đô thị mới ven biển đáp ứng tiêu chí đô thị hiện đại theo các mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Các chỉ tiêu và lộ trình thực hiện

a) Đến năm 2030

- Ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù để thúc đẩy phát triển đô thị ven biển làm nền tảng cho phát triển bền vững kinh tế biển;

- Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, hướng dẫn về quy hoạch và quản lý phát triển đô thị ven biển;

- Hoàn thành bổ sung cập nhật các nội dung về định hướng phát triển bền vững kinh tế biển và đô thị ven biển trong Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050, các quy hoạch vùng kinh tế xã hội ven biển, quy hoạch tỉnh, thành phố Trung ương ven biển thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050;

- 100% khu đô thị ven biển được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có hệ thống

xử lý nước thải tập trung, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường (Nghị quyết 36-NQ/TW)

- Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh tại các thành phố Trung ương ven biển và một số tỉnh ven biển đủ điều kiện (Nghị quyết 57-NQ/TW)

- Thí điểm áp dụng mô hình phát triển đô thị ven biển theo tiêu chí của Đề án tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển đủ điều kiện.

b) Đến năm 2045:

- Triển khai nhân rộng mô hình đô thị ven biển theo tiêu chí của Đề án tại toàn bộ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ven biển.

- Hình thành hệ thống đô thị ven biển được kết nối đồng bộ về hạ tầng và gắn kết với các trung tâm kinh tế biển.

Các nhiệm vụ chính:

Nhóm nhiệm vụ 1: Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển đô thị ven biển theo mô hình đô thị hiện đại, sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nhóm nhiệm vụ 2: Tăng cường hiệu quả công tác quy hoạch và quản lý phát triển không gian đô thị ven biển

Nhóm nhiệm vụ 3: Phát triển kinh tế đô thị biển, đảo bền vững, đảm bảo an ninh quốc phòng và an sinh xã hội.

Nhóm nhiệm vụ 4: Nâng cao năng lực thích ứng và chống chịu với thiên tai và biến đổi khí hậu cho các đô thị ven biển.

Nhóm nhiệm vụ 5: Thí điểm triển khai mô hình đô thị ven biển sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển.

Giải pháp thực hiện:

1. Tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức, năng lực về vai trò của đô thị ven biển và phát triển đô thị ven biển thông minh, sinh thái, tăng trưởng xanh gắn với phát triển du lịch biển bền vững và thích ứng với Biến đổi khí hậu.

2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh, trong công tác quy hoạch, xây dựng và quản lý phát triển đô thị ven biển nhằm tăng cường hiệu quả quản lý và khai thác không gian đô thị ven biển.

3. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để thúc đẩy chuyển giao kiến thức, công nghệ trong phát triển đô thị thông minh, đô thị sinh thái, đô thị tăng trưởng xanh, đô thị thích ứng với Biến đổi khí hậu và phát triển du lịch bền vững.

4. Đa dạng hóa các nguồn lực cho phát triển đô thị ven biển

Tổ chức thực hiện

- Kế hoạch thực hiện sau khi Đề án được phê duyệt
- Nguồn lực thực hiện
- Phân công trách nhiệm
- Giám sát đánh giá hiệu quả thực hiện
- Các nhiệm vụ ưu tiên thực hiện.

8.2. Xây dựng dự thảo Tờ trình phê duyệt Đề án “Xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045”

(Sản phẩm 03: Dự thảo Đề án và Tờ trình phê duyệt Đề án “Xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045”).

Nội dung 9: Tổ chức Hội thảo góp ý cho dự thảo Đề án “Xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045”

(Phụ lục: Kỷ yếu hội thảo).

KẾT LUẬN-KIẾN NGHỊ

Từ năm 2009 đến nay, hệ thống đô thị ven biển Việt Nam đã có nhiều bước phát triển tích cực, thể hiện qua sự gia tăng về số lượng đô thị, quy mô dân số đô thị, mật độ dân số khu vực đô thị, tỷ lệ đô thị hóa, số lượng các khu kinh tế, khu công nghiệp được đầu tư... Tuy nhiên, do việc đầu tư phát triển còn dàn trải, quy hoạch còn mang tính cục bộ địa phương, chưa tận dụng được hết tiềm năng, lợi thế và thiếu hiệu quả kết nối hệ thống, liên kết vùng, nên năng lực cạnh tranh của ĐTVB nước ta còn hạn chế so với các đô thị ven biển các nước trong khu vực.

Khu vực ven biển nước ta cũng là nơi tập trung nhiều hoạt động kinh tế, xây dựng, chịu nhiều ảnh hưởng nặng nề của BĐKH, thiên tai và nhạy cảm về mặt an ninh quốc phòng, do đó, cần phải có những giải pháp dài hạn, đảm bảo tạo điều kiện cho phát triển kinh tế nhưng không làm cạn kiệt tài nguyên và năng lượng, ảnh hưởng đến sự phát triển dài hạn của đất nước.

Một số vấn đề tồn tại và giải pháp kiến nghị trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị ven biển:

❖ Về thể chế quy hoạch và quản lý phát triển:

Thể chế quy hoạch đô thị ven biển hiện hành của Việt Nam thực hiện theo Luật quy hoạch, Luật quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn, tuy nhiên rất cần thiết phải có quy hoạch tổng thể vùng duyên hải, bao gồm: không gian ven biển và hải đảo ven bờ, hệ thống ĐTVB. Trong đó sẽ xác định rõ các cực tăng trưởng có phân loại phân cấp theo các chức năng kinh tế cũng như tiềm năng phát triển, phân loại theo lý thuyết địa kinh tế để có định hướng chiến lược phát triển hợp lý; có quy hoạch các không gian dự trữ phát triển, bảo tồn cảnh quan, sinh thái tự nhiên; cân bằng không gian giữa các nhu cầu phát triển KT-XH, đảm bảo tối đa không gian công cộng, đặc biệt đối với đô thị du lịch; hệ thống cơ sở hạ tầng liên kết vùng hợp lý và hiện đại đáp ứng nhu cầu trước mắt và tương lai lâu dài, đặc biệt là các tuyến đường ven biển.

Công tác quản lý phát triển đô thị ven biển cũng tuân thủ các quy định hiện hành về phân loại đô thị (Nghị quyết quốc hội Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (đã được thay thế bởi Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025), Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 về quản lý phát triển đô thị, Nghị định về quản lý phát triển đô thị 11/2013/NĐ-CP và các văn bản liên quan, trong đó chưa làm rõ các yếu tố đặc thù về yêu cầu quản lý phát triển đô thị ven biển, đô thị đảo, đô thị tại đặc khu.

ĐTVB là loại đô thị đặc thù, được hình thành và phát triển ở các vị trí địa kinh tế quan trọng của quốc gia, ĐTVB có tiềm năng và vai trò đóng góp rất cơ bản cho nền kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu có nhiều tác động tích cực và tiêu cực, rất nhạy cảm đối với ĐTVB. Do đó việc tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát quá trình phát triển ĐTVB đóng vai trò quan trọng trong nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển và đảm bảo an ninh quốc phòng, việc nhận thức đúng đắn và có sự quan tâm thích đáng đối với công tác kiểm tra, kiểm soát quá trình phát triển ĐTVB sẽ đảm bảo đạt các mục tiêu phát triển đô thị bền vững.

Cần có chính sách đặc thù để thúc đẩy phát triển hệ thống các đô thị tại các đặc khu, các đảo, cụm đảo ven bờ, vừa nhằm mục tiêu phát triển kinh tế-bảo vệ môi trường và đảm bảo an ninh chủ quyền quốc gia.

Các giải pháp đổi mới thể chế đối với quy hoạch, quản lý phát triển ĐTVB bao gồm: (i) Xây dựng tiêu chí cụ thể để chỉ dẫn, khuyến khích cho các đô thị phát triển hướng tới mô hình sinh thái, thông minh và bền vững. (ii) Rà soát lại và bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong quy hoạch đô thị và xây dựng công trình đối với ĐTVB, kể cả các KKT ven biển (nền tảng hình thành ĐTVB tương lai); (iii) Bổ sung các điều khoản luật về quản lý phát triển ĐTVB, đô thị đảo, đặc khu (khác với các đô thị thông thường); (iv) Xây dựng cơ chế bộ máy và cán bộ quản lý ĐTVB hợp lý, kể cả các khu vực đang hình thành đô thị.

❖ *Về công tác quy hoạch đô thị*

Đổi mới nội dung và phương pháp quy hoạch đô thị nói chung và ĐTVB nói riêng để nâng cao chất lượng đồ án quy hoạch đô thị, đảm bảo có tầm nhìn dài hạn, gắn kết tốt mục tiêu PTBV trong quy hoạch, phát triển ĐTVB.

Tích hợp các vấn đề thích ứng BĐKH và phòng chống thiên tai trong quy hoạch các đô thị ven biển là yêu cầu bắt buộc để có các giải pháp thích ứng lâu dài.

Đối với các đô thị đảo, đô thị thuộc đặc khu cần điều chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2021/BXD về quy hoạch xây dựng và các tiêu chuẩn liên quan cho phù hợp với điều kiện hạn chế về quỹ đất xây dựng và cấu trúc không gian phát triển, đặc điểm không gian sinh thái tự nhiên, khả năng kết nối hạ tầng với đất liền.

Ban hành các Hướng dẫn về quy hoạch đô thị đảo ven bờ, đặc khu đảm bảo các yếu tố phát triển tổng hợp về: thích ứng BĐKH, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển du lịch biển đảo và đảm bảo an ninh quốc phòng...

Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng năng lượng tái tạo, công trình nhà ở và công cộng tại các đô thị đảo, đặc khu theo hướng phát triển hạ tầng xanh, công trình xanh, tiết kiệm năng lượng.

❖ *Về công tác quản lý phát triển đô thị*

Cần sớm nghiên cứu ban hành các tiêu chí riêng về phân loại đô thị đối với các đô thị đảo, đô thị đặc khu theo hướng khuyến khích, hỗ trợ phát triển.

Hoàn thiện cơ chế kiểm soát việc lấn biển phục vụ phát triển đô thị, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và năng lượng.

Bổ sung các tiêu chí về đô thị sinh thái, phát triển du lịch bền vững và đô thị thích ứng BĐKH...

Ban hành các tiêu chí ở cấp độ khu đô thị về khu đô thị thông minh, khu đô thị sinh thái, khu đô thị xanh, khu đô thị thích ứng BĐKH...

Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ mới trong công tác quản lý xây dựng, quản lý quy hoạch đô thị, quản lý rủi ro thiên tai.

❖ *Về cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư phát triển đô thị ven biển*

Tổng kết đánh giá hiệu quả việc xây dựng và triển khai các cơ chế chính sách phát triển đặc thù cho các tỉnh, thành phố Trung ương ven biển giai đoạn vừa qua để nghiên cứu áp dụng cho các tỉnh, TPTW ven biển còn lại.

Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách đặc thù cho phát triển cho các đô thị đảo ven bờ, đô thị đặc khu, các đô thị có tính chất chức năng đặc thù (đô thị cảng, đô thị sân bay, đô thị di sản, đô thị du lịch, đô thị thuộc các khu kinh tế, khu du lịch quốc gia...).

Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ cụ thể chủ đầu tư phát triển các dự án phát triển kinh tế-xã hội-hạ tầng tại khu vực hải đảo, đặc khu...

Triển khai cơ chế xây dựng phát triển đô thị gắn với xây dựng các cụm kinh tế biển, trung tâm du lịch biển, trung tâm tài chính, khu kinh tế ven biển, khu thương mại tự do...

Tiếp tục triển khai các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển du lịch biển, đảo, đặc khu...

Ban hành cơ chế khuyến khích đối với các đô thị, chủ đầu tư dự án khu đô thị ven biển tham gia triển khai thí điểm hoặc tuân thủ theo các mục tiêu phát triển do Đề án đặt ra...

❖ *Về công tác quản lý môi trường, cảnh quan, thích ứng BĐKH*

- Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong xây dựng Luật Cảnh quan, Luật quản lý vùng ven biển (Cộng hòa Pháp, Cuba...) để có công cụ pháp lý rõ ràng trong công tác quản lý cảnh quan nói chung và cảnh quan biển, đảo; Lồng ghép các yêu cầu bảo vệ cảnh quan trong quy hoạch đô thị và nông thôn, đặc biệt trong quy hoạch chung đô thị ven biển, đặc khu.

- Hoàn thiện thể chế, chính sách, hướng dẫn kỹ thuật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo làm cơ sở cho các tỉnh triển khai thực hiện; tiếp tục phối hợp triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển kinh tế biển; Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo; Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng cơ chế minh bạch cho công tác quản lý xây dựng hạ tầng, phát triển đô thị lấn biển, trên biển./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Ngọc Chính, (2022), “Quy hoạch phát triển đô thị ven biển - Một giải pháp hướng tới phát triển xanh và bền vững”, Tạp chí Quy hoạch đô thị, Số 46/2022.
2. Tạ Thị Thu Hương, (2023), *Quản lý nhà nước về nước về phát triển hệ thống đô thị ven biển Việt Nam theo hướng phát triển bền vững*, luận án tiến sĩ, ĐH Xây dựng Hà Nội.
3. Nguyễn Chu Hồi, (2023), “Tiến ra biển bằng các đô thị biển để “Mạnh giàu từ biển””, <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=82873.x>
4. Trịnh Minh Hiếu, (2021), “Một số loại hình đô thị biển hiện nay”, Tạp chí điện tử Người đô thị, <https://nguoidothi.net.vn/mot-so-loai-hinh-do-thi-bien-hien-nay-26140.html>.
5. Nguyễn Minh Hòa. “Hoàn thiện dải đô thị ven biển thành hệ thống bền vững đa chiều”, Tạp chí điện tử Người đô thị, 2021, <https://nguoidothi.net.vn/hoan-thien-dai-do-thi-ven-bien-thanh-he-thong-ben-vung-da-chieu-27683.html>.
6. Lưu Đức Hải (2011). Đô thị sinh thái trong phát triển đô thị tại Việt Nam, Tạp chí ASUI.com.
7. Nguyễn Thị Thanh Huyền, Lại Văn Mạnh, Nguyễn Hữu Đạt, “Phát triển đô thị tăng trưởng xanh ở Việt Nam”, Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường, <https://isponre.gov.vn/vi/news/doi-thoai/phan-trien-do-thi-tang-truong-xanh-o-viet-nam-2317.html>
8. Phạm Thanh Huy (2016). *Quy hoạch đô thị ven biển Tây Nam Bộ thích ứng với BĐKH đến năm 2030*. Luận án tiến sĩ.
9. Đỗ Tú Lan, (2022), “Chiến lược phát triển đô thị biển trong thời đại 4.0, Đô thị biển-không gian kiến trúc và con người”, <https://vienkientruc.vn/chien-luoc-phan-trien-do-thi-bien-trong-thoi-dai-4-0-do-thi-bien-khong-gian-kien-truc-va-con-nguoi/>.
10. Mai Trọng Nhuận (2016), “*Mô hình đô thị ven biển có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu*”, Nhà xuất bản đại học quốc gia Hà Nội.
11. Mai Trọng Nhuận (2016), “*Nghiên cứu và xây dựng mô hình đô thị ven biển có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu*”, đề tài cấp quốc gia, Bộ Tài nguyên và môi trường.
12. Nguyễn Bùi Phong, Mai Trọng Nhuận (2020), “Nghiên cứu đề xuất bộ chỉ số khả năng thích ứng với BĐKH cho thành phố Đà Nẵng”, Tạp chí Khoa học Biến đổi khí hậu- Số 16 - Tháng 12/2020
- Hoàng Vân, (2024), “Quy hoạch không gian biển quốc gia mang tầm nhìn chiến lược”, Tạp chí điện tử Người đô thị, <https://nguoidothi.net.vn/quy-hoach-khong-gian-bien-quoc-gia-mang-tam-nhin-chien-luoc-43989.html>
13. Nguyễn Thị Minh Phương, Nguyễn Thị Hồng Tình (2022), *Tổng quan về xói mòn bờ biển*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân 3(52) (2022) 3-13.
14. Phan Thị Yến Tuyết (2016), *Đời sống xã hội-kinh tế, văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ*, NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
15. *Đô thị ven biển Việt Nam trong bối cảnh thiên tai và biến đổi khí hậu*, <https://moitruongxaydungvn.vn/do-thi-ven-bien-viet-nam-trong-boi-can-htien-tai-va-bien-doi-khi-hau>.

16. Rentschler, J. et al. (2020). *Resilient shores: Vietnam's coastal development between opportunity and disaster risk*. The World Bank, Washington DC.
17. Digregorio, M. et al. (2018). *The Vietnam city resilience index*, The Asia Foundation, Hanoi.
18. Kịch bản BĐKH cập nhật năm 2020, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
19. <https://moitruongvaxahoi.vn/nhung-thach-thuc-cua-bien-doi-khi-hau-va-giai-phap-ung-pho-cua-viet-nam-31424598.html>
20. Nguyễn Kim Hoàng (2024), Chính sách phát triển các tỉnh ven biển thích ứng với biến đổi khí hậu ở Việt Nam, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 333. 2025. Đại học kinh tế quốc dân.
21. Quảng Ninh triển khai các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường <https://thiennhienmoitruong.vn/>
22. Hải Phòng: Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với Hải Phòng và giải pháp phòng tránh, thích ứng, giảm thiểu thiệt hại, <https://thanhphohaiphong.gov.vn/>
23. Thanh Hóa tăng cường khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu, <https://baothanhhoa.vn/>
24. <https://nghean.dcs.vn/vi-vn/tin/nghe-an-thuc-hien-hieu-qua-cong-tac-ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau/24021-16570-195757>
25. Xây dựng đô thị ven biển hiện đại, tăng trưởng xanh gắn với du lịch bền vững, <https://vietnamnet.vn/xay-dung-do-thi-ven-bien-hien-dai-tang-truong-xanh-gan-voi-du-lich-ben-vung-2349924.html>